

Đi theo
phía ngày lên



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

C ẨM L Ệ

ĐI THEO PHÍA NGÀY LÊN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Cứ xem như một chuyến vừa đi vừa chép
nên có nhiều điều không làm vừa lòng các bạn
có trên tay tập ghi chép này.
Đây là lẽ thường mà!
Không thể nào chép đủ đầy những đặc trưng vùng đất
nơi chúng tôi đi qua.
Sẽ là thiếu sót nhưng chắc bằng lòng
với những gì chép dọc đường đi
trong cuộc hành trình cùng bước chân
ĐI THEO PHÍA NGÀY LÊN.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

PHẦN MỘT

RA BẮC



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HUẾ



Đèo Hải Vân



Ngày 7.6.2001.

Trời tháng Sáu, mây trắng vắt ngang
mấy dãy núi Trường Sơn hùng vĩ của
miền Trung, đoạn qua Huế - Đà Nẵng
đâm ra tận biển, gần đến bán đảo Sơn Chà. Núi xòe
tay, xa trông như ôm lấy Bà Nà kéo dài ra đến ngang
trời Vũng Thùng, Sơn Chà tận biển, mang theo cái
nóng 38⁰C hâm hấp vây quanh quán nhỏ ven đường
Lê Lợi của thành phố biển quê tôi. Anh bạn ngồi
bên thưởng thức hương vị ly cà phê sáng, buộc
miệng:

- Lần này chắc mẩm rằng đi Bắc - Hà để tìm
nguồn cảm hứng, chao ôi là chùa Hương rồi lên
Kinh Bắc nghe hát quan họ, nhìn các liền chị hát
một bữa cho đã mắt, chứ ở nhà mãi thế này chỉ nghe
toàn sóng biển vây quanh, không đi không biết thì
tìm đâu ra được *đi một ngày đàng học một sàng
khôn* thế nào kia chứ. Nửa đời người rồi mà chưa
được một lần đến làng quan họ xem sao, lên Lũng



Cú đỉnh đầu Tổ quốc. Lần này không đến được thì không biết chừng chẳng khi nào đến được làng quan họ nữa đâu. Lại còn hứa hẹn lên tận Lũng Cú, nơi địa đầu Tổ quốc để được dặm chân thành thịch một lần nữa đây!

Mấy anh con trai háo hức ra phách, nhưng trong lòng vẫn kín đáo hơn. Một cô bạn bảo: Sao lại gọi Bắc – Hà như ngày xưa Đàng Ngoài - Đàng Trong vậy hả? Ngồi phía góc bàn có anh lên tiếng thanh minh: Thì nói ghép hai địa danh Bắc Giang và Hà Giang vậy thôi, chứ ai nghĩ chuyện xưa tích cũ trong lịch sử đâu.

Đi một chuyến! Ừ thì một chuyến! Một chuyến đi chắc sẽ có nhiều kỉ niệm. Họ sẽ sống cùng nhau trong một nhóm nhỏ thôi nhưng ở đây sẽ là tất cả, sẽ thiết lập nên mối quan hệ, có yêu thương, ghen ghét, giận hờn gì rồi cũng có thể nhìn và biết được. Những ngày lao động, học tập trong cùng một đơn vị tưởng đã biết được nhau có khi đến mười mười, nhưng không phải thế - chưa phải là tất cả - bởi thực tiễn luôn là sự trải nghiệm phong phú. Có gì mà người ta lại không phơi bày ra trước thiên nhiên vốn khách quan không một chút luận bàn. Ấy nên người ta bảo rằng *lý luận luôn là màu xám còn cây đời mãi mãi xanh tươi*.

Chúng tôi bắt đầu khởi hành ra phía Bắc.

Cứ xem như một chuyến *vừa đi vừa chép* nên chắc chắn có nhiều điều không làm vừa lòng các bạn



có trên tay tập ký sự này (cũng xem như một tập nhật ký vậy). Đây là lẽ thường mà! Không thể nào chép đủ đầy những đặc trưng vùng đất nơi chúng tôi đi qua. Sẽ là thiếu sót, nhưng chắc bằng lòng với những gì *chép dọc đường đi* trong một cuộc hành trình VUA ĐI VUA CHÉP.

Từ đường Trần Cao Vân lên Thanh Khê và ra Điện Biên Phủ, vào quốc lộ 1A.

Sáu giờ sáng lên đường ra miền Đông Bắc một chuyến. Trời nắng đẹp. Đường Liên Chiểu sáng nay thưa người, có thể xe sẽ chạy nhanh một chút, thế nhưng vẫn không tránh khỏi va quệt. Hai xe Honda quệt nhau trên đường, những người hiếu kỳ vây quanh xem, kín một quãng đường, xe lại ùn tắc. Bụi phả mù mịt một đoạn đường.

Anh em chúng tôi bảy người. Xe chạy, một thành viên của đoàn cẩn thận nhắc chú tài:

- Hôm nay ta đi sớm nên đường thưa người. Nếu mà đi vào lúc bảy giờ, thì không thể nào chen xe được.

Ngồi trên xe nhìn về phương Bắc, đèo Hải Vân vời vợi. Mây trắng phả vào cửa xe mát rượi. Đèo uốn lượn vòng quanh sườn núi như con rắn khổng lồ trườn mình lên dốc. Những đoạn sạt lở trong mùa mưa lũ năm 2000 nay đã được tu sửa lại, nhiều đoạn còn rộng hơn hồi cũ, bờ kè xây bằng đá, đẹp hơn trước. Đứng trên đoạn cong nhất, hiểm nhất có thể cảm nhận được Hải Vân (Ải Vân) là thế nào: vời vợi gió núi với cây rừng, mây và trời, biển và



đất lồng lộng hai chiều ngang dọc. Chính thế mà nhiều văn nghệ sĩ xưa nay yêu thương thành phố biển Đà Nẵng, họ đã đến đây ghi chép về đẹp hoành tráng của Hải Vân trong những tác phẩm của họ. Cả trong văn nghệ dân gian xưa kia người dân Quảng Nam ít cần bút, quen cầm cày, cầm lưới, cầm liềm rựa cũng đã cảm nhận về vùng đất nơi họ sinh sống:

Hải Vân vời vợi muôn trùng

Hòn Hành ở đó là trong vịnh Hàn.

hoặc là họ nhìn lên núi rồi bảo:

Hải Vân cao ngất từng mây

Giặc đi đến đó bỏ thầy không về.

Núi Hải Vân là địa giới tự nhiên giữa Quảng Nam với Thừa Thiên, là cửa ngõ phượng bắc của Quảng Nam. Đặt chân lên đèo chúng ta có cảm giác bước vào một thế giới khác. Người Pháp đến đây đã đặt tên Hải Vân là đèo Mây (Col des Nuages). Nhìn về phía đông là núi cao dựng đứng, chân núi là biển xanh thăm thẳm, sóng rì rào suốt bốn mùa không nghỉ. Phong cảnh như vậy là cảm hứng cho du khách mỗi khi ngang qua đèo. Cao Bá Quát một lần đến đèo và đã có thơ *Châu trung biểu vọng*: *Nhất bích ngưng vi giới/ Trùng vân nhiều tác thành/ Viễn phong xung hải lập/ Cao lẫm tiếp thiên bình/ Hương quốc tam xuân ý/ Kiền khôn vạn lý tình/ Đà lâu tân bắc vọng/ Độc kiến tảo yên hoành.*

Nhà thơ Khương Hữu Dụng dịch:

Biếc một dải làm mốc

Mây muôn trùng dựng thành



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Non xa nhô biển thăm
Sóng dựng tiếp trời xanh
Quê quán ba xuân ý
Cần khôn vạn dặm tình
Lầu thuyền hòng ngóng bắc
Chỉ cháy khói bình minh.
(...)*

Chúng tôi qua hai mươi cây số đường đèo và đi dọc theo những địa danh một thời khai phá đất phương Nam.

Huế tập nập và đẹp hơn. Nơi đây tôi đã theo học Đại học Văn khoa và đã có hơn một lần cuộc bộ trên những con đường phố Huế. Đến năm 1984 lại trở về Huế học Đại học Sư phạm khoa Ngữ văn đến 1989 thì xong. Huế là cố đô, nơi đã có nhiều văn nhân thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ đã từng say sưa trước vẻ đẹp mộng mơ của Huế. Từ tiếng guốc mộc gõ trên đường phố Huế đến tiếng trống điểm trên lầu vọng nguyệt. Rồi nét dịu dàng của các cô gái Huế đã đi vào thơ ca:

*Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành.
Cho đến:*

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Cương
vọng ra từ đồi Long Thọ Cương thuộc làng Kim
Long bên kia bờ sông Hương yên ả.*



Cầu Trường Tiền

Đến Huế lại nhớ câu:

Thừa Thiên dân hiền cảnh lịch

Non xanh nước biếc, điện ngọc, đền rồng

Tháp bảy tầng Thánh miếu, Chùa Ông

Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Toà

Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua

*Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ đợi khách âu
ca thái bình*

Đến Linh Mục nghe người dân ở đây kể rằng, tương truyền vào năm 1601 (Tân Sửu), Chúa Nguyễn Hoàng trong một lần ngao du đã đến khúc lượn của sông Hương nhìn trên gò cao là đất bằng, hình thể như đầu con Long, trước là sông, sau là hồ, cảnh thiên nhiên lại đẹp. Chúa hỏi người dân ở đây thì được đáp rằng: *gò ấy rất linh thiêng. Ngày xưa vào ban đêm có một người nhìn thấy một cụ già mặc*



*áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò mà ước rằng:
"Rồi đây thế nào cũng có chân Chúa đến lập chùa
ở nơi này, dựng tự linh khí, bên long mạch, nghiệp
Chúa vững mãi đời đời."* Nói xong, cụ già biến mất,
nhân thể, dân chúng mới gọi cái gò ấy là Thiên mục.
Chúa nghe vậy bèn dựng chùa, đặt tên là Thiên Mục.
Đến 1665 (Ất sửu), Chúa Nguyễn Phúc Tần trùng
tu. Năm 1710 (Canh Dần) Chúa Nguyễn Phúc Chu
cho đúc một chuông lớn nặng 3.285 cân, Chúa đích
thân làm một bài văn khắc vào chuông. Từ bấy đến
nay, tiếng chuông hoà câu kinh câu kệ cùng với
tiếng hò của các cô thôn nữ dọc một triền sông.

Tiếng chuông Thiên Mục dẫn dò

Em đi cảnh vắng hẹn hò cùng ai?

Lần này, chúng tôi không dừng lại Huế được,
thế nên sẽ không thăm Huế lâu hơn.

Sau bữa sáng, xe chúng tôi lại tiếp tục chạy
về phía cầu mới Nguyễn Hoàng, tôi nhìn về phía
Tràng tiền, chợt nhớ:

Cầu Tràng Tiền sáu vài mươi hai nhịp

Anh không qua kịp tội lỗi em ơi

Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời

*Dẫu có xa nhau đi nữa cũng bởi ông trời mà
ra.*

Qua sông Hương, sông như một dải lụa vắt
ngang thành phố, lơ lững những chiếc thuyền trôi
mơ màng êm nhẹ. Năm 1916 có thể những chiếc
thuyền giống như vậy chở Trần Cao Vân giả làm



người câu cá mà bàn chuyện nước non với vua Duy Tân. Thế đấy! Câu Nam ai từ đó cất lên:

Chiều chiều trước bến Vân Lâu

Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm

Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?

Thuyền ai lấp ló bên sông

Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non!

Nhà giáo, nhà nghiên cứu Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam Văn học sử yếu* cho rằng các làn điệu của hò Huế là do người Việt ảnh hưởng các làn điệu của Chiêm Thành mà có. Vua Lý Thái Tôn vào thành Phật Thệ (Hương Thủy, Thừa Thiên) bắt các cung nữ của vua Chiêm biết hát múa khúc *Tây thiên* về. Sau này, chính những vũ nữ hát múa soạn ra *Chiêm Thành âm*, khi hát lên tiếng sầu oán, thương xót, nỗi buồn rầu ấy thổ lộ qua giọng hát, cung đàn nên có vẻ nhiều ai oán truyền sang ca nhạc Huế.

Ngoài Nam ai, ca Huế còn có Cổ bản, Kim tiền, Tứ đại cảnh, Lưu thủy hành vân, Nam thương, Nam bình... Làn điệu nào nghe cũng hay cả và thấm sâu. Và tôi, đã một lần vào một chiều lắng đọng hoàng hôn, đã được theo đoàn thực tế của ngành Giáo dục – Đào tạo huyện Hoà Vang vào năm 1987 thả thuyền trên sông Hương nghe hò Huế.

Nhìn qua Phu Văn lâu xây năm 1819 (Gia Long), đây là nơi công bố sắc dụ và danh tước các vị tân khoa thi Hương, thi Hội,



thi Đình. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho dựng một tấm bia, khắc một bài thơ ca ngợi sông Hương, núi Ngự. Phía trước có một tấm bia đá ghi "*Khuynh cái hạ mã*", ai đi ngang qua đây cũng phải nghiêng dù, xuống ngựa để tỏ lòng kính trọng những giá trị tinh thần.

Ngang qua Huế lần này ấn tượng nhất là hệ thống đền đài, lăng tẩm của cố đô một thời huy hoàng, tráng lệ vẫn còn dấu ấn với bao người. Ngày 11 tháng 12 năm 1993 đã được UNESCO (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization) công nhận là di sản văn hoá thế giới, trong đó bao gồm toàn bộ những kiến trúc đền đài đã tạo nên diện mạo của Huế trong lòng dân tộc và quốc tế. Cả thảy có bảy lăng: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Kiến Phúc, Đồng Khánh, Khải Định. Cùng với đó là khu Hoàng thành của cố đô. Các lăng đều nằm về phía tây kinh đô Huế, dọc theo bờ sông Hương.

Trước 1975, đã có lần tôi được xem lễ hội Hòn Chén trên đường ra Quảng Trị. Lễ hội tiến hành vài ngày trên sông Hương, người ta kết đôi những chiếc thuyền, trên thuyền cắm cờ, phướn, bày hương án tế lễ. Thuyền trôi trên sông Hương lững lờ tiến mũi về Điện Hòn Chén, nơi thờ Thánh Mẫu. Trong các lễ diễn ra, tôi ấn tượng nhất là lễ phóng sanh, phóng đăng.



Người ta thả hàng trăm con chim bồ câu, hàng trăm con chim se sẻ bay lên kín một vòm trời núi Ngọc Trản và hàng ngàn hoa đăng được thả xuống sông Hương. Hàng trăm chim se sẻ bay lên không gian, còn hoa đăng lơ lửng trôi theo dòng nước ngang qua Phú Vân Lâu rồi ra cửa bể Thuận An. Điện Hòn Chén được xây dựng từ thời Gia Long, đến thời Minh Mạng cho trùng tu lại, sang triều đại Đồng Khánh sửa sang rộng hơn. Triều Nguyễn cũng đã phong thần và đặt tên là Huệ Nam Điện. Sau những năm ấy lễ hội Hòn Chén được xem như quốc lễ do triều đình đứng ra tổ chức. Về sau này, dân khắp các miền Trung, Nam trước 1975 tụ tập về tham dự. Bởi, thờ Thánh Mẫu thì dọc theo dải đất miền Trung nhiều làng có miếu thờ cúng. Vùng Quảng Nam-Đà Nẵng mỗi gia đình đều có cầu an cúng đất vào dịp tháng ba hằng năm, làng lại có lễ hội Kỳ an, đối tượng thờ cúng có thỉnh mời nữ thần Thánh Mẫu Thiên YAna đăng điện.

Chuyện xưa kể rằng tại núi Ngọc Trản người Chăm thờ thần Poh Nagar là Chúa xứ đất của họ và Thiên YANa chính là sự hoá thân của thần Poh Nagar. Từ đây vị thần trở thành linh thiêng khi người Việt đặt chân đến đất đai, xứ sở vùng này. Khi người Việt miền Trung từ Huế trở vào gọi vị thần này là Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Công chúa. Và thế là từ ngày người Việt mở cõi vào Nam, ngang qua vùng miền



Trung nắng gió hanh hao, họ thờ vị thần mà theo người dân ở đây cho là đã làm nhiệm vụ cùng *chưởng* xứ đất của họ. Từ đấy họ cho hòa nhập vào tín ngưỡng dân gian của làng xã người Việt miền Trung.

Đến Huế mà không có đôi điều về lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn là thiếu đi một chút trong toàn bộ cuộc hành trình *vừa đi vừa chép* mà tôi đang ghi lại từ một điểm nhìn. Tất nhiên sẽ thiếu sót những chi tiết, đôi khi cả niên đại của những vấn đề ghi lại ở đây, bởi không thể nắm bắt hết khi mà chép dọc đường đi./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

QUẢNG TRỊ



Cửa Tùng Quảng Trị (7/1/2001. VVH)



Và rồi Quảng Trị, nơi quân nhau ác liệt giữa ta với địch trong kháng chiến, nơi địa đầu, nơi mùa hè đỏ lửa 1972, nơi còn để lại những bài ca đau xót và hào hùng một thời hiên ngang đánh giặc. Nhưng cũng có những câu hát phía Nam cây cầu buồn héo ruột:

"Mẹ trông con ra cầu Ái Tử, vợ trông chồng lên núi Vọng phu".

Cầu Ái Tử trong chiến tranh ác liệt, đã sập nhiều lần, nay được làm lại đẹp hơn, dài chừng 150 mét. Cổ thành Quảng Trị, nơi chưa đủ hai mươi lăm ha, vậy mà ta đã quần nhau với giặc, máu đỏ, xương rơi để giữ cho được độc lập tự do. Người Quảng Trị kể rằng nơi đây nhiều chiến sĩ đã hi sinh trong mùa hè năm 1972 tại cổ thành Quảng Trị.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Xe chạy dưới những tia nắng vàng rực rỡ, ngang qua Đông Hà, nếu theo quốc lộ 9 đi về phía tây chừng 50km nữa ta sẽ gặp cây cầu Đăkrông bắc qua sông Đăkrông, và càng đi nữa ta sẽ gặp trên đường những địa danh một thời trong chiến tranh ác liệt: Tà Rụt, dốc Con Mèo, dốc Ba Cô. Và xe chạy mãi ngược vào Nam có đến 100 km nữa sẽ đến huyện A Lưới (thuộc Tỉnh Thừa Thiên-Huế), một thung lũng trải ra dưới ánh nắng mặt trời từ tinh mơ đến khi chiều tối.





Chúng tôi đi, mọi người dường như vừa thấm mệt chỉ sau gần một ngày đường. Trên xe đã nhìn thấy có người ngủ say sưa. Tôi hỏi Lưu Anh:

- Này, còn nhớ A Lưới trong chiến tranh không?

- Nhớ chứ, ở đó có núi Cô Ha Tuk, lính Mỹ gọi đỉnh của nó là Burkingham. Trên đỉnh mất nửa năm mây phủ trắng xóa rồi. Có một ngọn đồi rất ác liệt trong chiến tranh, ta và Mỹ quần nhau chí tử. Trận chiến bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 năm 1969 và kết thúc ngày 20 tháng 5 cùng năm. Này nhá, từ A Lưới theo đường 14 đi về phía tây qua bốn cái dốc, mà dốc nào cũng phải trèo lên dốc với những nấc thang bằng đất rồi lại bước lúp xúp qua bãi cỏ tranh, cỏ may, lau sậy, băng qua một con suối mới leo lên đỉnh đồi. Đỉnh cao bốn trăm bảy mươi mốt mét, người dân vùng này gọi là núi A Bia, còn lính Mỹ thì đây là đồi Hamburger hill. Ở trên ngọn đồi này vào tháng 5/1969 cả một tiểu đoàn của sư đoàn kỵ binh bay 101 (101st Airborne Division) đã bị quân giải phóng của Việt Nam loại bỏ.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Ảnh: Bia tưởng niệm trên đỉnh Hamburger hill (đồi thịt băm) đồi Abiah.



Dừng một chút rồi Anh tiếp:

- Hamburger hill không phải là nơi du lịch mà là một chứng tích của chiến tranh, của một thời đánh giặc giữ nước.



Ảnh: Di tích sân bay trực thăng dã chiến Ma Mung của quân đội Mỹ trên đồi Hamburger hill. Năm 1969



Chúng tôi chạy bon bon dưới trời nắng nóng mùa hè Quảng Trị, dọc theo quốc lộ 1A, nhìn vào từng xóm nhà, người Quảng Trị đã có nhà ở kiên cố, có cả nhà tầng. Đẹp rồi!. Đi ngang qua một cánh đồng, nắng nóng nung người, qua mùa ve râm ran chưa thấy nước trên đồng ruộng mà chỉ thấy ngập tràn màu của nắng nhấp nháy từng tia vàng loá mắt./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

QUẢNG BÌNH



Động Phong Nha (Internet)



Ngày 8 tháng 6 năm 2001

Thế rồi "Quảng Bình quê ta ơi", đây là quê hương của anh Nguyễn Minh K và Trần Văn B đang làm việc cùng đơn vị với chúng tôi, là mảnh đất hào hùng một thời đánh giặc. Bom đạn đã trút xuống đây làm tan hoang nhà cửa, ruộng vườn. Trịnh Công Sơn trong tập "Ca khúc da vàng" hát: *Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng, cửa nhà Việt Nam cháy đỏ cuối thôn...Đại bác ru đêm đánh thức mẹ dậy, em thơ giết mình, hầm hố tan hoang...* là phải. Có điều sau khi thống nhất nước nhà, thôn xóm đã liền da, nhà cửa lại mọc lên trở lại, dựng lại tình người trên đồ nát một thời bom đạn đã qua đây. Cách đây hai năm tôi đã một lần ngang qua, nay trở lại thấy nhà kiên cố đã mọc lên nhiều, dọc hai bên đường quốc lộ 1A nhà sắp hàng đứng cạnh nhau đẹp mắt, màu ngói đỏ tươi phơi dưới ánh nắng mặt trời.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Đến Quảng Bình, những người đam mê thưởng ngoạn cảnh núi non hùng vĩ bất ngờ bắt gặp và tìm hiểu về Phong Nha – Kẻ Bàng. Động



Phong Nha (Internet)

Phong Nha thuộc xã Sơn Trạch huyện Bố Trạch. Chúng tôi vừa vượt qua thị xã Đồng Hới, xe tiến đến ngã ba Hoàn Lão, nơi đây rẽ trái có một con đường vào khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng.

Vào động Phong Nha phải đi đò ngược trên sông Son. Hai bên bờ sông là cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Năm 1998, chúng tôi đã một lần lên thăm động, đi dưới nắng chiều mới thấy hết vẻ đẹp rực rỡ của Phong Nha-Kẻ Bàng là thế nào! Những ngọn núi đá vôi của dãy Kẻ Bàng bọc quanh con sông nhỏ lượn lòng vòng tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình. Đạo ấy, chúng tôi đi ngược dòng sông được nghe



người lái đò kể câu chuyện huyền thoại về một vị thần đã lấy nước của trời về cứu dân lành trong mùa khô hạn. Nếu ta đến đây vào mùa hè sẽ được ngắm ánh nắng trải vàng trên những sườn núi đá với một màu xanh mát mắt. Và đến hoàng hôn về, toàn cảnh Phong Nha-Kẻ Bàng lại khoác lên mình một màu tím ngát, hiền lành, rụt rè e thẹn. Đò đến cửa động, tôi cho tay vào dòng nước mát trong lành, căng ngực đón luồng gió mát thổi từ trong động ướm ra. Đò lại chòng chành vào chùng một đoạn nữa, có ai khoác lên người tôi những giọt nước trong lành mát rượi. Lại nghĩ:

Anh về hỏi lại bến Sơn

Ai đem con nước vào trong động vàng

Em hươ tay vẩy dịu dàng

Lắm lên vai áo băng khuâng biết là....

Trong động, hơi lạnh phả lên người rười rượi, tất cả những bận bịu đời thường, những lo âu trong cuộc sống tan biến cả, còn lại là những phút giây sáng khoái, bình yên. Ánh sáng mặt trời đã mất hẳn trong vòm hang. Vọng lên là tiếng tí tách của những giọt nước rơi từ trên thạch nhũ xuống hoà với tiếng sóng len ten vỗ vào thành động nghe như những tiếng nhạc lúc bông, lúc trầm.

Vòm trời trong động lại xuất hiện, ngay trước mặt có thể nhìn thấy và tưởng tượng ra hình một con đại bàng đang bay, dưới chân kẹp nàng công chúa. Rồi lại voi rừng đang hút nước vào vòi. Những con rùa, những con sư tử bên tảng đá. Một



đàn khi đang chuyển cảnh... Rất nhiều những hình ảnh lạ mà ta có thể hình dung ra theo trí tưởng tượng của mình. Vào Bãi Tiên, từ dưới thuyền nhìn lên, đây là nơi xưa kia các nàng tiên về tắm. Vào sâu trong động chừng 600 mét, gặp động Bì Ký nhìn thấy những hàng chữ do người Chăm ghi lại, có 97 chữ khắc trên vách đá. Người ta chỉ đọc và dịch được mỗi một chữ *Capimala*, đây là tên của một vị La Hán, tổ thứ 13 trong Phật giáo phía Bắc Champa vào cuối thế kỉ thứ IX, đầu thế kỉ thứ X. Trên vách động, có thể nhìn thấy những chùm đèn hoa rực rỡ, có cả những đường viền của những tấm rèm phủ xuống rất đẹp. Động Tiên, nơi có thể nhìn thấy vẻ uy nghi của Quan Âm Bồ Tát. Vài luồng ánh sáng từ ngoài lọt vào tạo cho động những đường kẻ của thiên nhiên kỳ ảo, ánh sáng từ đó có thể rọi đủ để chiêm ngưỡng vẻ lung linh của hang động.

Đi sâu hơn, ta sẽ bắt gặp những cột thạch nhũ đẹp mê hồn, có cột nhìn như trái bắp khổng lồ nổi liền từ trên vòm cao xuống. Qua cái ngách nhỏ là Hang Tiên, một mái tóc dài xõa xuống vàng mơ của một nàng tiên nữ diễm kiều. Mặt tiên nữ áp sát vào vách núi nhìn xa lưu luyến, đợi chờ. Và rồi Động Cung Đình, cứ tưởng tượng xem một ngai vàng bằng thạch nhũ chạm trổ bằng những đường kỉ hà ngang dọc đến lạ, dường như chung quanh ngai vàng là những hạt kim cương lấp lánh. Những cột thạch nhũ cho ta nghĩ rằng đây là những cây cột tại cung đình, trụ đỡ cho một triều đại?



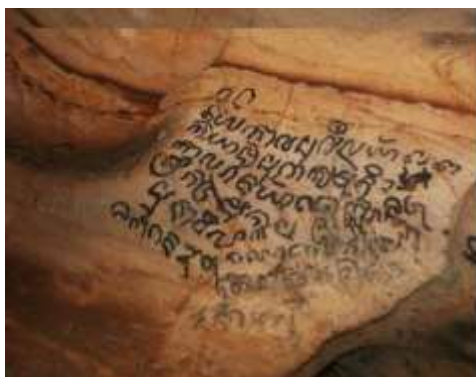
CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Như thế là đã vã mồ hôi và mỗi chân lấm ròi còn gì, may mà nhiệt độ trong động lên xuống từ 17 đến 18 độ C, nếu không chắc chúng tôi phải thôi lui mất!

Hãy nghỉ đã! Trước khi leo lên 500 bậc đá để thăm động khô Tiên Sơn.

Nhìn lên trần động là những đám mây ngũ sắc lững lờ trôi. Đến đây, có thể nghĩ rằng động Phong Nha đẹp một cách lạ lùng, động Huyền Không của Ngũ Hành Sơn không thể nào sánh kịp. Tôi không biết động Cuevas del drac của Tây Ban Nha, động Padirac ở Pháp đẹp đến chừng nào, nhưng có lẽ Phong Nha có thể sánh ngang, bởi đã có rất nhiều nhà thám hiểm trên thế giới đến đây, họ đều gật đầu mà rằng Phong Nha là "*Phong Nha đệ nhất động*".

*Chữ Chăm khắc vào thạch nhũ trong hang động Phong Nha
(Internet)*



និយកាធិបតីយ៍ខ្មែរ
កាធិបតីយ៍ខ្មែរ
កាធិបតីយ៍ខ្មែរ
ព្រះបាទ
បុរាណ
ឥសាន្តរាជ



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HÀ TỈNH



Một phiên hát ca trù (A; Tl)



Vào Hà Tĩnh, trời đã chiều xuống. Nắng tắt trên những dãy bạch đàn ven chân núi. Ở đây mà nhìn núi thì vô tư. Lại nhìn thấy đất bazan. Ai đó ngạc nhiên: đất bazan sao?

Ở đây, nơi nào có đất đỏ bazan cây trái xanh hơn, nhà cũng nhiều và họ (dân ở đây) đã xây dựng kiên cố được.

Bây giờ tôi đến thành Vinh.

Dọc theo các dãy phố dài, hàng quán treo bảng quảng cáo cho kẹo Cu đơ. Những tấm biển làm bắt mắt khách qua đường. Cu đơ là một loại kẹo đậu và đường đen trắng dẻo (giống ở Đà Nẵng gọi là kẹo đậu). Nhà sản xuất dùng hai chiếc bánh tráng nhỏ, đường kính 12cm rắc đậu phụng cùng với nước đường lên, kẹp lại. Khi trắng đường người ta còn cho thêm nước gừng vào để bánh được thơm. Bánh Cu đơ khi ăn có mùi vị ngọt, bùi mùi đậu phụng, có cả mùi gừng, thật hay.

Đây là một loại bánh đặc sản của Vinh.

Người bán bánh ở đây kể rằng: loại bánh này được làm từ thời Pháp thuộc do một ông cụ có tên là Hai (Cụ Hai) làm ra. Một người lính Pháp đến mua ăn thử và khen ngon, sau đấy người lính này



nói trợ trợ tên cụ thể nào đấy rồi thành ra là Cụ đơ (deux: hai), theo thời gian dần dần bánh có tên là Cu đơ như đến tận nay.

Trời miền Trung quả là nắng nóng, từng cơn gió phơn phớt thổi tạt ngang qua thành xe nóng hổi. Xe vẫn bon bon trên đường, chưa thấy ai có dấu hiệu thấm mệt. Đèn điện sáng giăng dọc theo những con phố còn mới màu nhựa đường. Bảy giờ ba mươi phút, chúng tôi ăn cơm tối tại khách sạn *Hương Sen* trên đường Nguyễn Tất Thành. Tại đây, chuyện văn về danh lam thắng cảnh của Nghệ An, trong đó có nhắc đến chuyện chúng tôi thăm quê Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1998 và đã đến Phong Nha, Kẽ Bàng trong cùng chuyến đi năm ấy, đã đi thuyền dọc sông Son, đã nghe và ghi chép truyền thuyết về động Phong Nha...

Lại nghĩ, từ Nghệ An, Hà Tĩnh trở ra là xứ sở của Ca trù (Hát nói). Có thể nói chung rằng, miền Bắc ca trù, miền Trung hò Huế còn miền Nam là đờn ca tài tử cải lương. Ca trù là lối hát ả đào hay đào nương ca. Hát ả đào gồm lối ca trù do đào nương hát đối với hát trai.

Có nhiều lối hát ả đào: dâng hương, giáo tuồng, gửi thư, thét nhạc... Nhưng tựu trung lại chỉ có hát nói là văn chương nhất, lý thú nhất.

Tôi còn nhớ những năm học phổ thông trung học, không chọn ban C hay D nhưng ban A (Văn vật, Lý, Hoá) vẫn có học chương trình Việt Văn, trong đó ngay từ lớp đệ tứ đã học những bài hát nói



(Hát ả đào của các cụ) của Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Du...nay vẫn còn thuộc đôi bài, chẳng hạn bài hát theo thể ca trù "Nợ nam nhi" của cụ Nguyễn Công Trứ, chỉ đọc lên thôi đã nghe lý thú cả nội dung lẫn hình thức biểu hiện. Và đây được xem là bài hát ca trù đúng luật: *Tang bồng hồ thi nam nhi trái/ Cái công danh là cái nợ lằn/ Nặng nề thay đôi chữ quân thân/ Đạo vì tử, vì thần đâu có nhẹ/ Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt/ Trót đem thân thế hẹn tang bồng/Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung/ Hết bốn chữ trình trung báo quốc/ Nghiêng mình những vì dân vì nước/ Túi kinh luân từ trước để về sau/ Nghìn thu một tiếng công hầu.*

Có điều, ngang qua vùng quê đã bắt đầu là xứ sở của hát ca trù cũng phải tìm hiểu đôi chút về xuất xứ của nó. Lại còn chiếc đàn đáy đệm trong lúc hát mới là tuyệt diệu. Chúng tôi vòng quanh một vùng xứ sở chắc gì có thể thực hiện xong tham vọng *đi cho biết đó biết đây...*từ vùng đất, con người và cả sinh hoạt văn hoá ở đây nữa.

Sự tích về Tổ cô đầu kể rằng: *Vào đời nhà Lê, có một người là Đinh Lễ ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh suốt ngày ôm cây đàn nguyệt đến bên một dòng suối gảy và ca hát.*

Một hôm Sinh vào rừng uống rượu mãi tận chiều mới về. Ra đến cửa rừng gặp hai cụ già, một ông tay cầm khúc gỗ và một ông tay cầm tờ giấy có hình cái đàn. Một ông nói:



Ta là Lý Thiết Quài còn đây là Lã Đại Tiên. Chúng ta biết con có túc căn nên đưa vật này để truyền cho hậu thế. Nói xong cụ đưa cho Sinh khúc gỗ ngò đồng



và tờ giấy có mẫu đàn, dặn rằng: Con về tìm thợ, theo mẫu trong giấy này đóng thành một cái đàn. Tiếng đàn gảy lên khừ trừ được ma quỷ, người ốm nghe thì khỏi bệnh, người buồn phiền mà nghe hoá ra vui vẻ.

Chiếc đàn dây (A. St)

Sinh đóng xong đàn đem ra bờ suối gảy, chim chóc chen nhau đứng nghe, cá bên bờ suối dờng lại nghe mê mẩn tiếng đàn. Người hái củi chung quanh nghe tiếng đàn kéo đến, ai cũng trầm trồ khen thấy lòng khoan khoái, mình mẫn, hết buồn phiền.

Người mắc bệnh khi nghe tiếng đàn lại khỏi bệnh. Từ đó Sinh vác đàn đi ngao du khắp nơi. Một hôm đến châu Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá, quan châu là Bạch Đình Sa có cô con gái tên là Hoa, mười chín tuổi rồi mà vẫn không nói được. Lúc ấy Sinh đang ở Trường Xuân ngồi bên suối nước gảy đàn. Bạch Đình Sa hay tin tiếng đàn linh nghiệm bằng mời Sinh về nhà. Sinh gảy một khúc, nàng Hoa đang



ngôi ăn cơm ở nhà sau, nghe tiếng đàn bằng bỏ bát cơm xuống, dùng hai chiếc đĩa gỗ lên trên án thư theo đúng nhịp đàn. Khi dứt tiếng đàn nàng bỗng nói được nên lời. Từ hôm ấy nàng nói năng như thường.

Thấy thế ông Bạch Đình Sa bàn với vợ gả Hoa cho Sinh. Lúc rảnh rồi, hai vợ chồng lại đem đàn ra gảy, nàng thì gõ nhịp. Sinh đặt ra lối hát mới dạy Hoa múa hát, rồi lấy hai thanh tre vót thật đẹp để cho nàng gõ lên trên mảnh gỗ theo với nhịp đàn mà hát.

Rồi Sinh đưa vợ về quê, phát triển thêm nhiều cây đàn và bày cho dân chúng hát.

Vợ chồng Sinh mất, người dân nhớ ơn lập đền thờ vợ chồng nàng gọi là đền Tổ cô đầu.

Đêm ở thành phố Vinh đã khuya lắm rồi. Xem thế, những câu chuyện trữ tình đều xuất phát từ tình yêu nam nữ, những lời than ai oán đều do con người với nhau mà ra cả, giống như chuyện về chiếc đàn Lia của người Hy Lạp cổ đã làm phát sinh thuật ngữ *trữ tình*.

Thế nên Ca là hát còn Trù là một thể tre có ghi chữ dùng để thưởng đào nương hát hay. Sau châu hát, đào kép tùy vào số trù nhiều hay ít mà nhận được tiền ít hay nhiều.

Đến đây có thể liên tưởng được rằng cái thể tre ấy đã từ vùng Thanh Nghệ Tĩnh dần vào phía nam đèo Hải Vân không còn mang tên họ “trù” nữa mà trở thành chiếc thể dùng để ném lên sân khấu hát



bội (tuồng) khi người xem muốn thưởng cho một đào, kép nào đó hát hay. Đào kép nhận thẻ tre đến Ban tổ chức nhận tiền, bởi trong thẻ đã có ghi tiền thưởng cả rồi. Thế mới hay, khi những lưu dân ra đi, họ đã mang theo một chút ít thành tố của văn hoá quê nhà vào xứ sở mới sinh hoạt, cho bớt nhớ quê chăng?

Chúng tôi bàn nhau chữ “chợ” hay “rợ” trong mấy câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan khi xe chúng tôi đang uốn lượn trên đèo Ngang. Có anh bảo: Chữ “rợ” là phải hơn. Chữ “chợ” có thể bắt nguồn từ chữ “rợ”, từ nghề nghiệp vùng biển, lâu dần đọc chệch thành “chợ” chăng. Bởi đến đèo Ngang mới có thể vỡ lẽ ra, đèo núi thế này có chợ làm sao được. Không thể có cái “chợ” ở cái đèo hiểm trở này. Mà nếu có, chắc phải đi “chợ” mất nửa ngày để chỉ mua vài con cá hay bó củi thì thật khó thay. Rồi anh đọc: *Lác đác bên sông rợ mấy nhà*. Có người bảo thế. Nhưng đây cũng chỉ là một ý kiến có tính võ đoán khi chúng tôi đang lượn qua đèo Ngang. Nhìn toàn cảnh của đèo lại nghĩ: ngày xưa các cụ băng bộ qua Hoành Sơn này chắc phải vất vả lắm! Một không gian vắng lặng từ đầu đèo bên này đến tận cuối đèo bên kia, dân cư lại không có thử hỏi làm sao lại có thể có chợ để chào đón khách lữ hành. Ở một nơi thường xuyên vắng bóng chân lữ khách như thế này, vậy mà thuở xưa Bà Huyện Thanh Quan qua đây, băng đèo vào đất Thuận Hoá (Quảng Đức) làm gia sư cho con cháu



hoàng tộc nhà Nguyễn, thời ấy làm gì có người ở được trên đèo khi mà đường trường lắm bụi bờ, cho dù là phía chân núi giáp biên đi nữa cũng không thể lơ lơi vài ba nóc nhà mà có thể tồn tại được. Có chăng cũng chỉ là sự tưởng tượng giống như các gia đình hoặc các nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết miền sơn cước của Trung Hoa hay trong *Tiểu sơn tráng sĩ* của Khải Hưng vậy. Hôm nay qua đèo tôi để mắt tìm vài chú tiều, mãi rồi cũng gặp phía cuối đèo đổ ra hai "tiều phu". Họ không dắt búa nơi thất lưng như trong tranh vẽ dân gian mà hồi còn nhỏ tôi thường hay thấy trong sách giáo khoa tiểu học mà dắt liềm trên bó củi. Hai vị "tiều" ấy là con gái chừng mười, mười ba tuổi. Họ đang nhip nhàng gánh củi về nhà hay đi ra "chợ" đầu đày trên đường xuôi đèo, xuống núi.

Du khách, người qua đèo thường thức cảnh ngoạn mục của đèo, con đèo uốn lượn theo sườn núi dưới ánh tà dương quả là đẹp.

Đèo Ngang (Internet)

Cảnh quan
thơ mộng của
đèo, với đường
đèo hiện đại như
thời nay thì
chắc, rất khó
gặp *cỏ cây chen*





lá đá chen hoa cho dào như câu thơ của Bà Huyện thuở nào. Bây giờ đi qua đây gió lộng rừng chiều, vời vợi một nỗi niềm mà ngày xưa Bà Huyện đã từng "Thương nhà mỗi miếng cái gia gia, Dừng chân đứng lại trời non nước, Một mảnh tình riêng ta với ta".

Từ Hà Tĩnh chúng tôi đi, ngang qua những địa danh một thời trận mạc. Hai bên quốc lộ 1A, đồng lúa đã qua mùa gặt, rơm rạ phơi dày hai bên đường. Quả tình là không đẹp mắt nhưng đây lại là một nét đặc trưng của quê kiểng miền Trung. Rơm rạ được phơi vào tận sân nhà chứ có kể chi ngoài ngõ, ngoài đường. Đường làng có nhiều rơm rạ vào mùa gặt hái là chuyện thường xuyên của người dân mình. Ở quê ta cũng thế thôi, từ Đà Nẵng ngược về vùng Hoà Châu, Hoà Phước, người dân mình cũng có kiểu phơi phóng như thế. Họ dùng rơm làm chất đốt nấu cơm trong mùa mưa lụt khi mà củi trên rừng không mang về kịp hoặc khi củi dự trữ cho mùa mưa đã hết. Lại nữa, còn phải dự trữ cho trâu bò mỗi khi cỏ ngoài đồng khô kiệt do nắng nóng kéo dài, do lũ lụt không chăn dắt được. Ra bắc hay vào Nam đến mùa lúa chín ta vẫn có thể gặp như thế, cứ đâu chỉ có người dân miền Trung mình phơi rơm vào tận ngõ.

Hà Tĩnh trời đã chiều đậm lắm rồi nhưng không khí oi nồng, bức nóng vẫn hâm hấp theo đuôi chưa dứt. Nhảy ngay xuống xe, anh bạn cùng đường bảo:



Bên tượng Nguyễn Du (Khu lưu niệm Nguyễn Du)

- Đây là quê hương cụ Nguyễn Tiên Điền rồi. Anh quay mặt về phía khu vườn cụ Nguyễn Du: “Chào cụ! Đã ba trăm năm nay, có bao người khóc cụ, bao người không? Nhà cụ gần đây, rồi chúng tôi sẽ đến bên mộ cụ ngưỡng mộ một tài năng lỗi lạc. Bút hoa cũng làm nên điều vĩ đại cho loài người chứ đâu chỉ là sừng gươm tuốt ra khỏi vỏ là sáng rực trời trần mạt”. Quay sang nhìn tôi, bạn bảo: “Bạn ơi, phải nói với cụ Nguyễn Du một câu gì chứ! Ông Tố Hữu đã từng:

*Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ cụ thương thân nàng Kiều
Hồi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục bánh bèo lênh đênh”.*



Mọi người lắng nghe trong cái nắng màu vàng rờn mà nôn nao của Nghi Xuân quê cụ.

Nhiều người thường đọc, suy ngẫm và rồi ngâm nga những đoạn thơ Kiều của cụ, người ta còn ghi lòng tạc dạ những câu mà theo họ, họ thấy có cuộc đời mình nằm đâu trong đó. *Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*. Đến nhà cụ mới hiểu hết được “khấp Tố Như” là thế nào. Đã hơn ba trăm năm rồi, thiên hạ đã thấu hiểu cho cụ Tố Như. Chính đó, lần này ra tận nhà cụ, bước những bước chân ngập ngừng trong khu vườn rộng thoáng mới thấy và cảm hết được một đời thơ đời khi cũng phải hiểu *lụy phần dư* là thế nào. Thấp nèn nhang thơm và “khấp” cụ. Vườn nhà Tiên Điền có rất nhiều cây lớn, đại thụ. Những người trước cụ đã chọn nơi đây lập thân, lập nghiệp. Đường văn chương chỉ có mỗi mình cụ là xuất sắc, tài hoa. Phong thủy làng Tiên Điền huyện Nghi Xuân nói vậy.

Chúng tôi, những người đến sau trên trái đất, viếng cụ một nén nhang để tỏ lòng ái mộ và uống ly rượu cùng cụ theo cách:

*Bất chước cổ nhân chén rượu, cuộc cờ
Ta chờ ngắm một bóng quỳnh nở muộn
Trăng và hoa cho nhân thế vui sâu
Ai người chết lặng giữa cuộc đời bể dâu*

Và, từ quê cụ đã mở ra bao nhiêu chuyện riêng tây. Lại nhớ câu chuyện của Tiểu Thanh khi cụ gọi rằng *Độc Tiểu Thanh ký*. Thì đây là một tấm



lòng! Dù rằng không được nhìn bóng dáng mình hạc xương mai của cụ nhưng qua viếng cảnh nhà của cụ, nơi ngâm thơ, xướng hoạ cùng bạn thơ mới hay, thể cũng đã thoả nguyện lắm rồi, người đời nay làm gì có nơi ngâm thơ, xướng hoạ, bình Kiều, luận chuyện văn chương Hán – Nôm như cụ Nguyễn!

Tôi có phải là nhà nghiên cứu văn học đâu cũng không thể cả gan làm nhà phê bình lý sự văn chương thi phú, đọc thơ chữ Hán của Tổ Như và theo tài liệu có bán trong các nhà sách, tôi cùng bè bạn tri âm đi tìm lại câu thơ của cụ. *Rằng khi chén rượu lúc cuộc cờ, Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.* Chữ Hán không rành, đọc mãi *Bất tri tam bách* nghe đã khó dịch ra thơ. May đã có người cắt nghĩa cho nghe mới hiểu được nguồn cơn, trách chi đời cụ Tổ Như chẳng đã đa đoan, lận đận với đời. Có điều, những gì cụ viết ra gửi lại mai sau đều vì nhân loại này mà khóc đấy.

Đến quê cụ vào một chiều tháng sáu mùa hè, nắng Hà Tĩnh nồng nàn, vàng mỡ cả hai vai, có chút hăng nồng mùi đất đai của Tiên Điền mới vỡ ra được cái lẽ trời đất thế nào, cái mệnh ra sao. Bên kia một cánh đồng, đối diện nhà thờ cụ là làng của Nguyễn Công Trứ - cũng một thi nhân - thao lược - nhàn nhã - tài hoa - lãng tử - hoà nhập với đời một cách thiết tha và nồng nhiệt nhất theo cách nói: đây là *chí làm trai* của Nguyễn Công Trứ.

Theo màu nắng hanh vàng, vui chân lần bước đến nơi sinh thời cụ Tiên Điền ngâm thơ cùng bè



bạn mới thấy thơ ngày ấy quý giá, thanh cao, tinh khiết biết chừng nào, mới thấy hết ý nghĩa của “*mây trắng bay về phía trời xa*” là thế nào trong sinh hoạt thơ văn đương thời buổi ấy. Ánh nắng trải chang chang trên những con đường dọc ngang trong khu vườn nhà cụ. Hương hoa đồng nội xông lên thơm mùi đất đai sông núi quê nhà, cứ thế theo gió quện đến nửa lưng trời, dài đến khi tôi bước ra khỏi khu vườn họ Nguyễn tiên sinh. Đi bên tôi còn có bao người, có cả những nàng tiên của xứ sở ầm ào sóng biển, hanh hao bờ cát Mỹ Khê, Bắc Mỹ, Sơn Trà, Điện Ngọc..., hình như họ cũng như tôi, đâu khác. Mười lăm năm, đời Kiều có khi nào lạc vào chốn này không? Khúc đoạn trường ấy có màu sắc lung linh, thế đâu là khuôn mặt tuyết vời và xiêm áo?

Văn chương vô mệnh lụy phần dư là vậy sao!

Trên một chuyến đi, ngấm lại mình, lều lảo dầm ba câu thơ, văn chương như thế bình sinh như những bài tập làm văn thời còn đi học. Đã đến đâu! Công danh như ta ai để ý làm gì. Dừng chân bên mộ chí Tố Như, uống cùng cụ một ly rượu cay nồng, lại đọc mấy câu:

Nén nhang cho Tố Như ơi

Thơm trong nhân thế một lời tâm thanh

Hữu nhân tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà ngô khắp Tố Như.

Trời đất phú cho ta một chùm tóc như chổi, râu thưa như đám rễ tre. Có gì nữa đâu! Đời đã điếm



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

hoa râm rồi vậy mà vẫn yêu người, yêu đời mới thiết tha làm sao chứ! Cái đó có lạ không?

Bữa nay dạo bước trong vườn nhà cụ Tổ, gió nam thổi dạt mấy câu thơ cỏ bông của Nguyễn Công Trứ sang đây, mới hay *tang bông hồ thủy nam nhi trái, cái công danh là cái nợ lằn*. Đã biết nợ lằn mà còn bước đến. *Cái vòng danh lợi cong cong, kẻ mong ra khỏi, người mong chui vào*. Không biết những câu thơ ta lại bay về đâu giữa chiều mùa hạ, ngay trên quê hương cụ Nguyễn Tiên Điền.

Văn chương có số mệnh không mà người ta luôn phải bận lòng?

Các cụ ta xưa khi làm thơ cũng đã lăm bận lòng nên các cụ thường bảo rằng “*cái nợ văn chương*”! Một anh bạn trong đoàn bảo tôi như thế.

Bên mộ Nguyễn Du





Nếu không bận lòng chẳng ai nặng lòng với văn chương, bận lòng cả với con người, số mệnh từng cá thể trong cộng đồng, nghĩa là người ta đi tìm hạnh phúc cho loài người hay ít nữa cho dân tộc họ, làm sao phản ánh được những thế lực gây chậm hoặc cản trở con đường tiến lên của nhân loại. Những tác phẩm đạt giải Nobel đã chẳng thể hiện tư tưởng vì khổ đau và hạnh phúc của con người đó sao? Tôi lý sự!

Đường xa. Có em gái nào phía sau xe bảo:
Đường xa mà mấy anh, nói cái gì hay hay, hay hát
vài bài ca gì đó vui vui cho dịu bớt cái nặng oi nồng
của gió phơn Lào đi chớ! Mấy anh chị nín thinh!
Quả là bây giờ ngoài trời gió phơn phần phật:

*Nào đâu ngọn gió Lào phơn phớt
Tạt má em nghiêng nửa trời chiều
Đêm phố Vinh và em bến lữ
Hạt mưa nào rớt giữa trời trong*

Hừ! Ai làm thơ giờ này thế? Cậu ám văn
nghệ đấy!

*

Rồi còn phải lên Ngã ba Đồng Lộc nữa mà!
Ngã ba nằm trên đường Trường Sơn, Ngã ba Đồng
Lộc là nơi đầu ngọn súng, đạn bom, nơi tung hoành
của gió Lào, của núi rừng khất nghiệt nơi máy bay
giặc Mỹ thường xuyên trút bom xuống đây hàng
tấn. Ngã ba thuộc xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc tỉnh
Hà Tĩnh. Dọc theo quốc lộ 1A đến ngã ba Nghèn,



nơi đặt tượng đài Xô Viết - Nghệ Tĩnh, đi theo tỉnh lộ 6 chừng 12 cây số về hướng Trường Sơn là tới Ngã ba Đồng Lộc. Một vùng đất rộng trên dưới 50 ha. Nếu như đứng từ trên cao nhìn xuống có thể thấy được rõ ràng rằng Ngã ba nằm gọn trong một thung lũng, hai bên bao vòng là đồi núi, cây cỏ không mọc được nơi khô khan như thế nên núi luôn có màu của đất xốp khô pha trộn, vừa núi đá vôi vừa có đất bazan. Giữa thung lũng là con đường độc đạo chạy cắt ngang, trông từ trên không dường như một máng xối. Tất cả đất đá, đạn bom khi rơi xuống đều cứ nhắm con đường mà lăn tới. Có phải giống như con đường độc đạo ngày xưa trong *Tam quốc diễn nghĩa* đoạn vào Tây Thục không! Và, bởi vì như một cái xối cho nên tất cả đạn bom quân Mỹ thả xuống đều làm cho đất đá trở thành vật cản con đường, mà nếu vậy cần phải dọn dẹp cho từng chuyến xe qua, tải lương, tải đạn vào Nam được. Còn bởi vì tất cả các con đường vào Nam đều phải qua đây, cho nên giữ con đường này là điều cốt tử. Chính đó, Ngã Ba Đồng Lộc được quân và dân ta xem như cổ hòng, vượt qua đây là phân ra thành nhiều ngã khác vào Nam, mang tất cả những gì có được từ hậu phương ra tiền tuyến miền Nam đánh giặc. Thời điểm ác liệt nhất là từ tháng 3 đến tháng 10 - 1968, máy bay địch đã thả vào Ngã ba một lượng bom đến 48.600 quả các loại. Người ta ước rằng chừng ấy bom, quân Mỹ chỉ thả trong vòng 240 ngày đêm mới ác.



Đến Ngã ba, qua lời một chú bộ đội trẻ thuyết minh cho khu di tích, rằng để giữ được chốt này thông đường cả ngày đêm phải có nhân lực, mà sức người ấy không ai khác hơn là 10 cô gái tuổi từ 17 đến 22. Đây là một tiểu đội - Tiểu đội 4 Thanh niên xung phong - họ có trách nhiệm san lấp hố bom, sửa chữa con đường sau mỗi trận máy bay Mỹ thả bom xong để thông đường cho xe chạy. Chú bộ đội kể:

- Hôm ấy là 5 giờ chiều ngày 24 - 7 - 1968 sau khi nhận nhiệm vụ xong, 10 cô gái ra hiện trường trong tâm trạng phấn khởi, quyết tâm và gấp gáp triển khai công việc mà không hề biết sợ là thế nào. Họ san lấp tạo mặt bằng không chút nghỉ tay, vừa cười, đùa nhau, hát vang những bài ca cách mạng. Rồi từ đâu, một tốp máy bay địch liệng ngang trên bầu trời Đồng Lộc. Mọi người nằm xuống tránh cái nhìn xoi mói từ trên những chiếc máy bay địch. Nhưng liền sau đấy chút ít, một tốp máy bay khác liệng đến và nhanh nhẩu, chúng trút xuống nơi mười cô gái đang san lấp mặt đường một loạt bom.



Bom nổ, khói bụi bốc lên mờ cả một khoảng trời, những tốp thanh niên xung phong từ bốn phía nhanh chân chạy đến, người dân xóm Bãi Dĩa lao ra tìm lấy



các cô. Họ gọi tên từng người, nhưng nào có nghe đâu. Một hồ bom sâu hoắm lật ngược căn hầm chữ A. Lại đào bới và tìm kiếm. 10 cô đã hy sinh, nhưng tìm mãi cũng chỉ thấy 9 cô, còn 1 không biết bay đạt về đâu dưới bầu trời Can Lộc. Có thể đã vùi thân nơi cát bụi Đồng Lộc rồi chăng!

Vẫn phải tìm cho đến hết ngày hôm ấy, sang mai, vẫn phải...Đào mãi trong hy vọng và tuyệt vọng, bỗng gặp được cô Tiểu đội trưởng tên Võ Thị Tần 22 tuổi, là người chị của Tiểu đội. Thế là xác của 10 người đã được tìm thấy. Chung quanh Ngã ba trời đã tối hẳn rồi, cuốc xẻng, những dụng cụ khác bay tung tứ phía. Thế là cả Tiểu đội đã hi sinh!

Ngậm ngùi một lát như dần cơn xúc động, chú bộ đội lại tiếp: Hôm nay cô chú đến đây chỉ nhìn thấy 10 nắm mộ và những bức ảnh của các chị, nhìn thấy nơi tưởng niệm. Vậy thôi! Đây là nơi làm chứng hùng hồn về tội ác của giặc Mỹ. Đây là tội huỷ diệt! Giết hại phụ nữ là một tội ác huỷ diệt!

Biết nói làm sao khi hôm nay nhìn lại quá khứ hào hùng, trong ấy đã có công lao to lớn của các chị đã vì độc lập tự do của đất nước này mà hy sinh khi tuổi đời đang độ xuân xanh. Khu tưởng niệm tại Ngã ba Đồng Lộc là chứng tích hùng hồn, như một bản anh hùng ca nhả nhủ thế hệ mai sau rằng phải giữ lấy độc lập tự do cho nước non này. Hôm chúng tôi đến Ngã ba Đồng Lộc - khu tưởng niệm Thanh niên xung phong toàn quốc - dưới cái nắng hanh vàng của mùa hè miền Trung nóng bỏng



mới cảm nhận hết được đâu là lịch sử và lịch sử đã tạo nên những người con anh hùng là thế nào!

Những cuộc đời giản dị, đầy sôi động và nhuộm lên màu lãng mạn để dệt nên một bài ca về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về lòng hy sinh quả cảm vì quê hương xứ sở. Họ là những người cởi mở, vô tư, yêu đời song lại kiên quyết, rành mạch và dứt khoát trong công việc vì biết rằng nơi chiến trận không thể thiếu đạn, thiếu lương một ngày mà được. Phải mở đường cho xe vào mặt trận. Tại ngã ba Đồng Lộc sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Họ không thể lùi bước được, sẵn sàng ra trận và nếu phải hy sinh cũng đành vậy mong sao có ngày Bắc Nam sum họp.

Chị Tiểu đội trưởng triển khai: *“Phải chiến thắng giặc Mỹ ngay trên ngã ba Đồng Lộc này. Nếu cần vì sự sống của con đường, chúng mình sẵn sàng hy sinh để cho ngày thống nhất Nam – Bắc đến gần hơn”*.

Hôm chúng tôi đến thăm, trong không gian xúc động, được nghe chú bộ đội trẻ đọc bài thơ”:

*Tiểu đội đã về xếp một hàng ngang
Cúc ơi! Em ở đâu không về tập hợp
Chỉ thiếu mình em*

*Chín bỏ làm mười rằng được
Bọn anh đã bơi tìm vệt cước
Chỉ sợ em đau nên nhát cước chùng...*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Lịch sử sẽ không bao giờ quên lúc 17 giờ ngày 24.7.1968, người dân tại ngã ba Đồng Lộc – Hà Tĩnh và nhân dân cả nước đã lặng đi khi hay tin 10 nữ Thanh niên xung phong bị bom Mỹ vùi lấp tại ngã ba Đồng Lộc. Họ đã bỏ lại cuộc sống, tình yêu, sự nghiệp hiến dâng tuổi thanh xuân, tất cả vì miền Nam ruột thịt.

Dưới ánh nắng mùa hè gay gắt miền Trung, im lặng dồn về phía trước, tôi lơ mơ nghĩ lại, rằng không thể nào đếm hết được những chuyến đi trong một cuộc đời. Năm 23 tuổi, tôi đã quăng thân vào gió bụi trên cao nguyên đất đỏ bazan của miền rừng núi Buôn Mê.



Ngã ba Đồng Lộc



Ngày ấy cái gì chẳng là mới lạ! Trên những chuyến đi, có bạn bè, có người quen, lại có cả người tình thì còn sung sướng nào hơn. Ấy thế, khi đã quăng thân vào gió cát mới thấy hết ý nghĩa cuộc đời, đâu dễ tồn tại một cách tự nhiên được, nếu không tự ngấm lại mình và không phải hoà vào thiên nhiên, xã hội con người mà tồn tại. Đã gặp bao điều gian hờn, khổ đau và hạnh phúc từ ngày ấy đến giờ. Lên cao nguyên bụi mù trời một ngày mới vỡ lẽ rằng, ngày ấy những tên miền đất mới lạ lắm lắm sao, vậy mà những EaTiêu, Krông Pắc, EaKtur, Eknul... đã đi vào trong lý lịch của tôi không thể nào tách ra được nữa./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HÀ NAM



Nhà Bá Kiến (Ảnh: St)



Ngày 9 tháng 6 năm 2001

Gió lùa mùi nóng hâm hấp của phon qua cửa sổ, một anh bạn thì thảo trong con say xe, khi qua những đoạn ngoặt nhẹ người:

- Chỉ giờ đồng hồ nữa thôi, ta đã vào vùng chiêm trũng của đồng bằng Bắc bộ rồi đây. Cả một vùng ruộng đồng với ao bèo rồi sẽ hiện ra chỉ chút ít nữa thôi.

Ai đó từ phía sau dường như vung tay cho khoẻ người, nói trong tiếng máy rì rì của động cơ Mercedes Benz do chú Chí điều khiển:

- Không rõ rằng ao bèo của vùng đồng bằng chiêm trũng có như trong sách văn học mà một thời ta đã đọc được hay không? Nghĩa là thế nào? Một anh bạn ngồi bên chọt hỏi.

- Thì, chắc phải như thế thôi, nơi có *ao thu lạnh lẽo nước trong veo, một chiếc thuyền câu bé tí teo...* lại có *thu ảm, thu điệu, thu...* chỉ đó của cụ Nguyễn Khuyến tức cảnh lập loè con đóm đóm trên những khóm trúc đầu cổng nhà cụ đấy chứ đâu! Rồi anh hứng khởi đọc:



*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Thu điều đây nhé, là mùa thu câu cá đây các bạn.

*Còn đây là Thu ẩm là mùa thu uống rượu
Năm gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.*

Một cô bạn tỏ vẻ nghi vấn: Bộ, nam phon thế ni định uống rượu sao? Ô không, đi ngang quê cụ Nguyễn Khuyến mà không đọc thơ cụ xem như thất lễ, không chào cụ sao! Cụ sinh tại xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nhưng quê nội của cụ tại làng Vả, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Thì mấy chốc nữa đâu, mình cũng vào của



ngõ Hà Nam mà! Ngang qua đây, lẽ ra phải khuynh
cái hạ mã chớ mấy anh!

Rồi anh lại ngâm nga vịnh mùa Thu:
*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

Lại có ai đó bảo: Sao mà nôn nóng vậy mấy
anh, chừng nào vào Hà Nam hãy hay mà.

Con sông Đáy vắt ngang, cả con sông Châu
Giang đổ vào đây làm cho Hà Nam trù phú thêm ra.
Đất phù sa mà! Độ phì nhiêu do các con sông bồi
đắp là rất tốt, thuận tiện cho cây lúa nước phát triển
và cho năng suất cao. Bây giờ chúng tôi đã vào vùng
đồng bằng Bắc bộ rồi, xe đang chạy trên vùng đồng
bằng rộng lớn rồi đây. Hà Nam có nhiều di tích, nơi
ấy đủ để chứng tỏ rằng Hà Nam đang lưu giữ một
nền văn hiến đã lâu đời. Trong chiến tranh, thị xã
Hà Nam đã bị bom Mỹ san phẳng đến ba lần chứ
đâu có ít. Đến Hà Nam lần này mà không đến được
Đền Trúc, chùa Bà Đanh và các làng nghề quả là
một thiếu sót.



Cắt ra từ Hà - Nam - Ninh, Hà Nam đang nhích cánh vươn vai đứng dậy giữa đồng bằng chiêm trũng. Đắp lên mình màu mỡ phù sa nhờ khoáng sản của con sông Nhị Hà quanh năm đổ về một lượng nước đủ để tạo nên một vùng chiêm. Những cánh đồng lúa Hà Nam bạt ngàn, xa trông ngút mắt. Những cánh cò! Chao ơi là những cánh cò, thế nên làm sao nơi đây lại chẳng ra đời làn điệu *con cò bay lá bay la* cho được. Hà Nam là tỉnh nằm về phía nam châu thổ sông Hồng. Địa hình phần lớn là đồng bằng chiêm trũng, một ít đồi núi, và nửa đồi núi. Chạy ngang qua Hà Nam là hai con sông Đáy và Châu Giang. Đất Hà Nam phì nhiêu do phù sa sông Hồng bồi đắp mà nên. Vòng quanh phố thị Hà Nam một vòng trên chiếc xe Mercedes Benz bóng loáng, chúng tôi nhìn quanh, những khu nhà, những khu công nghiệp bắt đầu phát triển đang dần hiện ra dưới ánh nắng lung linh vàng ảo buổi chiều của Hà Nam rực rỡ. Đường sá đẹp làm sao! Âu đây cũng là ước muốn của con người xứ sở lúa khoai, luôn mong sao đất nước sẽ đẹp giàu nên nơi đâu, đến đâu cũng tăng cường khả năng phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang lại đô thị sao cho, trong vài ba năm là có thể nhìn thấy nhà cửa, phố xá kèn dầy, sang trọng, những khu nhà máy mọc lên nhả khói phì phò. Thế là vui rồi! Đến nơi đây tuy rằng là một tỉnh trông có vẻ nhỏ nhưng lại có nhiều di tích lịch sử lâu đời, có cả danh lam thắng cảnh như đền Trúc, chùa Bà Đanh.



Cuộc hành trình của chúng tôi ngang qua Hà Nam nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng, loan rằng phía Bắc - Hà có nhiều ca bệnh do teo cơ delta mà nhiều nhất là ở trẻ em, người ta còn nói chệch đi rằng đây là *những con chim sệ cánh*. Những con chim sệ cánh nhìn trên ti vi thấy mà thương! Đêm nay đi trên đường phố Hà Nam, chúng tôi vài người tạt ngang vào quán nước ven đường, mới hay thêm một chuyện không ngờ nhưng có thật. Quán cóc mọc ven đường nhưng tiếng nhạc xập xình luôn làm không gian náo động. Một người tuồng như là khách, ngồi uống nước, buột miệng:

- Ôi giờ ơi, đất ạ, sao lại có chuyện lạ vớ vẩn thế này nhỉ! Tự đứng rồi bàn chân lại phồng lên như có sừng sắp mọc.

Một anh ngồi cạnh ngược mắt thăm dò:

- Gì mà toáng lên thế hả Long?

- Thế anh không biết gì à?

- Gì nào?

- Ấy mới lạ nhỉ. Ở Hoà Hậu, Vĩnh Trụ này rồi mãi trên huyện Bình Lục trong cái xã Bồ Đề ấy người ta đang khóc vạ lên đây, chú em không biết à. Trời nắng nóng thế này nghe người ta bảo nước ao hồ bốc lên mùi hôi thối lắm. Ai mà gặp phải thứ nước ấy, chân mọc sừng ngay. Ôi giờ ơi, các vùng ấy năm nào chả thế!



Tôi nhìn sang anh bạn đi cùng ngạc nhiên, hình như đây là nơi có nhiều thạch tín nên con người ở đây bị vạ lây. Môi trường nước như thế là có vấn đề rồi còn gì. Thiên nhiên nơi đây đã không ưu ái cho người dân, nguồn nước mà nhiễm thì chỉ có đồ đi thôi chứ uống làm sao được nữa.

Một người khác ngồi phía trong hắng giọng ra:

- Mà này, Long ơi, mọc sùng là mọc thế nào nhỉ, chú em nói xem?

- Thì thế này này, mọc sùng nơi hai bàn chân, mà chỉ đàn ông thôi đấy nhé - trời lại chừa đàn bà ra rồi - trên hai chân, nơi bàn chân, mắt cá...này, nổi lên những đốm lộm cộm, nó phù lên thành từng cục lớn, cứng lắm. Mỗi ngày nó nhô lên trông rất rõ, như thế người ở xã, thị trấn cứ gọi là mọc sùng.

Chân nhúng vào nước, sùng lại bờ ra mềm nên có thể kỳ cọ cho mỏng đi, nơi chân người có sùng lại loét ra từng miếng da dày cộm, đi lại trông có vẻ khó chịu lắm. Cũng có khi sùng mọc trên tay nữa gây nên ngứa ngáy. Đôi khi người mọc sùng gãi tróc cả da vì ngứa.

Một số tài liệu cho thấy arsen tức thạch tín có nồng độ cao ở 25 tỉnh thành trong cả nước, ở Nam Hà có tỉ lệ cao nhất nước về nhiễm arsen.

Uống xong ly nước ngọt, một trong những người ngồi trong quán cóc ven đường bữa ấy ở Hà Nam kết luận theo tinh thần rất khoa học. Anh ta nói:



- Chỉ còn một cách là phải khoan giếng lấy nước thôi, chứ giếng khơi như lâu nay là không ổn rồi! Hoặc là chỉ có thể an toàn cho mọi người phải dùng nước nhà máy thôi.

Một người nữa chen vào:

- Ấy, lại có khối người lợi dụng thời cơ kinh doanh nước sạch cho xem, bà con nhà nghèo như ta chỉ còn có khóc.

*

Chúng tôi đã đi xuyên qua một phần nào đó của vùng đồng quê Bắc bộ. Đêm nằm nghỉ tại khách sạn Hà Nam. Lại nghĩ, nơi đây cũng là cái nôi sinh ra làn điệu ca trù đấy chứ, đồng bằng Bắc bộ được con sông Hồng chảy về bồi đắp phù sa, một nền văn minh nông nghiệp lúa nước bắt đầu xuất hiện cả ngàn năm nay rồi. Từ đấy ca trù đã xuất hiện và tồn tại cho mãi đến bây giờ. Đã có rất nhiều nhà nghiên cứu về nó, ngoài nước có các học giả Pháp như Aliénor Anisensel, học giả người Lào như Bountheng Suoksavatd, người Đức có Gisa Jahnichen, học giả người Anh có Barley Norton... họ đều đánh giá cao giá trị của thể loại ca trù. Bởi đây là một loại hình nghệ thuật truyền thống có một không hai trên thế giới. Hay là vậy, đánh giá thế nào cho đúng về ca trù phải trông chờ vào các nhà nghiên cứu. Đêm nằm tại Hà Nam mà cả gan nói chuyện ca trù là không phải lễ chút nào cả. Nhưng thôi, hãy bỏ đi cách làm khoa học nghiêm túc nơi



bàn giấy, nơi có tiếng hát và tiếng đàn cùng là phách nhịp, tôi chỉ mơ màng về một làn điệu ca trù như đã lơ mơ biết không rõ ràng cho lắm. Nhiều lần, ừ, tôi nhớ nhiều lần trên báo và tạp chí, ông giáo sư Trần Văn Khê - một Việt kiều Pháp - nói về sự độc đáo của ca trù là phải có trước hết là sự phối hợp rất đa dạng và tinh vi càng nhuần nhuyễn càng tốt giữa âm nhạc và thơ ca; lại phải có tính đặc thù của thanh nhạc và khí nhạc, tất nhiên là khác với các bộ môn âm nhạc khác thì đây mới là ca trù chứ; mặt khác nữa ít người diễn xướng nhưng hiệu quả chuyển tải của thể loại không thua kém bất cứ loại hình âm nhạc nào cả; ca trù có nguồn gốc Việt, của Việt chứ không lai tạp bất cứ đâu. Ca trù duy trì được phải có giáo phường, có đào tạo đào nương theo cách gia truyền, phường truyền trong diễn xướng dân gian. Người nghe có thể nghe hăng giờ, cả buổi nhưng không chán, có khi thâu đêm chí sáng mà vẫn không nản lòng. Chính yếu tố lôi cuốn của ca trù mà các cụ đồ Nho xưa, hay các tao nhân mặc khách như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương cắp ô đi hát ca trù suốt ngày chí đêm mà không chán là thế. Lần này về Kinh Bắc chắc rằng sẽ không được nghe ca trù mà được thưởng thức các làn điệu dân ca quan họ Bắc Ninh. Ấy cũng thích! Lại nói về ca trù khi người nghe được mới thấy hết cái văn vẻ của câu thơ, cái hay của văn chương là thế nào. Bất luận gì cả, hãy thử xem, một lần nghe ca trù là đã lắm, không muốn về đâu! Thang âm, điệu thức, phách,



đàn hoà quyện nhau lúc nhẹ tung, lúc nặng đau buồn khổ. Giai điệu nào ca trù cũng thể hiện được cả, nổi lòng con người có *thất tình*, thì ca trù có thể!

Những ngày còn nhỏ học các bài ca trù của các cụ nghe vẫn nhẹ tênh không hồn vía. Nay cũng có thể nghe được, lại thích. Muốn thưởng thức ca trù phải học, nhất định thế, hoặc ít ra phải xem ti vi những lúc có ca trù thì may ra mới có thể tiếp cận loại hình âm nhạc độc đáo này của dân tộc Việt. Mấy hôm nay nghe rằng có một người con gái tên Phạm Thị Huệ chuẩn bị làm lễ *cởi xiêm y*. Chà! Cởi là cởi làm sao? Có mấy anh bạn thắc mắc, chẳng cứ gì tôi. Cởi là sẵn sàng bước vào nghề với tất cả nỗi đam mê có được, Cô Huệ có cái hơn những thế hệ đi trước rằng vừa cầm đàn Đáy vừa hát mới oai chứ. Đây là một cách thể hiện rất độc đáo vô tiền khoáng hậu chẳng? Bởi trước cô Huệ, chưa có một người nghệ nhân ca trù nào làm được thế. Quả là hay!

Tối hôm nghỉ lại Hà Nam đành phải lật tài liệu về xứ sở của vùng đồng bằng chiêm trũng tìm hiểu thêm thôi. Đền Trúc, đây là một khu đền rộng trên dưới 10 ha, có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, làm mê lòng du khách, núi non trùng điệp bao quanh tạo nên một bức phong cho khu đền nổi lên, đặc biệt là những khu rừng trúc. Trúc được trồng đứng thẳng hàng dọc theo các con đê chắn gió sóng. Tương truyền rằng Đền Trúc thờ Lý Thường Kiệt khi hơn một lần ông thân chinh đi dẹp giặc phương Nam và dừng chân lại nơi đây. Khi chiến thắng trở về, ông



lại dừng quân trên núi khao ba quân ăn mừng chiến thắng. Cạnh đền Trúc là Ngũ động sơn của núi Cẩm. Theo như trong tài liệu thì Ngũ động sơn gồm năm động xếp liên hoàn nhau, có động rất rộng có thể chứa được cả năm ngàn người cùng một lúc. Cũng cần phải nhớ rằng núi Cẩm đã từng đi vào thơ ca của người Việt từ rất lâu. Vào động ta sẽ tìm được những nét kỳ thú giống nhau như những hang động khác vẫn nhũ đá, vẫn những hình thù kỳ dị, dưới ánh sáng huyền ảo của hang trông thật lung linh. Đôi khi gió lùa vào hang động tạo nên những tiếng kêu như bản hoà nhạc của thiên nhiên không bao giờ dứt.

Tại khu đền Trúc đến mùa lễ hội, nhân dân thường tổ chức hát Giặm, đây là một lễ hội lớn của tỉnh Hà Nam. Đền Trúc cách Phủ Lý 8 km thuộc thôn Quyền Sơn, xã Thi Sơn huyện Kim Bảng. Đền Trúc nằm yên tĩnh bên bờ sông Đáy ngay dưới chân núi Thi Sơn. Chung quanh đền bao bọc các khu rừng trúc nên người dân cứ vậy mà đặt tên là đền Trúc, cũng là cách đặt tên cho địa danh gắn liền xứ sở quê hương. Rất nổi tiếng với phong cảnh đẹp lại còn có thêm lễ hội hát Giặm đông vui nhiều ý nghĩa nhằm mục đích tôn vinh anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Chuyện rằng: *một năm Lý Thường Kiệt mang quân đi dẹp giặc, bình định phương Nam. Một buổi chiều thủy quân của Lý Thường Kiệt đến địa phận Cam Dịch bỗng gặp phải một trận cuồng phong. Gió làm gãy cột cờ và cuốn một lá cờ lớn trong ba quân lên đỉnh núi Thi Sơn. Vậy là điềm lạ, Lý*



Thường Kiệt cho neo thuyền dưới bến sông rồi lên bờ gọi núi ấy là núi Cuốn Sơn, bèn đổi tên trại Cam Dịch thành thôn Cuốn Sơn, tổ chức sửa lại lễ tế trời đất cho phù hợp. Lý Thường Kiệt dựng đàn tế trời đất trong rừng trúc, cạnh đền thờ hai mẹ con bà hàng nước. Đến nửa đêm, hai mẹ con bà hàng nước hiện về báo mộng rằng xin được cùng đi theo ngài đánh giặc. Khi thắng giặc trở về, Lý Thường Kiệt dừng quân dâng lễ tạ, xin cho vua phong bà hàng nước là Mẫu Hậu, cô con gái là công chúa và sửa sang lại đền thờ hai mẹ con bà. Lý Thường Kiệt đến lễ tạ, âm thầm cho ba quân mở hội mừng chiến thắng trở về. Bèn tuyển chọn các chàng trai khỏe mạnh tổ chức đua thuyền, các cô gái trẻ, đẹp, hát hay mở hội múa hát. Về sau nhân dân địa phương nhớ công Ngài lập đền thờ ngay tại rừng trúc. Đền thờ phía trước nhìn ra bờ sông Đáy, phía sau thờ Mẫu Hậu và Công chúa, tương truyền đền rất linh thiêng. Hội hát Giặm từ ngày ấy được mở hằng năm, suốt từ mùng 10 tháng Giêng qua chính lễ là mùng 6 tháng 2, kéo dài đến mùng 10 tháng 2 mới dứt.

Ý nghĩa nhất vẫn là hát Giặm. Phường hát múa dân gian này có từ 30 con Giặm trở lên. Giặm là những cô gái tuổi từ 13 - 15, thanh tân, xinh đẹp, có tài múa hát. Cô nào đã có chồng hoặc có tang thì không gia nhập vào Giặm để múa hát được. Đứng đầu phường hát là cụ trùm (ông trùm) đã có tuổi, vừa hát được và đặc biệt là nhớ bài bản hát. Cụ trùm



phải là người thuộc lòng các điệu hát, múa, cụ trực tiếp đạo diễn cho các con Giặm hát múa theo chương trình, kịch bản. Khi diễn xướng trên sân, cụ trùm mặc áo thụng màu vàng, đầu quấn khăn vàng, đi đôi hia cong, các con Giặm mặc áo mớ ba bằng nhiều đỏ trong cùng rồi the xanh, the đen, bên ngoài cùng là yếm đỏ, váy lĩnh, khăn đỏ, mũ tiên đính những hạt ngọc lung linh. Cụ trùm được xem như một quan chức trong làng, được ưu đãi, ngược lại các con Giặm thì chẳng được gì cả lại còn phải đóng góp thêm, phiền nhiễu. Thế nhưng, được làm con Giặm là điều vinh dự chẳng kém cụ trùm là mấy, chẳng phải ai cũng làm được con Giặm. Những bài hát Giặm được ghi lại bằng chữ Nôm, chẳng hạn bài “*Lý Đại vương bình Chiêm sự tích diễn ca*”. Trong hát Giặm nay có hơn 30 tiết mục với hơn 1000 câu thơ. Khi diễn xướng, các con Giặm vừa hát vừa múa, mô phỏng theo động tác giặm chân chèo thuyền (vì thế nên gọi là hát Giặm).

Ngoài ra, tại Hội đền Trúc còn có hát bỏ bộ, hát đúm. Trai gái trong vùng đến tuổi trưởng thành, còn son đều đến hát với nhau trước cửa đền. Đến tối, họ tập trung lại trước đền làm lễ tạ rồi tản ra chung quanh, vào rừng, lên núi, tụ tập dưới bóng cây, bãi đất... họ lại hát đối đáp tỏ tình.

Như thế, lễ hội hát Giặm tại đền Trúc ở Hà Nam là hoạt động văn nghệ dân gian đầy sức sống nhằm ca ngợi chiến công của Lý Thường Kiệt, ca ngợi quê hương, đất nước, tình người mang đậm



tinh thần văn hoá lịch sử địa phương. Vì nằm ngay cửa ngõ đồng bằng Bắc bộ nên du khách theo đường núi hoặc đường sông đều có thể đi vào vùng núi non trùng điệp của Hoà Bình, Tây Bắc.

Cạnh đền có chùa Bà Đanh và Ngũ Động trên núi Cuốn Sơn. Núi có một loại cỏ gọi là “cỏ thi”, người dân nơi đây đồn rằng hễ ai tìm được cỏ thi đúng vào giờ chính Ngọ tức là đã tìm được huyết quý, không trở thành đế vương thì ít ra cũng đỗ đạt vinh hiển một đời. Thế nên sau mỗi mùa lễ hội trai thanh, gái lịch Hà Nam lên núi Cuốn Sơn tìm cây cỏ thi vào giờ đúng Ngọ để được thăng hoa vinh hiển./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HẢI DƯƠNG



Đền Kiếp Bạc (Ảnh: St)



Ngày... tháng 6 năm 2001

Đến trưa tạt vào một góc thủ đô Hà Nội và xuống Hải Dương, nơi có các danh lam thắng cảnh: Côn Sơn, Kiếp Bạc,...Côn Sơn, nơi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tìm thú vui cùng sơn thủy hữu tình xa lánh chốn quan trường đầy đầy bất trắc, nhưng chính tại đây vòng đời không thoát cuộc tử sinh, vụ án Lệ Chi viên đã kết thúc cuộc đời một thiên tài Nguyễn Trãi. Đã vậy, vụ án của ông còn kéo theo ba họ vạ lây.

Nguyễn Trãi đã vâng lời cha dặn giúp Lê Lợi đuổi được giặc Minh, viết Cáo Bình Ngô lưu truyền hậu thế tư tưởng nhân nghĩa, an dân của ông:

Nhân nghĩa chi cử vụ tại an dân

Điếu phạt chi sự mạc tiên khứ bạo

Duy,

Ngã Đại Việt chi quốc

thực vi văn hiến chi bang



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Sơn xuyên chi phong vực ký thù
Nam bắc chi phong tục diệc dị
Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã
quốc*

*Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên chi các đế
nhất phương*

*Tuy cường nhược thì hữu bất đồng
Nhĩ hào kiệt thế vị thường pháp...*

Nguyễn Trãi lớn lên thời mạt Trần, nước nhà nguy khốn, bị quân Minh sang xâm lược, cha là Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt mang về Tàu. Ông đưa cha đến Ải Nam quan rồi trở về tính chuyện trả thù nhà, đền nợ nước.

Ông theo phò Lê Lợi kháng chiến chống quân Minh. Đến năm Mậu Tuất thảo hịch Bình Ngô. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi đánh quân Minh hai mươi trận. Mười năm kháng chiến, Nguyễn Trãi đem hết tài trí ra giúp, khi thành công được phong là Tế Văn hầu, đổi họ Nguyễn thành họ Lê.

Tục truyền rằng khi ông còn dạy học ở quê nhà Nhị Khê, chuẩn bị dọn một cái gò làm nơi dạy dỗ. Vào đêm trước, ông nằm mộng thấy có một người đàn bà đến nói: “*Tôi mẹ yếu con thơ, xin ông khoan cho ba ngày để tôi đem con tôi đi chỗ khác rồi ông hãy sai người dọn cỏ.*” Sáng thức dậy ra gò xem thì học trò đã dọn xong rồi và lượm được hai cái trứng rắn. Trình ông: “*Khi dọn cỏ chúng con gặp một con rắn trong bụi rậm, đánh nó đứt đuôi bỏ đi*



mất, chỉ lượm được hai cái trứng thôi. Trình thầy!” Nguyễn Trãi nghĩ con rắn là người đàn bà báo mộng hôm qua, bèn đem hai trứng về nhà chờ ngày trứng nở.

Đêm hôm ấy ông đang ngồi xem sách, có con rắn leo lên xà nhà nhỏ một giọt máu xuống ngay trang sách, máu thấm ba tờ giấy. Đến khi hai trứng rắn nở ra, một con dài, một con ngắn, Nguyễn Trãi đem thả xuống sông.

Về sau, lúc Nguyễn Trãi thành đạt, trở thành một công thần, một hôm dạo chơi gặp một người con gái bán chiếu rất đẹp. Ông ứng khẩu đùa:

*Á ở đâu mà bán chiếu gon
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh phỏng độ chừng bao nhiêu
Đã có chồng chưa, được mấy con?
Người con gái bán chiếu đáp lại:
Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon
Can chi ông hỏi hết hay còn
Xuân xanh mới độ trăng tròn lẽ
Chồng còn chưa có hỏi chi con?*

Nguyễn Trãi ưng ý, hỏi tên là Thị Lộ. Một tháng sau, người con gái bán chiếu ở Tây hồ là Nguyễn Thị Lộ vào phủ đệ quan Phục hầu ở với



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

(Côn Sơn. Internet)



Nguyễn Trãi, được Lê Thái Tông phong *Lễ nghi nữ học sĩ*. Đến khi về Côn Sơn trí sĩ, tại đây ông lập một trang trại riêng đặt tên là Lệ Chi viên. Một hôm, vua Thái Tông đi duyệt binh ở Bạch Đằng Giang, khi về qua hạt Chí Linh bèn ghé lại Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Đêm ấy vua nghỉ lại Lệ Chi viên. Thị Lộ được đòi đến để xướng họa cùng vua. Đêm đó không rõ sao vua bị bạo bệnh và băng hà. Đình thần cho là Thị Lộ giết vua, xử trị Nguyễn Trãi, án kêu tru di tam tộc.

Tục truyền rằng Thị Lộ là con rắn hiện thành người báo thù Nguyễn Trãi. Các quan bắt Thị Lộ bỏ vào cũi quăng xuống sông Nhị Hà thì hoá ra con rắn mà bơi đi mất.



Đến đời Quan Thuận, vua Lê Thánh Tôn xét ra Nguyễn Trãi vô tội, giải oan phong làm Thái sư Trụ quốc công. Dòng họ Nguyễn Trãi còn được một người con trai của vợ lẽ, có mang lúc ông lâm nạn, chạy xuống tỉnh Nam rồi sinh tại đây, lấy họ mẹ, đặt tên là Anh Võ. Nguyễn Trãi được minh oan, Anh Võ mới dám nhận là con Nguyễn Trãi.¹

Hải Dương là quê hương của trái vải, người Hải Dương trồng nhiều vải. Trái vải toả đi khắp các miền, ra Bắc vào Nam đâu mà không có. Hiện nay Hải Dương đang có những công trình bước vào thế kỉ XXI: Nhà máy ciment Phú Sơn, Công ty gốm sành sứ Hải Dương. Như chúng ta biết, hàng sành sứ Hải Dương có mặt trên khắp mọi miền đất nước. Ở Đà Nẵng lại không thiếu hàng sành sứ Hải Dương. Lại có: Nhà máy bơm, chuyên sản xuất các loại bơm và đây là công nghệ liên doanh với Nhật hiện đại nhất Việt Nam. Do đó hàng hoá không chỉ bán trong nước tiêu thụ mà còn bán sang một số nước khác trên thế giới.

¹ Nguyễn Anh Võ, con út của Nguyễn Trãi còn sống sót. Nguyễn Anh Võ lập ra dòng Nhị Khê ở Hà Đông và truyền đến ngày nay, có miêu duệ đã vào Sài Gòn từ lâu, lập từ đường thờ Ức Trai Nguyễn Trãi ở quận Thủ Đức (nay thuộc địa phận quận 9). Nguyễn Anh Võ có 7 con trai, con đầu là Nguyễn Tác. (Theo: <https://vusta.vn/di-tim-hau-due-nguyen-trai-p77801.html>)



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Vải Hải Dương (Internet)



Núi An Phụ, nơi có đền thờ Trần Liễu (cha Trần Quốc Tuấn) và thăm tượng Trần Hưng Đạo mà nhân dân ta phong là Đức Thánh Trần đã có công ba lần lãnh đạo quân dân chống quân Nguyên Mông thắng lợi.

Lên núi An Phụ

Đốt nén nhang vải ngài Trần Liễu

Chuyện tình sử ngàn năm

Cháu con ghi nhớ

Chiến trận tan yên nghỉ giữa đất trời

Ta đọc trên trang sử Việt

*Gặp Hưng Đạo vương đánh quân Mông
Nguyên*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Giấc không kịp chạy
Thu gian sơn mở nghiệp nhà Trần
Hào khí Đông A
Ghi vào trang sử
Con cháu ngàn sau còn nhớ
Đức Thánh Trần vùng gươm
đuổi giặc Nguyên
Vẫn còn đầy đức Thánh Trần
Trên núi cao An Phụ
Cảnh giác quân thù*

*Vẫn còn đầy Hung Đạo đại vương
Trên đỉnh cao lịch sử
Cuốn thư yếu lược
Kế sách ngàn năm giữ gian sơn*

*Cháu con đến chấp tay
Vái ngài một vái
Hãy yên nằm thanh thản
Đức Thánh Trần ơi!*

*

Đêm Hải Dương ngập tràn không khí trong lành của đồng bằng Bắc bộ, nơi những cánh cò chấp chới bay lá qua đồng. Người Hải Dương hiếu khách. Tôi gặp trên đường những con người hiền hoà, chân thật. Người Hải Dương đã lên đường đánh Mỹ, hiền



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

ngang vào tận trong Nam đánh giặc. Và như thế trong số ấy, có người đi không trở lại quê nhà.

Đến Hải Dương mà không nhắc đến bánh đậu xanh Ròng Vàng, một sản phẩm làm vừa lòng khách của Hải Dương là sẽ thiếu sót biết chừng nào.

*Tượng Đức thánh Trần
(Ảnh: 6/2001)*

Đêm
Hải Dương trắng
sao đầy trời, chúng
tôi gồm Huỳnh
Văn, Nguyễn Nho
và Cẩm Lệ dạo
một vòng trên
đường phố Hải
Dương. Đọc hồ
Bạch Đằng, nước
lững lờ trôi, chúng
tôi thưởng thức
món bia tươi với
nem chả bên





bờ hồ. Đêm, Hải Dương vẫn giống như bao thành phố khác, vẫn đèn điện sáng trưng, vẫn phố phường và người qua lại. Từng tốp hóng mát bên bờ hồ, họ đi thông thả ngược xuôi. Chúng tôi hoà vào dòng người trên đường phố không phân biệt được khách vắng lai hay người của xứ sở cây vải có vị ngon nhất nước./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HẢI PHÒNG



Ngọn Hải đăng trên đảo Dấu



Ngày 14 tháng 6 năm 2001

Hải Phòng trong cảm nhận ban đầu của chúng tôi rằng đây là thành phố lớn hơn Đà Nẵng. Là thành phố kết nghĩa với Đà Nẵng có quan hệ nhiều mặt trong quá trình xây dựng. Ngang qua phố Lạch Cháy, nơi có rất nhiều phượng vĩ ken dày nở hoa đỏ thắm, lại nghĩ về Thành phố hoa phượng đỏ, *Ơi tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ, Ơi Hải Phòng thành phố quê ta*, ấy thế mà có bài hát ca ngợi màu hoa phượng đỏ tươi vui đến tận bây giờ.

Theo các anh tại Hải Phòng, thành phố có một triệu bảy dân (2001), 14 huyện, thị (Thị xã Đồ Sơn, 2 huyện đảo là Cát Bà và Bạch Long Vĩ).

Đồ Sơn trữ tình và thơ mộng, nước biển nơi đây không phải màu xanh vơi vơi như biển Đà Nẵng



lung linh dưới ánh sáng mặt trời từ lúc bình minh đến hoàng hôn tím biếc trời chiều. Biển Đồ Sơn có màu nâu dịu dàng trù phú, màu của tư duy phát triển. Chẳng thể mà năm qua ngân sách được 3500 tỉ đồng. Trong chương trình phát triển thành phố, Hải Phòng tập trung phát triển theo hướng đông, bắc và tây nam. Những dự án đề ra, nhìn đây đã thấy người Hải Phòng năng động và mạnh dạn. Mạnh dạn như con em họ đã lên đường chiến đấu và có người đã hy sinh trên đất Quảng Nam, Đà Nẵng. Chính thế, Hải Phòng - Đà Nẵng là hai thành phố kết nghĩa dài lâu với thời gian. Có thể thấy dự án đường 5 cao tốc với kinh phí 400 tỉ đồng, đường về sân bay Cát Bi có quy mô 500 tỉ đồng và đường từ hồ Sen ra có tổng kinh phí 300 tỉ đồng để làm được những công trình trọng điểm này.

Theo lời giới thiệu của anh tại thành phố Hải Phòng thì Hải Phòng có các khu du lịch: Đảo Cát Bà, Đồ Sơn, Núi Voi, khu lưu niệm Nguyễn Bình Khiêm, Hải đăng đảo Dấu. Chúng tôi ra thăm biển Đồ Sơn và dùng cơm trưa ở đây (ngày 14/6/2001).





Chiều trên bãi biển Đồ Sơn, ngồi tựa lưng vào chiếc ghế nhựa, tôi nhìn biển có vẻ như hanh hao một chút gì đấy màu của Ngu tinh trong thần thoại xa xưa còn sót lại. Biển có màu nâu của phù sa lưu vực sông Hồng đổ xuống hay là máu của Ngu tinh mà Lạc Long Quân chém thuở xưa còn phai lạt đến bây giờ?

Nhưng phải nói rằng bãi bể Đồ Sơn chiều nay nắng trải xuống như dải lụa vàng lóng lánh trên mặt nước. Tôi và Rô và vài người nữa, chúng tôi ngồi bên nhau nhìn xa tư lự. Đôi khi thấy vui vì lần đầu tiên được đến Đồ Sơn. Trên mặt biển rộng vô tư, từng lớp sóng xô nhau dạt vào bờ cuộn cuộn, gió thổi căng những cánh buồm nhấp nhô trên biển. Trên bãi cát phẳng phiu dài mấy ngàn thước những người tắm biển áo xanh, áo đỏ chập chờn theo sóng. Trẻ em lòng người vào những chiếc lốp to dùng nằm như đưa võng trên đầu ngọn sóng.

Ra đảo Dấu thăm ngọn Hải đăng có từ thời thuộc Pháp nằm trên ngọn đồi cao chừng 100 mét. Ngọn Hải đăng sừng sững, cắm cột mốc cho nhiều tàu thuyền tìm phương hướng mà vào khi có gió to biển động. Trên đảo Dấu cũng là nơi nghỉ ngơi thăm quan sinh thái, gió nhẹ, mát rượi, phần nhiều chúng tôi nhìn thấy là cây đa, hình như chúng phân bố nhiều ở khu vực này.

Thế rồi chúng tôi vào Casino, nơi đây người Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan sát phạt nhau. Có kẻ trắng tay, có người giàu lên, có người hoà vốn



không lỗ, không lời. Người Việt chỉ được thăm quan chứ không được đánh bài hoặc một thứ trò chơi gì khác. Muốn đánh phải thế bằng dola hoặc vàng xem như đây là tiền cọc. Nếu sát phạt mà thua, bạn còn có tiền cọc mà về, có khi tiền cọc dùng vào việc xử phạt nếu có vi phạm trong quá trình đánh bạc. Chẳng hạn thua bạc, nổi máu giang hồ quậy phá lung tung, bảo vệ phạt vạ bằng tiền.

Tôi về nghỉ tại khách sạn Đại Dương, không ngủ được chắc là vì lạ cảnh hay sao! 11 giờ 5 phút, Hải Phòng lại đổ mưa, ngồi trong khách sạn không rõ đây là mưa biển hay mưa đông mùa hạ? Những giọt mưa gõ lóc cóc vào mái tôn khu nhà bên, tôi bỗng giật mình, lại nghĩ: ở quê mình giờ này trời có đổ mưa không?

*Đêm Hải Phòng nghe tiếng mưa rơi
Gõ nhẹ nhẹ vào lòng se sắt lạnh
Đêm trở giấc Hải Phòng ơi tha thiết
Thành phố màu hoa phượng nôn nao*

*Anh cứ thế, xin anh tha thiết thế
Đề Sơn ơi! Con nước nâu hồng
Như mắt ai thâm sâu vời vợi
Nhìn biển chiều man mác hanh hao*

Sau cơn mưa đêm, Hải Phòng bỗng mát hơn, dễ chịu. Tôi thức dậy hồi 5 giờ sáng, ra đường. Đường vắng. Gió từ biển thổi về se se mát.



Hải Phòng nổi lên-chỉ ít là khi chúng tôi đến đây-là hệ thống sông ngòi và vùng biển nuôi tôm thịt. Có thể nhìn thấy Hải Phòng nuôi tôm thịt gấp mấy chục lần Đà Nẵng. Trên đường ra Đồ Sơn gặp những chòi trại nuôi tôm xa tận biển. Biển Hải Phòng có màu nâu nên nhìn đâu cũng thấy có cái gì đầy thân quen của đất. Những trại chăn nuôi chia ra thành bờ thửa dọc theo chiều dài bờ biển có chừng mười cây số./.



BẮC GIANG



Dị tích lịch sử Bắc Giang – khởi nghĩa Yên Thế (Internet)



Ngày 15 tháng 6 năm 2001

Đến Bắc Giang thì trời đổ mưa.
Ngay tại cửa ngõ vào thị xã
Bắc Giang, xe chúng tôi bị chặn lại
vì vượt đèn đỏ.

Anh nhân viên giao thông đưa tay lên chào
theo kiểu quân đội rồi bảo lái xe:

- Xe anh vi phạm đèn đỏ, mời anh đưa xe vào
đây!

Tôi ngồi phía sau xe lo lắng. Trời có vẻ nặng
nước, độ ẩm lớn nên bên ngoài xe oi bức. Xe dừng
được một lát, anh tài xe vội vã đi nhanh đến nơi
vọng gác một lát và quay lại bảo rằng họ bắt phải
trình giấy tờ xe. Làm thế nào bây giờ? Và thế là
thông tin cho đoàn biết, những cuộc điện thoại réo
lên rớt rớt, mới biết con người thời hiện đại, thời
công nghiệp hoá là thế nào. Điện thoại di động sẵn
trong túi, ai có hãy cứ lôi ra bấm và gọi túi bụi. Lại
săm se, rồi bấm! Rồi a-lô, tôi nghe đây! Cái gì, kẹt



xe phải không? Không, xe bị phạt rồi! Sao lại phạt? Phạm luật giao thông! Toàn là những thông tin sốt sắng và đầy trách nhiệm! Phải xin người ta bỏ qua cho thôi, không thể khác được, từ miền Trung xa xôi đến đây chưa quen, chưa thuộc đường đi nhờ vì phạm một tí, chắc người ta thông cảm cho thôi. Có ai đó bảo vậy. Sau 15 phút lại tiếp tục cuộc hành trình vào thị xã Bắc Giang.



Vải Lục Ngạn

Mưa vẫn lất phất từng hạt đều lên thị xã nhỏ xinh này.

Các anh ở Bắc Giang đưa chúng tôi đi thăm một làng vải cách thị xã Bắc Giang 80 km. Mấy năm trở lại đây theo chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng con vật nuôi, tỉnh Bắc Giang đã chuyển một vùng rộng lớn của mình sang trồng cây vải. Nơi đây không gọi vải thiều mà gọi là vải Lục Ngạn. Bởi cây vải được trồng rất nhiều tại huyện Lục Ngạn. Lục Ngạn là một huyện mà diện tích đất trung du và núi gần bằng diện tích tỉnh Thái Bình. Trên đường chạy về làng vải, chúng tôi gặp rất nhiều xe đông lạnh từ trong Nam ra lấy hàng vào phân phối. Tại Xã Phú



Sơn là xã rộng nhất tỉnh Bắc Giang, dân nơi đây trồng vải không thể nào đếm xuể. Bắt đầu từ năm 1999 đã có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Hai bên đường nơi đoàn chúng tôi đi qua, những cây vải đứng sum suê mang đầy trái ngọt theo lô. Vải bạt ngàn, đổ au cả một vùng rộng mênh mông! Theo các anh Bắc Giang, năm được mùa một hộ thu được bình quân cũng đến 200 triệu đồng, còn gặp phải năm mất mùa thì phải bù lỗ, bởi khi cây vải mất mùa thì không có trái để mà hái, lại phải trèo lên cây mà lật hết những cành hoa đã héo khô như chiếc đuôi chuột đưa lên trời như nhắc nhở chủ vườn. Đây là cái khó vì tốn tiền mà không thu được trái.

Bắc Giang chập chùng đồi núi, tỉnh nằm gọn trong vùng trung du của vùng Tây Bắc lắm núi đồi nên nhìn đâu cũng gặp núi rừng đá vôi vây quanh bao bọc. Trời lại đổ một cơn mưa nhẹ mát lạnh. Tại vườn vải, chúng tôi tha hồ thưởng thức mùi vị thơm ngọt của vải Lục Ngạn và đặc biệt nhìn đâu cũng rối mắt vì vải. Chẳng thể phân biệt được chua ngọt là thế nào. Hai cô gái ríu rít như chim nhìn quả nào cũng no tròn ngọt lịm đến rối mắt, nắm trên tay một chùm vải mà không biết phải làm sao có thể thưởng thức được hương vị thơm ngon của vải thiều Lục Ngạn.

Nghe tiếng rì rào ngoài vườn vải, vị chủ nhà phấn khởi chạy ra nhìn quanh mảnh vườn của mình một lượt, cô chủ mỉm cười, chột vui vẻ lên tiếng:



- Cả vườn vải chỉ có cây này là ngon nhất đấy!

Mọi người nhìn quanh theo tay hướng dẫn của vị chủ nhà. Quả là một cây vải sai trái, trái nào cũng đỏ au ươn mình phơi dưới nắng hanh màu vàng mật của Phú Sơn, Lục Ngạn. Mấy anh thanh niên bước đến bên gốc vải sum suê, đưa tay hái những quả đầu cành ngon nhất. Tôi hái mấy quả liền và bóc vỏ. Vị ngọt thanh chạy quanh đầu lưỡi, đúng là cây vải ngon nhất rồi đây. Một cô trong đoàn nhanh tay bẻ luôn vải chùm nắm trên tay mang theo là chắc ăn nhất!

Chúng tôi rời vườn vải trong niềm vui tởm của vị chủ nhà. Ông Bí thư và Chủ tịch xã Phú Sơn cho biết rằng: *Các anh đến gặp năm mất mùa vải, chứ không ngay tại đây đã có hàng đoàn xe cân đếm tập nập lắm. Trong Nam họ đánh xe ra tận nơi đây chở vải vào trong ấy. Vui lắm! Tiếc là các anh không gặp mùa.* Các vị nói thế chứ chúng tôi cũng đã nhìn thấy trên đường đi lên Lục Ngạn từng đoàn xe từ các tỉnh thành ra vào không ngớt vận tải vải về xuôi, xuống biển. Vào tận Đà Nẵng, những chùm vải nằm phơi bụng dưới ánh nắng hè trong các quầy hàng nhưng không rõ có phải là vải Lục Ngạn không hay vải của Hải Dương. Tôi án chừng có trong ấy cả hai, bởi cũng vào mùa vải cách đây ba năm, chúng tôi đến Hải Dương và cũng nhìn thấy từng đoàn xe chở đầy vải thiều Hải Dương chạy về Nam phân phối. Năm ấy thị trường vải tại Đà Nẵng giá



14 ngàn đồng một kg, còn năm nay do vải mất mùa, chắc rằng vải vào không đến Đà Nẵng được nhiều nên giá vẫn cao hơn.

Đến Bắc Giang đi thăm vườn vải trĩu cành, được ăn, được xách đã là một lý thú như một lần chúng tôi vào trong Nam, đến Tiền Giang, xuống Sóc Trăng, Bến Tre và được các bạn nơi đây cho đi thăm một vườn chôm chôm đang trong mùa thu hoạch. Chà! Cơ man nào là chôm chôm, có loại của ta nuôi trồng đã lâu nhưng lại cũng có giống của Thái Lan mới nhập về mấy năm nay. Vào vườn chôm chôm cứ phải cúi xuống mà đi vì cành nhánh chôm chôm rất thấp. *Nhớ mùa chôm chôm chín* là đây chứ đâu nữa bây giờ. Câu cải lương nào cất lên hay đáo để! Loại của Thái Lan trái nhỏ, có màu không đậm lắm khi thu hoạch, lông thưa, ruột ăn rất ngọt, đặc biệt cơm giòn và không dính vào răng khi nhai quả. Đây là điều khác biệt với chôm chôm của ta ở Nam bộ. Loại này ngon nên giá cả đắt hơn và cũng được các lái buôn chuyên chở đi xa để bán. Chúng tôi cũng tha hồ được ăn, được xách như mấy ngày nay tại Lục Ngạn của Bắc Giang. Cây trái quê ta đâu cũng ngon và thơm lừng! Đà Nẵng, đến mùa chôm chôm chín thì không thiếu loại này. Chôm chôm được nuôi trồng nhiều ở xứ Quảng ngay tại làng Đại Bường huyện Quế Sơn nhưng không sai trái và ngon bằng. Nay, những nhà nông trại mang cây chôm chôm về trồng trên loại đất thịt pha núi thuộc miền trung du Hoà Ninh, huyện Hoà Vang,



Đà Nẵng. Trên đường đi lên khu nghỉ dưỡng Bà Nà, người du lịch căng mắt nhìn những lô chôm chôm được chăm chút một cách kỹ lưỡng theo cách nuôi trồng của người miền Trung, quanh năm lúc nào cũng chăm chút bờ thửa, rống, hàng đầu vào đó. Tuy thế là vì chôm chôm “nội” nên vẫn không ngon ngọt bằng loại “ngoại” như trong Nam bộ đã trồng.

Đến Bắc Giang đi chơi Suối Mỡ được ghi trong lịch trình, thế nhưng trời lại không chiều rồi, cứ mãi đổ mưa. Lên suối mà hứng một cơn mưa thì không thể nào thăm thú được! đành ngồi lại nhà nghỉ tại Bắc Giang nghe kể chuyện Suối Mỡ là thế nào. Suối Mỡ tọa lạc tại xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, cách Bắc Giang 30 km về phía Đông - Bắc. Suối Mỡ là thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Bắc Giang. Anh hướng dẫn đoàn chúng tôi lai rai kể chuyện. Chuyện rằng:

Cứ theo truyền thuyết của ta, vua Hùng Vương thứ 16 có cô công chúa Quế My nương. Công chúa càng lớn càng xinh đẹp, đã có nhiều công tử các miền đến cầu hôn làm vợ nhưng công chúa chỉ ham mê du ngoạn đó đây thăm thú danh lam thắng cảnh mà không màng đến việc lấy chồng. Một hôm du ngoạn đến vùng Suối Mỡ (ngày nay), công chúa gặp một vùng đất đai khô cằn, dân cư thưa thớt, hỏi ra mới biết rằng ở đây lâu nay hạn hán thường xuyên, cả mấy tháng trời không có lấy giọt mưa. Dân tình do đó đói rách, bỏ đi phiêu tán gần hết. Công chúa nghe vậy lấy làm ray rứt trong



lòng. Nàng cùng đoàn tùy tùng leo lên núi Huyền Đình vào ngày đầu xuân, bỗng dung một cơn gió mạnh đã cuốn công chúa bay lên trời và sau đấy thả nàng xuống khúc Suối Mơ. Khi đặt chân xuống đây, nàng đã dùng 5 đầu ngón chân của mình ấn xuống đá và lạ thay một dòng nước mát ào ạt chảy ra thành suối (Suối Mơ nay) đưa nước tưới cho đồng ruộng đang lúc khô cằn. Từ đó đất đai vùng này trở nên màu mỡ, đời sống muôn dân trở nên trù phú. Nhân dân từ đó vui mừng. Về sau để nhớ ơn công chúa Quế My nương, dân làng đặt tên con suối ấy là Suối Mơ, người dân nơi đây xây dựng 3 ngôi đền liền nhau và gọi tên là đền Hạ, đền Trung và đền Thượng. Tương truyền đền rất linh thiêng.

Sự linh thiêng và nổi tiếng vì phong cảnh thiên nhiên hữu tình đã làm cho Suối Mơ cuốn hút hàng vạn người về đây thăm quan, làm lễ dâng hương mỗi độ xuân về.

Suối Mơ còn là nơi sau này Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đã cùng các tướng lĩnh thân tín lập đại bản doanh nhằm chặn đường tiến công của quân xâm lược Nguyên - Mông từ Ai Chi Lăng kéo xuống nước ta, đánh chiếm Vạn Kiếp để từ đó chúng mở đường đánh chiếm Thăng Long.

Để ghi nhớ công ơn với nước non này, nhân dân nơi đây đã lập đền thờ Trần dâng hương nhân ngày lễ hội. Tại đây còn khu di tích 3 dinh, 7 nền bãi, nơi quân ngựa, nơi dùng làm thao trường...



Và, anh hướng dẫn cho đoàn chúng tôi tiếp chuyện: *nay Bắc Giang đang khẩn trương xây dựng nhà nghỉ, nhà giải trí, khách sạn bên bờ Suối Mỡ nhằm phục vụ du khách, tăng thêm nguồn thu từ khu du lịch nổi tiếng này.*

Những ngày thăm thú một số nơi miền Tây bắc kể cũng đã thú vị, tất nhiên đoàn chúng tôi còn phải tiếp tục cuộc hành trình lên tận Lũng Cú mới quay về. Bây giờ anh em phải chờ xem *du lịch cùng world cup* nên không thể bỏ qua một trận đấu nào trong số 64 trận đấu trên sân cỏ nước Đức.

Đến với khu di tích Yên Thế, thật ra đoàn chúng tôi không thực hiện được, không ai trong đoàn nghĩ đến việc thăm khu Hoàng Hoa Thám dùng làm căn cứ đánh Pháp hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi kêu gọi. Hoàng Hoa Thám còn được sử sách gọi là Hùm thiêng Yên Thế quả không sai. Ông đã từng làm cho quân Pháp thất điên bát đảo ngay trên căn cứ địa của ông.

Hoàng Hoa Thám thường gọi là Đề Thám, một danh nhân dân tộc thời cận đại của lịch sử Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước và chí khí quật cường của dân tộc. Ông vốn người họ Trương, quê gốc làng Dị Chém huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên. Cha là Trương Văn Thận, cầm đầu một cuộc khởi nghĩa nông dân, có năm nghĩa quân lên tới 3000 người. Cuộc khởi nghĩa kéo dài 7 năm thì thủ lĩnh Trương Văn Thận bị bắt do phản bội chỉ điểm. Thực dân



Pháp giải ông về Hà Nội. Trên đường đi ông đã tự sát. Từ đó, gia đình và dòng họ bị truy lùng ráo riết. Con cháu họ Trương tản mát khắp các miền đất nước và phải đổi họ Trương thành họ Đoàn để lẩn trốn. Ông Trương Văn Thân, em ruột ông Thận đưa hai con của ông Thận là Trương Văn Nghĩa và Trương Thị Cấp lên vùng trung du thuộc xã Ngọc Châu, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang sinh sống và lánh nạn cho chắc giữ được dòng giống. Tại quê hương mới, chú cháu ông Thân cũng phải đổi thành họ Đoàn thì mới yên ổn được. Khi lớn lên, Trương Văn Nghĩa một lần nữa lại phải thay tên, đổi họ để tham gia chống Pháp. Đến đây thì tôi không rõ, bởi trong lịch sử Việt Nam cận đại học ở trường phổ thông không thấy ghi chi tiết thay tên đổi họ của cụ Hoàng Hoa Thám mà từ đầu chí cuối chỉ thấy cụ Hoàng Hoa Thám còn gọi là Đề Thám và có biệt danh “Hùm thiêng Yên Thế”. Thế nên trong cuộc hành trình này có đến tận quê hương của cuộc khởi nghĩa mới tìm hiểu được một chi tiết bổ sung cho kiến thức của mình mà phải mất mấy mươi năm thật tình mà nói tôi vỡ lẽ khi nghe anh bạn Bắc Giang kể về lai lịch cụ Hoàng Hoa. Anh bạn Bắc Giang kể tiếp:

Để chống Pháp, lúc đầu cụ Hoàng Hoa Thám được sung vào đội quân của cha nuôi là Bá Phúc, sau gia nhập đội quân của Cai Kinh, và được phong Chánh Đề đốc nên người đương thời gọi cụ là Đề Thám. Thế nhưng khởi nghĩa Cai Kinh thất



bại, Đề Thám ra nhập nghĩa quân Đề Năm. Qua những lần chiến trận, Đề Thám dần có uy tín trong nghĩa quân bắt đầu từ năm 1888. Tháng 4 - 1892, Đề Năm hy sinh trong một trận quân nhau ác liệt với thực dân Pháp, nghĩa quân Yên Thế tôn Đề Thám lên làm thủ lĩnh cầm quân đánh nhau với Pháp.

Trong hơn 20 năm kiên cường nằm gai nếm mật trên vùng núi Yên Thế đánh Pháp đã bao lần Đề Thám gặp tai ương, lúc ốm đau, lúc bị thực dân Pháp truy lùng gia đình, dòng họ làm con tin nhưng cùng với nghĩa quân, Đề Thám không sờn. Có nhiều năm Đề Thám đóng quân tại vùng núi Sáng Sơn huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc. Đến nay, nhiều cụ già sinh sống dưới chân núi Sáng Sơn, Lập Thạch vẫn còn nhớ đôi giai thoại về cuộc chiến đấu của cụ Hoàng Hoa Thám. Trên núi Sáng Sơn nay còn có những địa danh một thời làm nản lòng quân giặc Pháp như hang Đề Thám, Kho lương, Bếp nuôi quân, Đèo Mai phục... Trong dân gian cũng ngợi ca tinh thần anh dũng của cụ và nghĩa quân, không biết vào thời điểm nào tại Yên Thế, một vé đối xuất hiện làm nức lòng người dân Yên Thế. Vé rằng:

***Sáng ra trông núi Sáng, thấy hoa vàng nhớ
cụ Hoàng Hoa,***

Từ bấy đến nay chưa có ai đối lại về này.

Trong lịch sử cận đại Việt Nam không thấy ghi chi tiết về cụ Hoàng Hoa Thám, đặc biệt là chương trình dành cho học sinh Tiểu học. Nay, đến



quê hương của khởi nghĩa mới hay rằng còn có nhiều chi tiết bổ ích có thể bổ sung cho những điều trước đây không biết được. Bọn học sinh như chúng tôi ngày ấy thần phục cụ như đã từng thần phục Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Luy Lâu mà mới đây mấy hôm chúng tôi cũng có dịp đi qua địa danh lịch sử này. Trên trang sử ngày ấy còn có hình cụ, vợ và các con đã cho chúng tôi củng cố niềm tin vào sức mạnh quật cường của dân tộc.

Đôi điều về cụ Đề Thám như thế chưa phải là tất cả, nhưng trong một chuyến đi, biết thêm chút ít cũng đã nhiều như dân gian ta vẫn nói: *đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Âu đó cũng là một chuyến vi hành *Bắc - Hà du ký* đầy lý thú.

Đêm Bắc Giang đổ xuống một cơn mưa mát dịu, bên ngoài cửa sổ trời sẫm một màu trung du huyền thoại. Gió lành lạnh thổi xuống từ trời, tôi thầm nghĩ ngày mai sẽ tiếp tục lên đường sang Bắc Cạn. Đây là lần thứ tư tôi có dịp ngao du xứ Bắc,



đường như chỉ còn một vài tỉnh, đấy là Thái Bình, Nam Định, Hà Tây tôi chưa có dịp đến thăm. Tôi chắc, có một dịp nào đó rồi sẽ gọi lại chén rượu phương Nam, cùng bạn bè ra thăm xứ Bắc một lần nữa, hy vọng không quên Thái Bình đồng bằng chiêm trũng ngập tràn phù sa trong mùa mưa lụt, sẽ đến Nam Định để biết một thời nghề dệt nơi này phát triển và đến Hà Tây để được một lần lên chùa Hương lễ Phật như xưa kia cái năm nào năm nào Nguyễn Nhược Pháp đã đi lễ chùa này.

*Vào chùa dâng lễ Phật
Khởi trầm hương quyện bay./.*



QUẢNG NINH



Ngán nướng



15/6/2001

Tên đường ra Quảng Ninh phải qua phà Bính, phà Rừng và Bãi Cháy. Ra khỏi ngoại ô thành phố chừng 30 km, xe qua phà Bính. Hải Phòng dự tính nơi đây sẽ làm một cây cầu thay cho phà. Phà đi ngang qua sông Bạch Đằng nơi mà trước kia Trần Hưng Đạo đã ba lần đánh tan quân Nguyên xâm lược nước ta vào thế kỉ thứ XIII. Theo cái nhìn của tôi, sông Bạch Đằng rộng hơn sông Hàn nên cầu cũng có thể dài hơn. Phương thức thực hiện vẫn tiến hành theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Qua Phà Bính một đoạn, xe chạy vào địa phận huyện Thủy Nguyên (vẫn thuộc địa phận Hải Phòng).



*Cọc gỗ
đóng xuống
lòng sông
Bạch Đằng
trong kháng
chiến chống
Nguyên Mông
(A: Hoàng Nam)*



Qua phà Rừng, đoạn ngang sông dài nhất trên tuyến hành trình của chúng tôi. Đã vào địa phận Tỉnh Quảng Ninh. Thế rồi qua phà Bãi Cháy, chúng tôi vào thành phố Hạ Long lúc 10 giờ. Ở Bãi Cháy được nghe kể lại rằng: Ngày xưa, một bộ phận cư dân của Hạ Long làm nghề đánh bắt hải sản, họ thường dùng dầu rái để trét ghe thuyền. Để tạo ra được dầu rái sử dụng, họ phải đốt dầu lên cho lỏng ra, cứ vậy nhiều người cùng đốt, thế là lửa bén nhiều nơi làm cho bãi phát cháy. Từ đó về sau tên gọi Bãi Cháy gắn liền với vùng đất ấy cho đến tận bây giờ.

Rất tiếc là chúng tôi không lên được Yên Tử thăm phái Trúc lâm Thiền tự, nơi nhà sư Vạn Hạnh tiếp thu tư tưởng Phật giáo vào nước ta sớm nhất. Có thể sẽ bẽ bàng như " Trên đỉnh phù vân" mà Phó Đức Phương một ngày nào đó đã một lần lên Yên Tử. Yên Tử thuộc thị xã Uông Bí, cách trung tâm thị xã chừng 19 km, là một quần thể di tích gồm 11 ngôi chùa và rất nhiều am tháp, bia tượng được xây dựng từ thời Trần cách đây 7 thế kỷ. Chùa Yên Tử nằm trên dãy núi Yên Tử được xếp vào hàng giang sơn có đỉnh cao nhất 1068 mét. Đây là nơi phát tích của dòng Phật giáo Trúc Lâm từ thế kỷ thứ 13 có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội phong kiến Việt Nam. Thiền viện Trúc Lâm và chùa Hoa Yên rất bề thế đã được trang bị bằng hệ thống cáp treo hiện đại.

Và, đoàn chúng tôi cũng không có chương trình lên thăm Đảo Khỉ như mong ước.



"Là một kỳ quan thiên nhiên của thế giới, nằm ở Đông bắc Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh, rộng 1.553 km², với 1969 hòn đảo, trong đó 980 hòn đảo đã được đặt tên. Vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận là di sản thế giới bởi giá trị ngoại hạng có tính toàn cầu về cảnh quan vào năm 1994 và về địa chất, địa mạo vào năm 2000. Vịnh Hạ Long được Câu lạc bộ những vịnh đẹp trên thế giới xếp là vịnh đẹp nhất thế giới.

Là một điển hình tuyệt hảo của cảnh quan Karst được hình thành qua các chuỗi phức tạp của quá trình kiến tạo địa chất hàng trăm triệu năm, vừa hùng vĩ, hoành tráng, vừa duyên dáng thơ mộng. Vịnh Hạ Long cũng là khu vực Karst phát triển trên biển mạnh nhất và lớn nhất trên thế giới, chịu tác dụng của xâm thực biển và nước mưa. Các tháp Karst Fenglin và Fengcong là dạng địa hình nổi bậc và hết sức độc đáo của Hạ Long.

Hệ thống đảo của vịnh Hạ Long vô cùng phong phú và sinh động. Mỗi một hòn đảo mang hình ảnh, dáng vẻ riêng chúng luôn thay đổi theo thời gian và góc nhìn. Các đảo đá Hạ Long trông giống như một thế giới các loài vật, có hòn giống như đôi gà đang tình tự, có hòn giống chú cóc nhỏ bé, chú chó trung thành, có hòn lại trông như cây bút,..

Trong lòng đảo đá của Hạ Long chứa đựng hàng trăm hang động lớn nhỏ, trong đó có hàng chục hang động kỳ thú và nổi tiếng bởi vẻ đẹp độc đáo



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

và lòng lầy của các nhũ đá đã được đưa vào đón khách thăm quan như: Thiên Cung, Đầu Gỗ, Sừng Sốt, Trinh Nữ, Tam Cung, Mê Cung, Tiên Ông, Bò Nâu...trong đó các hang Đầu Gỗ, Sừng Sốt, Thiên Cung đã được xây dựng hệ thống đường đi và đèn chiếu sáng rất thuận tiện cho khách du lịch chiêm ngưỡng.

Hạ Long còn là vùng biển đảo rất giàu có và phong phú về sinh thái với các hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái tùng áng và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Nhiều loài thực vật đặc hữu chỉ riêng có ở Vịnh Hạ Long đã được phát hiện.



*Hạ Long
Quảng Ninh
(6/2001)*

Vịnh Hạ Long là cái nôi cư trú của người Việt cổ trải qua chiều dài trên 20.000 năm cách ngày nay,



từ hậu kỳ đồ đá cũ đến sơ kỳ kim khí với ba nền văn hoá kế tiếp nhau là Soi Nhụ, Cái Bèo, Hạ Long.

Hạ Long đã trở thành địa chỉ du lịch bậc nhất ở Việt Nam. Khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam không thể không đến Hạ Long. Vì vậy, có người đã nói: *Người Việt Nam chưa đến Hạ Long chưa thật biết đất nước. Thăm Việt Nam chưa đến Hạ Long, chưa thật biết Việt Nam.*"



Cọc gỗ đóng xuống sông Bạch Đằng (1228) In

Hạ Long mát mẻ khi chúng tôi đến, nhờ vào cơn mưa biển trước đó một ngày đổ xuống. Tôi đến Quảng Ninh lần này là lần thứ hai, thành phố Hạ Long đã đổi thay rất nhiều so với 6 năm trước khi tôi lần đầu tiên đặt chân đến nơi này.

Hơn một lần dạo chơi trước đây, lần này thăm được hang Đầu Gỗ (còn gọi là giầu gỗ). Tục truyền rằng, vào thế kỉ thứ XIII khi quân dân ta chuẩn bị đánh quân xâm lược Nguyên Mông, Trần Hưng Đạo đã cho quân đội đồn gỗ lim giầu vào trong hang trước khi mang



ra cắm xuống lòng sông Bạch Đằng, nơi bây giờ là đoạn sông có phà Bính, vì thế mà người thời ấy đặt tên là hang Giấu Gỗ- Đầu Gỗ. Hang được giữ bí mật tuyệt đối mãi đến đầu thế kỉ thứ XIX mới phát hiện ra hang này. Và từ đấy đến nay đã có rất nhiều khách thập phương đến ghé thăm hang Đầu Gỗ.

Vào động Thiên Cung đã có đèn chiếu sáng, trông đẹp tuyệt vời. Thiên cung tráng lệ như Phong Nha Kẽ Bàng của Quảng Bình. Chính thế mà thế giới phải công nhận Hạ Long là kỳ quan thiên nhiên của thế giới. Có thể nói được rằng Vịnh Hạ Long xứng đáng là kỳ quan của thế giới chứ không chỉ là của Việt Nam ta. Toàn Vịnh Hạ Long là một cảnh thiên nhiên hoàn bích, kỳ lạ, chỉ có biển mênh mông với núi nhô lên từng cụm, từng hòn riêng lẻ mà thiên nhiên đã hoà hợp lại thành một bức tranh có một không hai trên trái đất. Nhìn vào bản đồ ta sẽ thấy trên làn nước xanh thẳm mọc lên chi chít những hòn đảo lớn nhỏ đủ các loại hình dáng. Từ xa mà nhìn người ta có cảm giác các dãy núi đá vôi xếp lại với nhau tạo thành một lưỡi cưa dựng ngược khổng lồ vây quanh cơ sở đảo lớn nhỏ.

Phía đông nam Hòn Gai là hang Đầu Gỗ, nói chữ theo cách Hán-Nôm là động Kỳ Quan. Từ Hòn Gai ra đến động mất non một tiếng đồng hồ. Neo thuyền ở chân núi rồi leo lên chừng 90 bậc thang đá thì đến cửa động. Qua một cửa hẹp, bỗng dưng một không gian rộng lớn mở ra, trên vòm cao là những đám mây ngũ sắc mà nếu nhìn kỹ giống như đang



bị gió đẩy đi. Không thể đếm được có bao nhiêu giọt nhũ thạch nhỏ xuống vòm trời trông như hàng vạn hạt kim cương lấp lánh. Rồi những cột đá tự nhiên to lớn chống vòm trời lên, đây là nhũ đá nhỏ xuống lâu năm mà thành, quanh cột cứ chăm chú mà trông sẽ tưởng tượng ra đủ hình thù ngoạn mục. Ánh sáng từ ngoài động lọt vào làm cho cả một vòm trời lung linh huyền ảo. Những cây cột bằng thạch nhũ, những chùm thạch nhũ đang trong quá trình nhéo xuống, ta cứ đứng mà trông như một cung điện rực rỡ, hoành tráng. Đích thị xem cho kỹ sẽ có hàng vạn hình thù dưới cái nhìn của bạn.

Trên vách động có rất nhiều câu thơ, những dòng chữ khắc vào thành động hoặc viết bằng sơn. Ngược nhìn lên trần động, nơi cao nhất không có lối lên, vậy mà vẫn có ai viết được những chữ Hán, có cả chữ Nhật khoét rất lớn trên trần. Thế mới công phu!

Qua khỏi hang Đầu Gỗ vào một lối nhỏ xuống thấp hơn, ánh sáng đã có chiều hướng mờ dần, mọi cảnh vật ở đây trở nên huyền ảo. Hơi lạnh se se phủ vào người cùng với mùi của đá xông vào trong mũi, đây là mùi của hang động. Rồi lại vào thêm một đoạn nữa, đây là đoạn thứ ba, không còn ánh sáng để nhìn. Muốn nhìn được cảnh của động, người ta phải đốt đèn bạch lập lên, hoặc dùng đèn pin rọi cho rõ lối đi. Ở đây thật sự âm u. Ngày nay người ta đã dùng đèn điện thay cho đèn bạch lập và đã tạo được những hành lang an toàn cho du khách



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

thăm quan. Điện chiếu lên vòm hang, vào vách, cảnh trong hang lại lung linh huyền ảo.

*Trước hang
Đầu Gỗ
6/2002*



Từ hang Đầu Gỗ lại đi thuyền đến động Surprises (Sửng Sốt) phải mất hơn hai giờ đồng hồ nữa. Đây là một động xa. Động ở lưng chừng một hòn đảo, phải trèo lên 100 bậc đá mới vào được cửa động. Động huy hoàng và lung linh không thua kém hang Đầu Gỗ.

Và từ động Surprises theo thuyền đi một giờ đồng hồ nữa ta sẽ đến nơi gọi là Lồng chảo (Cirque) có một vách đá dựng đứng tạo thành hình thù như một cái trống khổng lồ. Đứng ở nơi đây ta sẽ nghe được tiếng vang lớn như tiếng trống thúc quân ngân vọng rất lâu giữa biển trời.



Hãy vào Thiên cung động, những hình thù bằng thạch nhũ, ta cứ suy nghĩ và tưởng tượng nên rất nhiều điều lạ lẫm, tùy theo trí tưởng tượng và tâm trạng của mỗi người khi đứng trước một thiên nhiên lộng lẫy.

Bạch Long Vĩ do đâu mà có? Chuyện thần thoại kể rằng: Ngày xưa dân cư miền duyên hải đang bị một con cá to đã sống rất lâu đời hoá thành tinh phá hại dân lành. Ngư tinh này thường lặn quần ở vịnh Bắc bộ, khi nổi lên người ta thấy mình nó dài 50 trượng, đuôi như một cánh buồm căng gió, miệng nó há rộng có thể nuốt chửng một chiếc thuyền con. Nó có phép biến hoá khôn lường, không một ai có thể làm gì được.

Khi Lạc Long Quân đi qua, nghe người dân kể lại tác hại của nó, Lạc Long Quân ra tay diệt trừ loài thủy quái. Thần cho đóng một chiếc thuyền lớn, rèn một khối sắt to nung đỏ, thần chèo thuyền đến phía cửa hang con thủy quái. Ngư tinh quen thói há miệng để đón mồi, gặp lúc Lạc Long Quân ném khối thép nung đỏ vào. Ngư tinh điên cuồng chống trả, đánh lại Long Quân. Thế là cuộc giao tranh giữa thần đất Lạc với thủy quái làm nổi sóng cả một vùng. Hai bên đánh nhau ba ngày đêm. Long Quân được thần Biển giúp sức ngăn được gió bão, không cho Ngư tinh thoát ra biển rộng. Bị một khối sắt



thọc vào cổ họng, Ngư tinh càng đánh càng yếu sức dần, toan tìm đường tẩu thoát. Lạc Long Quân nhất thiết không tha, đuổi theo chém được Ngư tinh, xong chặt ra làm ba đoạn, máu đỏ ngầu cả một vùng biển, khúc đuôi Ngư tinh bị lột da căng lên một hòn đảo giữa biển, nay gọi là Bạch Long Vĩ. Đầu Ngư tinh hoá thành một con hải cẩu, bị Lạc Long Quân chém chết, vứt đầu lên núi đá, nay gọi là Núi Đầu chó. Khúc mình của Ngư tinh sóng đẩy trôi ra xứ Mạn Cầu ngày nay người ta gọi là Cầu Mạn Cầu. Cứ theo đó thì Bạch Long Vĩ được hình thành”.

Tối, thành phố Hạ Long đèn điện sáng trưng. Thành phố có dịch vụ ca hát theo phương thức "Cùng nhau hát", "Hát cùng nhau" với những bài ca mang âm hưởng dân ca miền Đông Bắc./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

LANG SON



Ái Chi Lăng. 6/2001



17/6/2001

Buổi sáng, thành phố Hạ Long trời có sương mù, chúng tôi rời thành phố lúc 7 giờ. Xe không đi theo hướng quốc lộ I mà theo hướng đường tắt gần hơn. Anh T. ở Quảng Ninh cho biết: Cứ theo đường tắt từ Hòn Gai đến Cẩm Phả, Cửa Ông vào huyện Đình Lập đến thị trấn Na Dương là vào Lạng Sơn.

Đường từ Hạ Long sang Lạng Sơn dài 180 km, đa số là đường cấp phối. Chúng tôi ngang qua Cẩm Phả gặp trời mưa lớn. Hai bên đường, dân tộc Tày, Nùng sinh sống, nhìn lên triền núi vẫn có nhà của đồng bào định cư, hoặc men theo những con suối lác đác vẫn có những căn hộ dọc theo triền. Dân ở đây trồng nhiều bắp, thuốc lá Lạng Sơn và lúa nước. Tôi chưa nhìn thấy lúa rẫy ở vùng này. Có thể



có nhưng ở sâu trong những bồn địa hoặc phía bên kia sườn núi. Không có ruộng bậc thang như vùng Tây bắc. Thuộc lá ở đây được trồng trên những cái vòng, không giống như hàng ở xứ Quảng, hai bên vòng lại có nước thường xuyên nhưng thuốc vẫn sống và ra hoa kết trái. Lá thuốc rất lớn đã ngã sang vàng. Khi chúng tôi ngang qua, thuốc lá đã sau mùa thu hoạch. Nay thì thuốc đang có hoa màu trắng dọc theo hai bên đường.

Đường từ Hạ Long lên Lạng Sơn rất đẹp, không có đèo dốc nào lớn cả. Quả là:

Đường lên xứ Lạng quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Đoạn trước huyện Đình Lập, nơi qua cầu Ba Chẽ, biển lại lún sâu vào chân núi tạo nên những hồ. Đặc biệt khi qua vùng Cẩm Phả mùi than đá bốc lên sau cơn mưa đúng trưa có vẻ nồng nàn hăng hăng nơi mũi. Đây là một kho than đá của cả nước. Người dân nơi đây xây dựng nhà cửa không trau chuốt như ở quê ta hay như ở Hải Phòng, Hòn Gai. Đặc biệt người Tày, Nùng không làm nhà sàn để ở mà họ làm nhà trệt như người Kinh. Trên đường lên Lạng Sơn, nhìn thấy trâu là gia súc được nuôi nhiều. Không rõ trâu bò có nhiều bằng đàn trâu, bò ở hai tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa của miền Trung không nữa?

Mười ba giờ chiều, đến Thị xã Lạng Sơn, trời nắng nóng, qua thân nhiệt, hơi nước trong không khí rất cao, có thể cảm nhận được sức nóng hâm hấp của vùng miền núi xứ Lạng. Chúng tôi thăm dầm



mồ hôi. Ăn cơm trưa ở phố Bà Triệu trong nhà hàng La Tiến Hoà. Tại bữa, gặp bốn món ăn nhưng món nào cũng có dầu mỡ. Món canh chua có vị ngai ngái không giống mùi vị miền Trung. Đặc biệt măng rừng thơm và trắng không ngả màu vàng như măng le ở Tây nguyên những năm sau 1975 tôi đã từng thưởng thức.

Sau cơm trưa, chúng tôi cho xe chạy về đường Quang Trung, tìm nơi nghỉ chân, và chúng tôi nghỉ trưa tại đây.

Lạng Sơn có chợ Đông Kinh, chợ Kỳ Lừa. Chợ Kỳ Lừa họp vào buổi chiều đến chừng 10 -11 giờ đêm thì tan, có hôm đất hàng lại họp đến 2 giờ sáng. Chợ Đông Kinh chỉ họp buổi chiều. Khi chúng tôi đến, chợ Đông Kinh bán toàn hàng Trung Quốc, không (hay chưa) tìm gặp hàng hoá trong Nam ra, chỉ một số mặt hàng như Cocacola, sữa Cô gái Hà lan, xi đánh giày là những mặt hàng quen mắt tìm đâu cũng có mà thôi. Chợ Kỳ Lừa cách nhà khách, nơi chúng tôi nghỉ lại chừng 2 km. Phải qua cầu Kỳ Cùng bắt ngang sông Kỳ Cùng. Đây là con sông phát nguyên từ Trung Quốc, chạy vòng qua Việt Nam rồi lại đổ về Trung Quốc. Sông hẹp, mùa khô nước cạn. Đến nơi đây lại nhớ câu:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Đây là chuyện của ngày xưa, còn nay Đồng Đăng cách chợ Kỳ Lừa 13 km nên Đồng Đăng ngày



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

nay không có chợ Kỳ Lừa. Trước đây phủ Đồng Đăng rộng tồn tại đến cuối thời nhà Nguyễn.



Cột mốc biên giới Km 0 ở lạng Sơn (6/2001) – Ga Đồng Đăng





CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Kỳ Lừa hồi ấy nằm trong vùng của phủ Đồng Đăng. Thế mới hay, có đi đến Đồng Đăng, Kỳ Lừa mới biết thêm đôi chút về địa lý của Đồng Đăng mà trên sách vở thời đi học đọc đến *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa* nghe vời vọi miền đất biên viễn của Việt Nam.

*Đến nơi tuyển đầu đất nước
Cùng em đi chơi chợ Kỳ Lừa
Câu slurong thương tan xuống Kỳ Cùng
Ta trong em
Như Kỳ Lừa
Kỳ Cáp
Kỳ Cùng
Tan vào câu hát Đồng Đăng.*

Tối 17/6/2001





Lần đầu tiên lên Lạng Sơn chúng tôi được nhìn thấy những món ăn lạ. Có món người địa phương gọi là Khoai Lệ phổ. Món ăn chế biến từ giống khoai môn, các anh Lạng Sơn bảo món khoai lệ phổ xuất xứ từ Trung Hoa giao thoa sang Việt Nam từ lâu lắm. Món có mặt sớm tại Bắc Cạn, dần lan tỏa ra nhiều tỉnh thành. Món ăn vừa bình dân



nhưng cũng có chút gì đó sang trọng ta được nghe và thấy trong bộ phim

Món Khoai lệ phổ (St)

“Tể tướng Lưu gù” của Trung

Quốc. Như vậy, đây là món ăn đặc sản của Trung Quốc mà nay đã có mặt tại Lạng Sơn. Thành phần của "Khoai lệ phổ" là một lớp bột phủ bên ngoài miếng khoai, sau đó chiên giòn. Lại còn món "Khâu nhục", thành phần của món này gồm khoai lang, thịt heo ba chỉ. Là đặc sản Lạng Sơn. Nhà bếp nấu, chế biến một miếng ba chỉ lớn không còn bốc lên mùi thịt nữa. Thế mới hay! Rất ngon. Thực khách nhắm nhá món này với rượu Bắc Sơn thì tuyệt lại hợp khẩu vị. Và chúng tôi có dịp thưởng thức mùi vị của các món ăn lạ. Thật ngon!



Món khâu nhục (St)

Ở Hòn Gai có món ăn đặc sản là con ngán, giống như con nghêu ở Đà Nẵng, vỏ màu trắng, trên lưng có sọc. Khi hấp chín người ta dùng một dây thun cột chặt miệng ngán lại nhằm giữ nước cho ngọt sau khi hấp. Món ăn lạ miệng của Quảng Ninh là thịt "Cà cây". Đây là một loại gia cầm lai tạo giữa cha ngan - mẹ vịt. Thế hệ chúng không sinh đẻ được. Thịt có mùi giòn thơm như vừa thịt gà vừa thịt vịt.

Hôm sau, chúng tôi sẽ làm cuộc hành trình lên biên giới, tham quan cây cột mốc Km 0 và đi chợ. Lạng Sơn buổi sáng trời se lạnh. Sương đọng trên những hàng cây ven đường mù tằm hơi nước. Sương làm mờ những khung cửa sổ. Tôi thức giấc lúc 1 giờ 30 phút sáng. Ngoài trời im phăng phắc. Núi rừng Đông Bắc âm u một điều gì bí ẩn. Chiếc máy điều hoà cứ chạy ù ù lạnh lạnh nghe Lạng Sơn yên lặng đến nao lòng.

Năm giờ sáng thức dậy, dạo một vòng quanh khu nhà khách. Nắng xiên qua làn sương nhạt nhòa như trong bức tranh sơn thủy. Mà thật, sơn thủy hùng vĩ một cách kỳ lạ, vì là lần đầu tiên dạo chơi



nơi xứ Lạng, nhìn thấy được cảnh sinh hoạt của người dân ở đây, bình thường nhưng sôi động, rồi nhìn ngắm không gian xứ Lạng xa xôi mà trước đây chỉ gặp trên những trang sách Địa lý Việt Nam, nào có biết sông Kỳ Cùng, chợ Kỳ Lừa, Phủ Đồng Đăng là thế nào đâu!

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa. (phố hay chợ, việc ấy bàn sau). Từ Lạng Sơn lên Đồng Đăng xa 14 km, dự định của chúng tôi nhờ mấy anh chị ở Lạng Sơn giúp đưa sang thăm chợ biên giới, tên chợ là khu chợ Hai Biên. Đây là chợ Tân Thanh – Pò Chải, là một chợ biên giới. Chúng tôi ngang qua sông Kỳ Cùng, nơi trong thời kỳ chống Pháp, con sông đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại. Năm 1940, quân Pháp cho xây các pháo đài quanh Lạng Sơn như pháo đài Gallieni, Negrier, Briere de L'Isle trên tả ngạn sông Kỳ Cùng, đến năm 1945 ta đã quét sạch chúng sau khi quân Nhật ở Kỳ Lừa đánh ập bọn Pháp chiếm giữ các pháo đài này. Bọn Pháp toi tả chạy dưới sự rượt đuổi của quân đội Minh trị Thiên hoàng.

Xe chạy qua một con dốc, đường nhựa phẳng lì, sạch đẹp. Xe êm. Để lên được Hữu nghị quan, chúng tôi qua Văn Lãng, đến đoạn rẽ lên Thất Khê, theo đường số 1 lên thị trấn Đồng Đăng, vượt qua một đoạn đường hầm chừng 40 mét. Sẽ là không chính xác chỗ nào nơi đây trước kia vào thế kỷ thứ XV cha con Nguyễn Phi Khanh vĩnh biệt nhau. Ngày ấy trước khi bị bắt sang Trung Quốc, cụ



Nguyễn Phi Khanh đã dặn dò lại Nguyễn Trãi rằng: *Bi lụy có ích gì. Con đừng nuôi tiếc. Hãy về đi, trả thù cho cha, rửa hận cho nước.* Nguyễn Trãi lúc ấy chỉ là một chàng trai gặt lệ mà rằng: *Thù cha con sẽ trả. Hận nước con sẽ rửa sạch lâu.*

Về sau, Nguyễn Trãi đã làm nên nghiệp lớn như ta đã biết.

Địa điểm hai cha con Nguyễn Trãi và nhiều người khác nữa chia tay nhau bây giờ ta cũng không thể nào tìm ra đích xác được. Nay thì chuyện của tổ tiên con cháu thời nay ghi nhớ mà thôi.

Đến Na Râm, xe chạy quanh co về cửa khẩu Tân Thanh. Hai bên núi cao hùng vĩ. Những dãy núi xếp hình rẽ quạt theo hướng Tây bắc - Đông nam, đồ dài ra tận biển. Xuống khỏi dốc, chạy nhanh qua đồn biên phòng Tân Thanh. Lại dốc thoải thoải. Phía trước, trong tầm ngắm của chúng tôi, cửa khẩu Tân Thanh hiện ra trong chập chùng rừng núi đá vôi!

Trên đường về lại thị xã Lạng Sơn, chúng tôi ghé thăm km 0. Nơi đây theo các anh tại Lạng Sơn cho biết: từ năm 1979, đang và sau xảy ra chiến tranh phía Bắc, Trung Quốc mang cột km 0 lún sâu vào đất của ta chừng 300 mét. Tại đây, người Trung Quốc ghi cột mốc ngày 27 tháng 5 năm 1992 và hàng chữ Trung Quốc: *Quốc gia huyện Nam Ninh.* Chữ bằng sắt khắc xuống đường bê tông ciment kiên cố. Phía ta đường rải nhựa cao cấp. So về mặt chất lượng thì họ làm như ta, chắc sẽ lâu hư. Nơi cột



móc có một con mương chạy dọc theo quốc lộ của ta, ta đổ bê tông điều khiển dòng chảy, họ lại kéo sang mang gậy gộc có cả ba chia sang ngăn cản. Ta đấu tranh ba tháng mới đổ được bê tông cho một đoạn mương thoát nước.

Chúng tôi đến thăm ga xe lửa quốc tế Đồng Đăng, nơi đây là nơi ta và Trung Quốc giao lưu qua lại và trao đổi hàng hoá.

Trưa ở Lạng Sơn. Trong bữa, chúng tôi để mắt đến các món ăn như: lá mác mật, đây là một loại rau thơm rắc lên thịt heo quay. Ngon miệng. Rồi món khoai Lệ phố, là một món ăn bình dân của Trung Quốc. Trước đây, người Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc phải triều cống cho vua chúa và tầng lớp quý tộc nguyên liệu để chế biến thành món ăn này. Anh H. ở Lạng Sơn kể rằng: Trước đây, dưới thời phong kiến Trung Hoa, dân mất mùa đói khổ, lúc ấy Tể tướng Lưu Gù bèn cho dân tiến nộp lên vua một loại khoai lang mỡ thay cho khoai lệ phố. Vua ăn, nhấm mùi vị không ngon. Nhân đấy Tể tướng Lưu Gù tâu với vua do dân nghèo, thức ăn hiếm, không ngon, rồi Tể tướng bèn xin vua không phải ra lệnh cống nạp loại thức ăn này nữa.

Cũng trong bữa cơm, các anh cho chúng tôi biết thêm, sông Kỳ Cùng là một con sông lạ. Sông phát nguyên từ Trung Quốc, chạy qua sáu huyện của Việt Nam: Đình Lập, Lập Bình, Cao lộc, Vân quan, Vân Lang và Tràng Định, sau đấy sông quay về lại Trung Quốc rồi mới đổ ra biển!



*Qua một con sông dài
Cho kỳ cùng nỗi nhớ
Đồng Đăng anh và em
Bên sông mây xứ Lạng*

*Lên Lạng Sơn một ngày
Dọc theo miền non nước
Biên giới nào chia đôi
Cắt hai chiều vời vợi*

*Về biên giới xa xăm
Bến Kỳ Cùng đá chắn
Em vừa qua cửa ải
Ngang giữa lòng sông sâu*

*Đồng Đăng anh và em
Kỳ Lừa đi chơi chợ
Nàng Tô Thị đứng trông
Tam Thanh hoài chuông vọng*

*Bến Kỳ Cùng sóng vỗ
Khấp một dải tràng giang
Sông Kỳ Cùng mãi chảy
Câu sượng thương non nao.*



Thêm, Lạng Sơn còn có khu du lịch tương đương Sa Pa của Lào Cai, Đà Lạt của Lâm Đồng, Bà Nà của Đà Nẵng, đó là núi Mẫu Sơn. Tại đây có



loại rượu đựng trong bầu hồ lô thơm ngon. Rượu được bảo chế trên ngọn núi Mẫu Sơn có độ cao 1800 mét. Rượu được xem là đặc sản vùng núi Mẫu Sơn của Lạng Sơn.

Ái Chi Lăng (Ảnh: VVH)

Chiều 12/6 đến Ái Chi Lăng, đi dưới ánh nắng vàng miền sơn cước, hắt những tia long lanh đầu từ thung lũng đưa lên. Ái Chi Lăng cách Lạng Sơn 40 km. Qua Bản Thí, xe chúng tôi trờ lên một con dốc, đường tráng nhựa hiện đại, rộng. Đến Bắc Phù, nhìn hai bên đường toàn là lúa nước. Ở miền Trung khi chúng tôi qua, dạo này người nông dân đã thu hoạch lúa, nhưng ở Lạng Sơn mùa lúa mới chỉ là con gái chưa trở bông. Lại tiếp tục đi qua ga Đồng Mỏ, lên Mẹt và đến Ái Chi Lăng. Ái thuộc huyện Chi Lăng. Ái dài 20 km, nằm giữa hai dãy



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

núi đá vôi có thể rất hiểm trở. Ai Chi Lăng đã chứng kiến năm lần đánh quân giặc từ phương bắc tràn xuống² mà quan trọng là lần Lê Lợi cầm quân đánh tan quân Minh. Phía sau ải là cửa mặt quỷ (nhìn lên sườn núi, một triền không cây cỏ mọc, tro ra hình thù như mặt quỷ bằng đá vôi trắng mốc, nhìn kỹ trông như mặt người chết lâu ngày còn lại bộ mặt khô). Nơi đây – Ai Chi Lăng – được khẳng định là nơi "*thập nhân khứ, bất nhân hoàn*", như thế đủ biết rằng ông cha ta xưa chọn nơi này làm thế ỷ lại với giặc là hết sức sáng suốt và đúng đắn, thể hiện tầm nhìn chiến lược then chốt. Cửa Liễu Thăng nay không còn, do làm đường quốc lộ đã san bằng. Dãy núi Mã Yên, dãy Phụng Hoàng vẫn còn hiên ngang đứng đấy!

Giếng Nước mắt

Hòn Vọng Phu



² Năm 918: Lê Hoàn đánh quân Tống lần 1

Năm 1077: Lý Nhân Tông đánh quân Tống lần 2

Năm 1285: Trần Quốc Tuấn đánh tan quân Nguyên-Mông lần 1

Năm 1288: Đánh tan quân Nguyên-Mông lần 2

Năm 1427: Nghĩa quân Lam Sơn đánh tan 10 vạn quân Minh



Cả một vùng trên dưới 20 km của Ải Chi Lăng là nơi diễn ra những trận đánh ác liệt với quân thù, nay đã trở thành di tích lịch sử. Lịch sử Việt Nam đã nhiều lần ghi lại,

Núi mặt quỷ

nơi đây những cuộc đối đầu lịch sử sống chết với quân xâm lược từ phương Bắc tràn xuống.

Lạng Sơn có tám dân tộc anh em sinh sống: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay, Cao Lan, H' mông. Tám dân tộc anh em đã tạo cho xứ Lạng một sinh hoạt văn hoá phong phú, đa dạng. Có thể thấy ngay trong văn học dân gian Lạng Sơn là những giai thoại do quang cảnh đẹp, có lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm hào hùng qua các thời kỳ, là nơi qua lại của các dân tộc giữa ta và Trung Quốc, có sự giao lưu văn hoá, có các đoàn sứ giả của hai nước thường qua đây nên nảy sinh nhiều giai thoại, truyền thuyết. Có thể có giai thoại về cảnh đẹp thiên nhiên, về các vị anh hùng dân tộc như chuyện Suối Phi Khanh, chuyện kỳ tích về ải Chi Lăng hoặc có chuyện về Đá Liễn Thăng... chuyện về các tướng thời Trần... Đồng thời có những câu ca dao rất hay gắn liền với



nhiều giai thoại như: *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa* gắn liền với chuyện cổ tích về Nàng Tô Thị. Có thể cư dân từ miền xuôi lên sinh sống lâu dần nhập văn hoá của mình vào ca dao Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ của Lạng Sơn.

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếp công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu, nắm nem
Mãi vui quên hết lời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương.*

Thuở con đi học, học trò như tôi thường buồn ngủ nghe cô giáo dạy văn kể chuyện về nàng Tô Thị, một câu chuyện thương tâm còn nhớ đến bây giờ. Đến Đồng Đăng được nghe. Chuyện rằng:

“Ngày xưa, ngày xưa ở miền rừng núi phía bắc có hai anh em mồ côi cha mẹ. Người anh đã hai mươi tuổi, cô em mới lên mười. Họ sống với nhau hoà thuận, đùm bọc lẫn nhau.

Một hôm, có một thầy tướng Tàu ngang qua vùng, người anh nhờ xem số mạng tương lai của họ thế nào. Thầy tướng nói: Cứ theo ngày sinh, tháng đẻ thì thế nào hai anh em cũng sẽ lấy nhau. Lời tiên đoán như thế làm ám ảnh, dằn vò người anh mãi. Lo lắng đến cuồng trí, người anh nghĩ kế chống lại



định mệnh khắc nghiệt nên một hôm đưa em gái vào rừng đốn củi, khi người em quay lưng lại, người anh thừa cơ đưa rìu bổ xuống gáy người em. Người em ngã quay ra. Người anh bỏ trốn vào rừng sâu.

Cho rằng thoát được định mệnh an bày nhưng lại ăn năn hối hận, hằng ngày vào ra không thể yên lòng. Sợ người đời biết được, người anh bèn thay tên đổi họ, theo năm tháng khuây dần chuyện cũ, người anh tha phương cầu thực đến lập nghiệp tại Lạng Sơn.

Mười mấy năm sau người anh cưới cô gái con một thương gia về làm vợ. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Họ sinh được một đứa con trai.

Một hôm anh dạo phía sau nhà, đang lúc vợ xoắn tóc hong cho khô trước gió. Người vợ quay lưng lại, đưa lược chải ngược tóc về phía trước để lộ ra một vết sẹo dài trên gáy. Người anh giật mình nhớ lại chuyện xưa cách đây đã mười mấy năm rồi... Người anh chấp tay nhìn trời mong sao chuyện ngày xưa không phải trả chồn này. Nín lặng một hồi lâu, người anh lên tiếng hỏi vì sao trên gáy vợ mình có sẹo. Người vợ quay lại nhìn chồng, rơm nước mắt mà rằng:

- Em không phải là con gái đẻ của thầy em hiện nay đâu mà chỉ là con gái nuôi thôi. Em mồ côi cha mẹ từ khi còn bé, em còn có một người anh nhưng không biết lưu lạc phương nào.



Ngừng một lát, nén xúc động, người em kể tiếp:

- Cách đây mười lăm năm, hai anh em vào rừng đốn củi, bỗng dưng không hiểu sao anh của em bỏ một nhát rìu vào gáy của em. Bất tỉnh! Sau đấy khi tỉnh dậy, em được một toán cướp trên rừng cứu sống. Được ít lâu, toán cướp bị vây bắt, chúng chạy thoát cả, bỏ em lại một mình. Thế rồi loay hoay giữa rừng, một nhà buôn vừa mới mất cô con gái, thấy em không cha mẹ, đem lòng thương đưa về nhà nuôi.

Người anh lặng thinh một hồi lâu, bỗng hỏi vợ:

- Em có nghe tin tức gì về người anh của em không?

- Không nghe tin gì cả! Không biết bây giờ anh ấy ở đâu, còn sống hay đã chết rồi! Em không hiểu vì sao anh ấy lại làm vậy với em khi mà anh ấy rất thương em.

Người vợ không cầm được nước mắt khi kể lại chuyện xưa cho chồng nghe. Người anh xúc động hỏi tên họ cha mẹ, làng cũ của vợ mình.

Không còn nghi ngờ gì nữa, người anh âm thầm giữ kín sự thật ghê gớm ấy, không một lời cho vợ biết.

Không thể nào tiếp tục chung sống với em mình được nữa nên người anh âm thầm kiếm cớ đi buôn để chạy trốn một sự thật phũ phàng của định mệnh. Nhớ lại lời vị thầy Tàu ngày trước, người anh quyết phải bỏ xứ ra đi, không còn cách nào khác được.



Từ bữa ấy, người chồng ra đi không bao giờ trở lại. Ở nhà người vợ mòn mỏi chờ mong. Cứ mỗi chiều chiều bông con lên núi trông ngóng chồng về. Mắt nàng cứ đăm đăm nhìn xa về phía chân trời, mòn mỏi đợi người đi không bao giờ trở lại. Nhớ thương, mòn mỏi trông chờ lâu ngày biến nàng ra thành đá!”

Hôm ấy, lên miền Lạng Sơn chúng tôi đứng từ động Tam Thanh nhìn lên núi, nhận ra người thiếu phụ bông con lẻ loi, đơn độc qua ngàn đời vẫn đứng yên, lạnh lùng chờ đợi chồng về...!

Ngược về Bình Định của miền Trung, có sự tích về Hòn Vọng phu cũng na ná như thế. Chuyện lược kể rằng:

“Ngày xưa có hai vợ chồng ăn ở với nhau đã lâu nhưng không sinh được mụn con nào. E rằng không có người kế tự, họ lên chùa cầu tự, sau khi cầu xong người vợ âu yếm đưa bé Quan âm đang bông trên tay. Khi ra về, người vợ tưởng chừng có một đứa bé đi theo về nhà.

Lòng thành khẩn như vậy được đền đáp, họ sinh được đứa con gái, năm sau lại sinh được đứa con trai. Cả hai theo thời gian lớn lên. Một hôm hai chị em chia nhau một khúc mía. Người em trai tham lam với chị, sẵn con dao rọc mía trong tay phóng vào người chị. Máu tuôn xối xả. Người em trai sợ hãi, bỏ chạy trốn.

Nhiều năm sau đứa con trai vẫn không về. Hai vợ chồng trông chờ mòn mỏi rồi chết. Chẳng



bao lâu sau, người chị vì nghèo túng bán hết vườn tược đi nơi khác sinh sống.

Về phần đứa em trai sau khi chạy về phía biển, gặp chiếc thuyền nan xin theo vào Nam. Sau mười mấy năm trời phiêu bạt, đã thành người, theo nghề buôn bán. Suốt mười mấy năm lòng nó thắc thỏm nhớ thương, hối hận không rõ gia đình sống thế nào. Người em trai quyết tâm trở về làng cũ, thăm cha mẹ và chị mình. Nhưng than ôi!

Sau nhiều năm lưu lạc thương hồ, nó quyết định dừng chân lại một xứ sở mà nó yêu thích nhất. Nơi sinh sống mới có một cô gái nét na thuỳ mị cũng mồ côi cha mẹ như nó. Hai người yêu nhau rồi trở thành vợ chồng. Sinh được một đứa con trai.

Vào một buổi trưa hè, người vợ xoa tóc gội đầu bên cánh vồng, người chồng bất chợt nhìn thấy một vết sẹo dài sau gáy vợ. Được hỏi, vợ kể lại chuyện xưa, ứa nước mắt không biết bây giờ người em trai ngày ấy trôi dạt về đâu, còn sống hay đã chết.

Chồng nghe vợ kể, lặng điếng người. Từ bữa ấy người chồng quyết sẽ ra đi, chịu đựng lấy một mình. Một hôm, người chồng lấy cớ đi buôn, và từ ấy đi mãi không về. Người vợ yên tâm trông đợi chồng về, nhưng càng trông càng không thấy bóng chồng đâu. Ngày ngày, thiếu phụ bỗng con lên núi cao trông vời ra biển cả mà ngóng thuyền chồng. Nhưng đôi mắt người vợ trẻ mới mòn trông mà vẫn không thấy bóng dáng chồng về. Nhiều lần như thế,



ngày đợi đêm trông, người thiếu phụ bỗng con hoá đá khi nào không biết. Thiên thu trôi qua, người ta vẫn nhìn thấy thiếu phụ đứng trông chồng trên ngọn núi.”

Và nay, núi mang tên Vọng phu có hòn Vọng phu sừng sững đứng yên trông vời ra biển. Những bạn thuyền đi biển, mỗi khi qua miền Trung, thấy buồm không căng gió, lại hát lên câu ca dao nhớ đến người thiếu phụ trông chồng:

*Lạy bà cho gió nồm lên
Chồng bà ở Quảng dong buồm theo vô.*

Đối với xứ Lạng còn có dân ca của người Tày, Nùng và được phân ra thành dân ca nghi lễ và dân ca giao duyên. Dân ca giao duyên có Sli, Lượn, Phong slư. Về dân ca nghi lễ có Cỏ lầu, Then, Phụt, Then kỳ yên, Then chữa bệnh, Then cầu mùa, Then chúc tụng, Lầu then.

Lượn có ba loại: lượn cọi, lượn slương, lượn Nàng hai. Lượn slương còn gọi là lượn thương bọc bạch niêm thương nhớ nhuộm màu đau thương, buồn do cách biệt. Khi diễn đạt *lượn thương* thường độc thoại, các chặng hát thường là cái có để tức cảnh thổ lộ tâm tình.

Lên xứ Lạng, cảm nghĩ lần này nhận ra rằng xúc cảm lịch sử gợi ra từ đất Lạng Sơn và luôn thường trực trong mỗi người. Khi đặt chân lên xứ Lạng ta không chỉ đọc hay nhớ lại những câu ca dao,



dân ca của các dân tộc anh em mà còn gọi lại những truyền thuyết lịch sử một thời cha anh ta giữ nước. Trong kháng chiến chống giặc làm ta nhớ lại lời trong một bài phú của Phạm Văn Nghị:

*Sóng Bạch Đằng, máu Bá Linh thuở nọ, lưỡi
guơm thương còn nhấp nháy sóng Bình Sa,*

*Núi Mã Yên, cây Liễu tướng ngày nào ngọn
cờ vẫn phất phơ tầng mây toả.*

Hoặc có thể nghe được cảm xúc lịch sử:

*Rừng Chi Lăng, Lê Thái Tổ dấy quân, đầu
Liễu Thăng bêu ngược lưỡi guơm thân, giặc Minh
ấy gà vừa phải cáo,*

*Sóng Bạch Đằng, Trần đại vương ra
trận, máu Ô Mã chảy đầy dòng nước bạc,
quân Nguyên này chim đã sợ cung*

Về sau cảm hứng lịch sử còn thể hiện qua những ca khúc bất hủ một thời, chẳng hạn: *Ái Chi Lăng* của Lưu Hữu Phước có đoạn viết:

*Khua thúc quân tiếng loa thét lên
long trời*

*Hùng binh say máu găm như sóng có
tràn tới*

Cờ Nam phất lên oai nghi

Nhà Nam vẻ vang một thì

*Triều Lý binh hùng ta liều thân sóng
quyết chiến*

*Đồng tiến tuông giày lên toàn quân
Tống*



(...)

Hoặc như ca khúc *Nam quan hận*
khúc của Văn Giảng:

*Nơi gió gào sông núi rền vang niềm hờn
oán Ôi Nam quan! Ôi Nam quan!
Đâu anh linh! Đâu anh linh! Đâu bao lời
cường!*

*Đây Nam quan người đầy cùm Phi
Khanh anh hùng*

(...)

*Đây Nam quan, con nghe lời truyền
Cha đi thôi!*

*Tìm đường về con tung gươm vàng
Nước non tàn nguy khóc lắm than
Rền xót thương chờ đón cò đứng lên
Vời binh quyết mưu thù chung
Lạy cha, con xin nguyện đời đời làm
theo lời bao thiết tha khi bóng cha lan trong
bóng chiều tà.*

(...)

Đứng từ động Tam Thanh ngắm được
nàng Tô Thị. Tam Thanh có hai động là
Tam Thanh và *Nhị Thanh*. Cả hai động đều
thờ Phật, riêng động *Nhị Thanh* thờ ba vị
đại diện cho ba tôn giáo: Phật, Nho, Lão.
Đứng từ Tam Thanh nhìn lên nàng Tô Thị,
thấy cả thành quách làm từ thời nhà Mạc.



Vào động Nhị Thanh đọc được bài:
*Xưa có Tam Thanh nay Nhị Thanh
Thanh Thanh đến ở Lạng Sơn thành
Động trên đây khắp thơ đề vịnh
Núi chẳng cao mà được nổi danh³.*

18/6/2001. Buổi sáng thức dậy lúc 5 giờ, dạo quanh nhà khách Lạng Sơn một lát, khí trời mát mẻ, dễ chịu nhưng vẫn mang chút gì đó của không khí miền cao.

Chia tay anh em xứ Lạng. Chu đáo quá, nào các anh của Lạng Sơn bám theo chúng tôi suốt hai ngày. Mệt mỏi mà vui. Xin cảm ơn nhiều anh em xứ Lạng, sôi nổi và nhiệt tình mến khách đến là thương. Đoàn chúng tôi chưa ai thấm mệt, mặc dầu đi xa.

Chiều hôm qua trong bữa cơm tối có bốn món đặc sản xứ Lạng, anh em nhấm với rượu kẻ cũng tuyệt vời.

Tối có đi dạo phố núi Lạng Sơn, sương mù lạnh lạnh vây quanh tứ phía.

Về đêm xứ Lạng thường lạnh hơn chút./.

³ Nho Văn hầu, tham hiệp trấn Lạng Sơn-1825.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

CAO BẰNG



*Đường từ Cao Bằng Lên Thái Nguyên
(A; VVH, 6/ 2001)*



*C*ao Bằng gạo trắng nước trong...
Từ Lạng Sơn, chúng tôi đi về
hướng Tân Thanh, đến Thất Khê,
Đông Khê, ngược về huyện Thạch An lên Phục
Hoà, Quảng Hòa để vào địa phận đất Cao Bằng.
Tuyến đường hôm nay phải qua như thế.

Từ Tân Thanh rẽ về Nà Hình, đến thị trấn Na
Sầm, vượt đèo Bó Củng dài chừng 20 km, đường
hẹp, hiểm trở. Xe bắt đầu lội qua những đoạn không
êm. Trận mưa trong đêm làm cho đường núi nhão
lên, xe lút bánh. Đến Tràng Định lúc 10 giờ. Dân xứ
Lạng trồng lúa nước đã quen. Nhà ở của dân người
Tày, Nùng không giống như nhà sàn của người
Rhadé, Banar... ở Tây nguyên. Họ xây cất nhà như
người đồng bằng. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp,
trồng bắp một vụ và lúa một vụ. Nhiều dải ruộng
bậc thang thoải thoải dần đổ xuống thung lũng và
bồn địa. Xe chạy giữa những dãy núi đá vôi dựng
đứng theo hướng Đông Nam - Tây Bắc xếp như
hình rẽ quạt. Những sườn núi già phủ xanh um cây
bụi, vài chỗ lộ ra những mảng lớn đá vôi trắng mốc.
Từ xa trông lên những mảng màu xanh như lụa phả
trên sườn núi. Núi và trời hài hoà trong game màu
xanh dịu mắt. Người dân không phá rừng, ruộng rẫy
chưa nhìn thấy ngang tầm mắt tôi nhìn như Hà
Giang nên nương có lẽ khuất đâu bên kia chân núi.



Gà và vịt là hai loại gia cầm được nuôi nhiều. Bò và trâu không thấy trên đường chúng tôi qua, chỉ nhìn thấy một con ngựa trắng, một con màu lửa và một con của lửa và trắng, nhìn kỹ như màu của lông bò. Hai con ngựa điếm vào bức tranh rừng núi thiên nhiên Cao Bằng trông đẹp như tranh.

Xe qua đèo Lũng Phầy, đèo rất dài và hẹp. hôm qua mưa lớn đổ về xứ Lạng, nước từ núi tràn xuống chảy băng qua đường như đang là mùa mưa lũ miền xuôi. Đèo Lũng Phầy một bên là sườn núi dựng, một bên là vực sâu ngút mắt. Tại con đèo này những năm 1947 – 1950 quân Pháp đã thất điên bát đảo, thua quân ta nặng nề. Trận ngày 25 tháng 3 năm 1949 quân ta phục kích đoàn xe quân Pháp từ Thất Khê lên Đông Khê (Cao Bằng) gây thiệt hại cho chúng. Ngày 18 tháng 6 năm 1949, lại một trận phục kích nữa từ Thất Khê lên Đông Khê. Ngày 3 tháng 9 năm 1949, lại lần nữa, quân ta phục kích đoàn xe quân sự Pháp từ Thất Khê lên Đông Khê, gây thiệt hại lớn cho quân Pháp. Chúng tôi đã nhìn thấy hằng trăm rẫy ngô ngấm nước. Dân cũng giỏ ra rừng thu hoạch. Từ Lũng Phầy chúng tôi vào thị trấn Đông Khê. Đến đây đã là địa giới của Cao Bằng. Nghỉ và ăn cơm trưa tại Đông Khê thuộc huyện Thạch An. Trời nắng gắt, hắt xuống mặt đường nhựa chói chang. Chúng tôi ngồi trong quán nhỏ "*Tân dân cơm phở*" ven đường, bên bìa rừng Đông Khê, núi vây tứ bề hùng vĩ. Bữa cơm có rượu Đông Khê nhấm cùng món búp chuối nấu canh với



giò heo, giò gà phủ lên mùi vị thơm ngon. Búp chuối cắt ra từng khúc giống kiểu chế biến của người Răhdé ở Tây Nguyên mà tôi đã từng ăn mỗi bữa những năm 1977-1979 khi đang làm việc ở Ea ktur, Krông Pắc, Đắk Lắk.

Đã qua cầu Bông Lau và đèo Bông Lau. Ngày 18/9/1950 mặt trận Đông Khê nổ ra ở đây. Là chiến dịch biên giới nhằm khai thông hành lang sang Trung Quốc. Chúng tôi đã đến nơi chiến trường xưa trong chiến dịch biên giới năm 1950. Theo một anh tại huyện Thạch An gặp trong quán cơm ven đường cho biết, nơi Bác Hồ đóng doanh trại chỉ huy chiến dịch cách chỗ chúng tôi ngồi ăn cơm trưa 13/6 chừng 15 km, dọc theo biên giới Trung Quốc.

Sau bữa cơm trưa, từ Đông Khê về Phục Hoà, chúng tôi phải chạy một đường vòng để tránh những đoạn đường xấu, khó đi sau trận mưa đêm nặng hạt tối qua. Và như thế theo lộ trình được biết phải thêm 30 cây số nữa.

Chúng tôi đang đi trên đường số 3. Hai bên cơ man nào là bắp, ruộng lúa, núi rừng. Do trận mưa đêm qua nên có nơi trời mát, âm u nhưng độ ẩm trong không khí chắc là rất cao nên vẫn nghe trong người nóng râm ran. Đường quốc lộ ngoằn ngoèo qua rất nhiều con dốc thoải thoải ôm theo chân núi, Cảnh rừng Đông Bắc quả thật là đẹp và hùng vĩ, mờ mờ trong không gian một làn sương mỏng!



Đến Quảng Hoà nghỉ giữa đường truông, nhìn quanh thấy núi bao vây. Dàn về phía đèo Mã Phục, đèo hiểm trở. Đường hẹp. Đây là địa phận xã Quốc Toàn. Xe chạy thêm 15 phút, gặp km bên đường báo hiệu chúng tôi cách Cao Bằng 11 cây số nữa. Mọi người hồi hộp trông mong. Băng qua cầu Bằng Giang bắc qua sông Nà Lèng chạy giữa lòng thị xã Cao Bằng. Nước sông pha màu của phù sa, yên ả lượn lờ dưới ánh nắng chiều xứ núi.

Đứng từ tầng 3 nhà khách Bằng Giang nhìn về hướng đông, nắng trải vàng rực rỡ. Thật đẹp. Núi! Vẫn là núi vây quanh thị xã một màu xanh ngút mắt như trong tranh vẽ. Thế là đêm nay nghỉ tại Cao Bằng, điều mà khi còn là học trò chỉ thấy Cao Bằng qua bản đồ hành chính mà thôi. Không thể nghĩ rằng có một ngày như ngày hôm nay được đặt chân đến Cao Bằng lộng gió, nơi tuyến đầu đất nước.

*Chiều biên giới Việt Trung
Còn nơi nào xa hơn
Ở đâu gió, đâu núi
Chập chùng đây biên cương*

*Rừng xanh xanh mướt xanh
Đi dọc chiều biên giới
Đêm Cao Bằng lưu luyến
Cả trời sao băng khuâng*

*Đằm thắm dưới trời hè
Nên lòng chơi vơi nhớ*



*Đi giữa mùa tháng sáu
Cao Bằng ơi mệnh mang*

Đến Cao Bằng trong những ngày hè thật thú vị, lại gặp câu chuyện khác về nàng Tô Thị:

Cô bán bắp luộc nơi đây kể về nàng Tô Thị. Lại nhớ những năm là học trò biết chuyện nàng Tô Thị hóa đá trong sách vở, ôi hấp dẫn về một huyền thoại gì đây, hay truyền thuyết! Còn chuyện ngoài đời phải đến quê hương của nàng mới tỏ tường phần nào vậy.

Cô kể rằng: Nàng Tô Thị là người có thật tại xã Đông Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Chuyện được người dòng tộc Tô và Thư tịch cổ có tại tỉnh Cao Bằng chép lại, thì đây là vị nhân thần chứ đâu là thần thoại hư cấu về lai lịch của nàng. Thực hư thế nào nhưng hiện tại có đền thờ nàng và bản Thư tịch cổ Tô Quý Từ (121), chép trên giấy A3 (vi tính) dán lên vách tường tại đền thờ Bà, chép rằng: “*Thời Hậu Lê, đời Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718), có ông Tán Lý Quân Vụ họ Tô từ kinh sư đi dẹp giặc, đóng quân ở huyện Hạ Lang. Ông nạp người con gái Đông Loan là Thị Đề làm thiếp (121). Năm 26 tuổi sinh được một con gái đặt tên là Tô Thị, người thông minh, tháo vát lạ thường, nhan sắc tuyệt thế. Đến năm Lê Thuần Tông, niên hiệu Long Đức thứ 2 (1733) thì đưa tiến vào làm cung phi được hơn năm, sủng hạnh yêu quý vô cùng. Được hơn năm, phụng chỉ về quy ninh (về thăm quê), đi*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

qua xứ Khâu Lư, Lạng Sơn thì nghe tin vua Lê mất, nàng lên núi hướng về phía kinh thành đứng mãi trông mà hóa đá. Nay trước chùa Tam Thanh, xứ Khâu Lư, Lạng Sơn còn có hòn đá Vọng Phu của Tô Thị. Lúc bấy giờ phi mất, dân chúng lập đền thờ ở chân núi Xuân Sơn, xã Đông Loan để phụng tự, triều lễ phong là Tô Thị Phúc Thần” (Theo Thư tịch cổ Cao Bằng).

(Ảnh: Hoàng Nam)



Ban Thờ trong đền



Đền thờ nàng Tô Thị



Đền thờ nàng Tô Thị nhìn từ xa





CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

Đến Cao Bằng mà không lên Pắc Bó, xem như chưa biết Cao Bằng là gì. Và thế là chúng tôi đến Pắc Bó bằng cách băng qua Hà Quảng theo đường kính của huyện. Đến nhà Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Pắc Bó. Tại đây được nghe lúc Bác Hồ về lại Tổ quốc hoạt động cách mạng từ tháng 2/1941 đến 1945.

Bác về nước ngày 8 tháng 2 năm 1941 vào một buổi trưa, trời nắng hanh vàng của xứ sở Cao Bằng hùng vĩ. Hang Cốc bó thuộc xóm Pắc Bó, xã Trường An, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng⁴. Tại đây Người lấy tên là già Thu, hàng ngày Bác ăn vận như một lão nông người Nùng. Dân làng Pắc Bó tặng Bác một đôi giày vải cổ truyền màu xanh. Ở đây, thiên nhiên tươi đẹp, vừa hoạt động cách mạng, Bác vừa làm thơ, Bác đã có những vần thơ vào những giờ nghỉ bên bờ suối:

*Non xanh xanh nước xanh xanh
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lê Nin kia núi Mác
Hai tay gìn giữ một sơn hà.*

Khuổi Nậm





Con suối chảy ngàn đời nay từ hang Cốc Bó ra Bắc đặt tên là suối Lê Nin và ngọn núi đứng bên dòng suối Bắc đặt tên là núi Mác.

Trong những năm ở đây, mùa đông lạnh buốt. Chúng tôi được vào tận chỗ Bắc nằm. Giường nằm lót bằng năm tấm ván, rộng chừng 20 cm và dài chừng 1,8 mét (ước chừng như thế), kê trên những tảng đá vôi, quanh năm lạnh lạnh, riêng mùa đông thì rất lạnh. Nước cứ nhỏ từng giọt, từng giọt vào mùa mưa. Lúc chúng tôi vào thăm, nước vẫn nhỏ giọt như thế. Ở đây rất kham khổ, bởi thế Bắc có thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng đã sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Ở phòng trưng bày của Bảo tàng, chúng tôi gặp số báo đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam viết bằng tay (kiểu chữ chân phương) dễ đọc, mang



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

số 101 và có tên là *Việt Nam Độc Lập* ra ngày 1.8.1941. Bảng Chương trình Việt Minh cũng viết bằng tay.



Suối Lenin

Người thuyết minh - cô Châu - cho hay rằng do chính Bác Hồ viết.

Tại hang Pắc Bó, chúng tôi tìm hiểu vấn đề cơm nước cho Bác như thế nào thì được cho biết phần cơm nước hằng ngày phục vụ cho Bác là cụ Mai Quốc Việt. Bếp nấu cơm được đặt bên một con suối mát rượi. Hôm chúng tôi đến được giới thiệu còn là một bệ đá. Cạnh bên là di tích gốc cây ổi mà Bác đã hái lá nấu uống thay cho chè mỗi bữa.

Mười giờ thiếu hai mươi phút, chúng tôi quyết định leo lên dốc qua chừng một ngàn bậc tam cấp lên cột mốc 108, nơi Bác đã vượt qua đây là



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

biên giới giữa ta với Trung Quốc vào ngày 28/1/1941 để trở về nước lãnh đạo cách mạng. Lên đến nơi mồ hôi vỡ ra, ai cũng thở gấp!



*Buổi trưa
20/6/2001 tại
Cột mốc 108.*

Chúng tôi
nghỉ chân
dưới bóng
một cây
nhãn (Kim

giao mạn⁵). Gió núi thổi tạt ngang mát rượi, ráo hoắc mồ hôi. Lại băng lau lách, vượt qua những bụi gai mắt mèo, chúng tôi nối nhau trèo lên cột mốc 108. Cột khắc nhiều chữ Tàu màu đỏ (khó đọc). Điểm lại thiếu anh Quang (Liên Chiêu), anh Vàng (Hoà Vàng), anh Thập (Sơn Trà) là không lên một ngàn tam cấp được. Cô Châu - hướng dẫn - vẫn bám theo chúng tôi thường xuyên, trông cô không tỏ ra mệt mỏi, chắc đã quen như thế mỗi ngày. Vài anh

⁵ Hoa Kim giao nhỏ, màu vàng lợt, là hoa đơn. Hoa đực nở riêng và hoa cái riêng nhưng đều mọc ra từ nách lá. Thường dễ tìm thấy hoa đực nở vài ba cái còn hoa cái chỉ nở một hoa trên một nách lá.



đứng quay người về phía Trung Quốc hét vang lên động cả một khu rừng. Vui! Sang đất Trung Quốc được chừng 15 mét đã vui rồi! Gặp một hàng rào bằng cây rừng đơn giản, chủ yếu là không cho bò, dê băng sang nhau!

Nhìn cột mốc 108 nghiêng, chúng tôi hỏi cô Châu và được trả lời rằng người Trung Quốc muốn như vậy. Cứ nhường cột nghiêng sang ta một tấc, rồi kéo dài suốt đường biên, tất sẽ mất nhiều đất chứ chơi!

Từ đây, nhìn sang bên Trung Quốc, họ đang trông bấp.

Rừng ở Pắc Bó xanh rờn, hùng vĩ.

Chúng tôi ăn cơm dã ngoại cùng các anh ở Cao Bằng. Cơm nắm chấm muối vùng với trứng vịt, ngan và chả. Cơm ngon, nắm lại như chiếc bánh.

Từ nơi đây, chúng tôi đi Khuổi Nậm⁶. *Khuổi Nậm rì rào suối cao từng mây. Chiều nay bóng ai về lưng đèo*, cảm xúc theo câu hát, chúng tôi đi, băng theo đường bộ cách suối Lê Nin chừng 800 mét. Tại Khuổi Nậm nước từ suối chảy ra róc rách, mát lịm, trong veo. Lán Khuổi Nậm gác một bên dòng chảy, làm bằng gỗ rừng, lợp lá như một nhà sàn. Cạnh bên là cây Kim Giao mạn do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trồng hồi mới từ Pắc bó dời sang. Cô Châu bảo thế.

⁶ Khuổi; Khe; Nậm; nước (Tiếng Tày, Nùng)



Hoa Kim giao

Trước lán Khuổi Nậm là cây Vàng Anh, tiếng Tày, Nùng gọi là Mộng Mạ. Nơi cây Mộng Mạ giao liên sẽ đưa cơm nước, tài liệu vào cho Bác.



Hằng ngày Bác không tiếp xúc ai trừ một cô gái tên Thông, người Tày mang trực tiếp tài liệu vào cho Bác - cô Châu - hướng dẫn viên cho biết như vậy.

Trên đường băng theo con mương, nước chảy róc rách, chúng tôi vào Khuổi Nậm. Đi ngang qua một hang sâu có tên là hang Xí Biễn, trước hang Xí Biễn có cây Vàng Anh, tại cây Vàng Anh này là nơi đưa cơm và tài liệu cho Bác khi Bác chưa về Khuổi Nậm.

Đi một đoạn đến hang Diêm Tiêu, mặc dầu ở Khuổi Nậm nhưng tài liệu Bác giấu tại hang Diêm Tiêu này.

Ở lán Khuổi Nậm ba mươi phút, đường vào Khuổi Nậm ve kêu râm ran, hoà với tiếng rì rào của suối như thể cảnh tiên rồi còn gì! Ven chân núi khi chúng tôi vào thăm Khuổi Nậm, có một loài hoa nở màu trắng quanh năm. Đây là hoa Biooc cà. Tại lán



Khuổi Nậm nơi Bác ở từ tháng 2 năm 1941 đến tháng 5 năm 1945. Nơi đây đã diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII từ ngày 10 tháng 5 đến 19 tháng 5 năm 1945 nhằm chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945, giành lại chính quyền trên cả nước.

Đêm Cao Bằng trời xanh trong đến lạ, từ nhà nghỉ Bằng Giang nhìn xuống hướng đông, dòng sông Bằng Giang như dải lụa quện mình trong sương sớm. Xa xa những ngọn núi đá vôi xếp hàng theo hướng Đông Nam - Tây Bắc hùng vĩ vây quanh như một bức tường thành.

Cao Bằng rộng 6690 km², đường biên giới giáp với Trung quốc có 313 km. Toàn tỉnh vào thời điểm chúng tôi đến có 5,5 ha canh tác lúa 2 vụ, còn lại toàn là đất đồi, gò trồng ngô. Cao Bằng có 30% là núi đá vôi, giao thông chủ yếu là đường bộ. Có ba cửa khẩu chính. Xuất khẩu của Cao Bằng là chiếu, măng trúc cuộn dùng để nằm cho mát, hạt dẻ, lê, đào mận.

Cao Bằng có tiềm năng rất lớn về thắng cảnh thiên nhiên cho thăm thú vui chơi. Cảnh quan thiên nhiên tạo nên phong cảnh hữu tình của thác Bản Dốc và một số nơi khác. Thác ở Cao Bằng rất đẹp, lại có hang động do núi đá vôi tạo thành.

Cao Bằng còn có hồ Thanh An, hồ là nơi liên quan đến chuyện cổ *Thạch Sanh - Lý Thông* nơi chim đại bàng gặp công chúa vào hang, từ đó tiếng



đàn Thạch Sanh lay động lòng người như đã biết trên văn chương, sách vở thời còn đi học.

Cao Bằng có 189 xã, trong đó có 10 xã dọc theo biên giới với Trung Quốc. Có 25 dân tộc anh em sinh sống, trong đó khó khăn nhất là người Dao và H' Mông.

*Cao Bằng gạo trắng nước trong
Ai lên nơi ấy chẳng mong ngày về.*
(Ca dao)

Thật lạ lắm khi lần đầu tiên đến Cao Bằng, có thể nói rằng nơi đây là xứ sở của các cọn nước già gạo, của suối nguồn trong leo lẻo tuôn chảy suốt đêm ngày.

Cao Bằng cũng là vùng văn hoá ẩm thực, nơi có những món ăn lạ đến mức các miền khác không thể nào có được. Một buổi sáng mai lên, dưới trời se lạnh ở Cao Bằng, trong màn sương trắng lãng chưa vội muốn tan, chúng tôi ngồi trong quán nhỏ ven đường, có thể thưởng thức loại bánh cuốn chan nước canh hầm với xương và phở chua. Bánh cuốn thì vùng ẩm thực nào chẳng có, Quảng Nam cũng có loại bánh cuốn nhưng có thể thưởng thức bánh cuốn ở Cao Bằng chế biến tinh tế và khéo léo. Mối hay, văn hóa ẩm thực vùng miền mỗi nơi mỗi khác. Vị bánh cuốn ở Cao Bằng cũng khác. Bánh ngon, vừa dai lại có vị thơm của mùi tinh bột gạo Cao Bằng ngọt vè dẻo. Bánh ăn với nước canh xương thoảng mùi ớt măng ngâm của vị quả mát mật, thảo



quả thì ngon lành. Có một bữa điêm tâm buổi sáng trong hơi sương se se lạnh trên xứ sở Cao Bằng thì phải nhớ!

Thế còn món phở chua có nhiều mùi gia vị trộn lẫn nhau vừa miến và bánh phở, khoai (các loại) và thịt ba chỉ, dạ dày lợn cắt nhỏ tào dầu vàng rộm, trộn thêm nước mắm ớt và đậu phụng nữa trong một tô bốc “khói” thơm lừng hấp dẫn, thì không ngó lơ được rồi! Nhân nhí một tô phở chua, bằng lòng với một chuyến rong chơi khi bỏ lại chén rượu phương Nam, ta đi cùng em về xứ sở Cao Bằng ngồi nghe sương khói mờ mờ se lạnh vùng cao Đông Bắc thật hay. Là những ngày thú vị khi được nhấm nháp mùi vị một tô phở chua, có cảm giác chen xen nhiều mùi vị trộn lẫn trong hơi thở nồng nàn thơm dịu. Cô bạn gái ngồi bên nhìn sang tôi: Hương trời đất đó anh! Ngon không?

Lại còn các món ăn ngon miệng khác hấp dẫn du khách phương xa đến, đấy là các món ăn chế biến từ thịt lợn như thịt lợn ướp bột gạo chua của huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc. Món thịt nướng, chả cuốn với mắc mật ở huyện Quảng Yên, rồi còn có món thịt quay, lợn sữa quay, nhồi với lá mắc mật vàng hươm thật béo, thơm lừng toả lên một góc phố.

Cao Bằng đã dùng sản vật thổ nghi của địa phương tạo nên những món ăn, mùi gia vị sẵn có tại núi rừng Đông Bắc, sáng tạo những món ăn ngon thật bất ngờ mà các xứ sở khác không gặp như món ong đất xào măng rừng, hoặc như lẩu cá chua, xôi



trám đen thơm ngát, món xào rêu đá Tàu Quây, cốm hạt dẻ, bánh khảo, khâu sli, bánh gio, cơm lam chấm măng ớt hoặc với muối mè đường, quả tình ăn thoả thuê mà còn muốn! Các món ăn ngon miệng như thế lại được nhâm nhi với ly rượu Tắp Nà của huyện Thông Nông, hay như rượu Lầu Pảng của huyện Hà Quảng chế biến từ bột cây bàng trên núi đá, trộn men từ quả trám hương ủ xong hạ thổ ba mươi ngày, chừng nào cảm nhận được tiết trời dịu mát của mùa thu se se thì bươi lên đem chưng mà dùng thì thật là không thể chê vào đâu được cái mùi vị riêng của Cao Bằng.

Như vậy đấy, dọc trên suốt cuộc hành trình chỉ nói riêng về ẩm thực vùng cao này, khi chúng tôi ngang qua gặp những món ăn đặc sản có trong dân gian như lê của huyện Đông Khê mùi thơm vị ngọt, đến huyện Nguyên Bình lại gặp mật ong đặc sánh, rồi đường mía, dưa hồng của huyện Phục Hoà, Bảo Lâm, Bảo Lạc; chúng tôi ngừng lại nghỉ chân ở Phục Hoà đã bổ ngay vài quả dưa hồng giải khát, vị ngọt lại thơm. Đã khát! Rồi còn các loại măng khô, măng bào chua, hạt dẻ, ... tất cả hãy cứ nhâm nhi cùng ly chè đắng Thạch An quả là rất tuyệt vời trong một chuyến đi về xứ sở Cao Bằng rưng rưng sương lạnh.

15/6/2001 Bình minh trên Cao Bằng sương mù vây phủ, trời lạnh lạnh, gió tạt từ sông Bằng Giang lên mát lịm người. Tôi đẩy cửa sổ nhìn sang phía bên kia sông có hai vợ chồng nhà ai đang bủa



lưới cần cù bên dòng sông yên ả phù sa màu nâu hồng màu mỡ.

Hít một hơi căng lồng ngực, sáng khoái và phấn chấn nhìn Cao Bằng trong bình minh như một bức tranh sông núi điệu đà.

Từ Cao Bằng, chúng tôi đi Nà Pặc, một địa điểm trung chuyển lên Thái Nguyên. Xe theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, vượt qua những sườn đồi nhấp nhô núi đá. Đường truông và đèo dốc. Dài và hiểm trở là đèo Giang. Ở một khúc cua, một xe tải đập vào sườn núi hất bánh lên trời và rồi hai chiếc xe chở toàn dưa hấu chạy từ hướng Cao Bằng lên Thái Nguyên cũng đã bị hất tung lên do đèo dốc, hiểm trở. Chúng tôi không nói với nhau điều gì, yên lặng qua những khúc cua nhạy cảm!

Từ Nà Pặc qua Tuyên Quang 78 cây số đường núi dốc, qua Khuổi Nậm Lài (Đây là khu du lịch của Cao Bằng). Lại vượt đèo!

Đến 8 giờ 30 phút, chúng tôi tiến vào địa phận Bắc Cạn. Lại đèo cao, dốc núi, hai bên đường toàn là hoa mua màu tím. Rừng xanh một màu bình yên đến lạ. Bên bìa rừng, người dân tộc đang cần cù làm nương rẫy. Lúa đã trở đòng, có nơi mới chỉ lên đòng. Ngang qua Nà Pặc gặp một đường ngang lên hồ Ba Bể. Chao ơi, toàn những địa danh cần phải biết! Xe chạy đến Nà Tu, một di tích lịch sử của Bắc Cạn.



Vào Bắc Cạn lúc 11 giờ 30 phút trưa. Trời nắng chang chang trên đầu, gió lại phả mùi núi rừng vào mũi nồng nàn. Lóng ngóng vài phút tìm nơi ăn trưa. Tôi nhảy xuống xe, bước nhanh vào quán Trường Sơn, cách thị xã Bắc Cạn 4 km. Chúng tôi ăn cơm tại đây. Không như ở Cao Bằng có món rau dạ nghiền và món củ mài nấu canh, đây chỉ có canh mồng toi và ớt bí luộc chấm mắm. Cá kho tương có mùi hăng hăng không giống khẩu vị ở quê nhà.

Mười ba giờ mười phút, chúng tôi rời Bắc Cạn đi về Bắc Thái. Nơi đây có sản phẩm trà Bắc Thái nổi tiếng cả nước. Qua Định Hòa xuống Thái Nguyên. Hai bên sườn núi chạy về Thái Nguyên trông như tranh vẽ, đẹp mắt, từng dãy đồi nghiêng như tô úp dưới ánh nắng mặt trời. Chè được trồng thẳng lối, theo hàng trải từ chân núi lên đến lưng chừng sườn. Đây là chè Thái Nguyên, ngon và thơm! Sản lượng của các vùng chè miền Bắc nước ta không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài nữa đấy. Ngang qua thị trấn Phú Lương, nơi đây có chợ Phú Lương sầm uất theo kiểu chợ vùng cao, không chỉ là mùng thúng nia trệt bày hàng mà còn gùi giỏ nằm rải rác nhiều nơi như bức tranh sắp đặt, đan xen giữa người và vật. Thấy hay! Đến thị trấn Giang Tiên, từ đây chúng tôi vào cửa



ngõ Thái Nguyên. Người miền núi nhiệt tình phải biết, họ dạt dào tình cảm, hiếu khách, vô tư nhưng còn một nỗi là vẫn khó khăn kiêu của người vùng cao. Thiên nhiên ở đây quá đẹp, nhẹ nhàng như thủy mặc, nhất là ban mai khi ngọn cỏ ven sông còn đọng sương đêm.

16/6/2001

Đến Thái Nguyên phải vào Nhà Văn hoá các dân tộc miền núi. Đây có thể coi là một bộ sưu tập các dân tộc từ Nam chí Bắc của Việt Nam. Có cả 54 dân tộc của Việt Nam họp mặt nơi này. Chúng tôi dạo quanh một vòng các căn phòng, mỗi dân tộc được dành một phòng để trang trí, giới thiệu đặc trưng văn hoá của dân tộc mình. Tôi vào một gian người Mường, nhìn thấy bếp núc, nồi niêu... vào gian nhà người Kinh thấy bố trí toàn cảnh một ngôi nhà người Việt thời xưa... vào gian người Khmer thấy treo trên vách nhà đủ các loại dụng cụ như lưới, nui, lò, nơm... đánh bắt cá, tôm trên đồng bằng sông Cửu Long... Ông Huỳnh Văn chú ý nhiều nhất là gian phòng của người Cơ Tu và đã phát hiện ra



trong bộ sưu tập các dân tộc miền núi Quang Nam có hai cô gái Cơ Tu mà Huỳnh quen. Vui!

17/6/2001

Rời nhà Bảo tàng văn hoá các dân tộc miền núi, chúng tôi lên hồ Núi Cốc của Bắc Cạn cách thành phố Thái Nguyên 20 km. Nơi đây đã từng là nguồn cảm hứng cho bao thế hệ thơ văn nhạc hoạ đến lấy cảm xúc và sáng tác. Phó Đức Phương đã viết bài hát *Hồ trên núi* nổi tiếng một thời. Xe chạy, từ trên đèo nhìn xuống hồ Núi Cốc rộng mênh mông, tuông như có khói sóng ban chiều, trông giống cảnh *yên ba giang thượng*. Chúng tôi chơi môn đi thuyền trong hang núi, nghe kể chuyện: "*Chàng Cốc kén vợ*", âm thanh từ đâu trong các vách núi vọng ra khoan thai trầm ấm. Xem vườn động vật hoang dã: trăn, khỉ, cá sấu, gà, gà lôi, đà điểu Châu Phi cao to vạm vỡ. Chúng lúc nào cũng thèm ăn.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

BẮC CẠN



(Hồ Ba Bể (Internet))



15 - 6 -2006.

Từ Bắc Giang lên Bắc Cạn, đường chẳng xa xôi gì đâu nhưng cũng phải biết rằng toàn là đường rừng cả, đi đâu cũng gặp núi rừng. Rừng Tây bắc sắp hình cánh cung chạy theo hướng đông nam - tây bắc, ngọn nào cũng sừng sững giữa trời, đá nổi lên từng tảng trông như những quả núi trong những bức tranh thủy mặc. Sương khói lại chập chùng mờ hồ hư ảo. Thiên nhiên ở miền này rất đẹp, phong cảnh miền Tây bắc đẹp lạ lùng. Thế nên, du ngoạn mà chọn nơi này quả chẳng nhầm lẫn chút nào. Từ con đường uốn lượn trong sương nhìn xa xa thấp thoáng những căn nhà dân tộc Mông, Dao, Lô lô... ẩn hiện trên dãy Ngân Sơn trong sương chiều, trông vời vời làm sao.

Tôi được tách ra khỏi đoàn đi trên chiếc xe 2 cầu, xe chạy như bay trên đường đèo núi ngoằn ngoèo. Ăn cơm trưa tại huyện Chợ Mới. Trên một ngôi nhà sàn người chủ quán trải chiếu, đặt chiếc



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

bàn nhỏ, tất cả chúng tôi ngồi xuống thưởng thức các món ăn. Nào món lợn mán, heo rừng... không có món cơm lam như có lần thưởng thức tại Lạng Sơn, Cao Bằng nhưng bù lại, nơi đây lạ thay, có được thức uống là rượu Mẫu Sơn. Đây là loại rượu mà chỉ lên đến Lạng Sơn mới có, vậy mà lại xuất hiện tại Chợ Mới, ngay trên một quãng đường rừng mới lạ!



Hồ Ba Bể (Bắc Cạn)

Chúng tôi nhận biết, Bắc Cạn là vùng trung du. Núi rừng Tây Bắc trùng điệp mênh mông như bức tường thành, địa hình Bắc Cạn chủ yếu là đồi núi, hệ thống sông ngòi chia đều trong tỉnh, lớn nhất là Sông Gâm. Chúng tôi đang đứng dưới chân ngọn Pia-Ouac thuộc rặng Ngân Sơn cao 1930 mét. Hệ thống núi non miền Bắc chạy dài như một cái quạt,



xoè ra mà cán quạt (nhài quạt) là ngọn Tam Đảo ở Vĩnh Yên. Nhìn từ trên không xuống ta gặp những thung lũng chia cắt các rặng núi ra như hình nan quạt mênh mông và hùng vĩ. Đẻ lên Bắc Cạn, chúng tôi đang đi dọc theo dãy Sông Gâm, băng qua các ngọn núi đá vôi cao vời vọi: ngọn Pia-ya cao 1970 mét, qua ngọn Pia-bioc cao đến 1500 mét. Những rặng núi này cấu trúc bằng đá vôi nên tạo ra những hang động nằm sâu trong đất, những hang này có nhiều thạch nhũ rất đẹp. Hồ Ba Bể là kết quả của quá trình tạo sơn của dãy Ngân Sơn hùng vĩ. Miền này có nhiều con sông uốn quanh co như sông Gâm, sông Năng chảy trên mặt đất, chân núi đá vôi một đoạn rồi ngằm sâu xuống động, nhiều đồi núi như chìm dưới mực nước biển, giữa những bờ vách đứng xuyên qua núi Lung Nham. Đá vôi đã bị đeo mòn trong tang thương dầu bể quá lâu đời. Mặt cao nguyên tưởng sẽ không bằng phẳng, nhiều thung lũng và bồn địa trông có vẻ khô khan, thỉnh thoảng có vài quả đồi tròn trịa như trái banh, như núi Đồi ở cao nguyên đá vôi Quản Bạ. Núi không nhọn hay răng cưa mà đỉnh tròn do bị bào mòn của những trận mưa phủ phê trời đất. Thường, người ta dễ nhìn nhận những trận mưa mù trời như vậy sẽ là nguyên nhân trực tiếp tạo nên những con lũ kinh thiên động địa, cuốn phăng cả vài ba làng chỉ trong vòng vài phút đồng hồ. Tại huyện Yên Minh của Hà Giang hay các tỉnh Sơn La, Cao Bằng... đều phải gặp thế! Trên các sườn núi, màu xanh của cây bụi bao phủ



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

những quả đồi, về mùa xuân màu xanh của cây ngô chen trong những hốc đá nghiêng mình phơi nắng vào những buổi chiều tà trông rất đẹp và lãng mạn làm sao! Dân cư theo đó mà tồn tại cùng với nhiệt độ và điều kiện tự nhiên khác thích hợp với con người.

Do chịu ảnh hưởng của độ cao nên khí hậu nơi đây chia làm hai mùa rõ rệt: mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ thường mát mẻ, mùa đông lạnh. Ngày 5 - 12 - 1922, Sa Pa có tuyết rơi đọng trên mặt đất đến 12 cm. Nhiệt độ vùng Tây Bắc có năm lạnh đến 3⁰C là chuyện thường gặp trên vùng cao nguyên này.

Lên Bắc Cạn có hồ Ba Bể nằm ở trung lưu dãy núi Ngân Sơn thuộc xã Nam Môn, Chợ Rã. Hồ nằm trên độ cao 145 mét so với mặt nước biển, gồm ba hồ nối liền nhau nên gọi là Ba Bể. Theo tiếng Tày là hồ Pé Lằm, Pé Lù, Pé Lèng. Hồ dài 7 km, có chỗ rộng tới 3 km và sâu 30 mét. Chung quanh hồ là núi rừng trùng điệp của dãy Sông Gâm chẻ ra bao phủ với những thác, động, đảo...: động Tiên, đảo Bà goá - tiếng Mông gọi là Pò Giả Mãi - đảo An, suối Lenin

Pò Giả Mãi tạo nên những phong cảnh tuyệt đẹp, hữu tình, thu hút nhiều du khách từ các miền đất nước đến đi thuyền độc mộc, hoặc thuyền buồm thưởng ngoạn, xem hồ.

Đề từ Thị xã Bắc Cạn lên đến hồ Ba Bể phải qua 3 con đèo ngoạn mục: Vi Hương, Mỹ Phương



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

và Chu Hương. Đường quanh co, ngoằn ngoèo có đến hơn 82 km trong đó mất một nửa là đường đèo. Những con đèo từ đây mà lên Hà Giang thì phải biết là hiểm trở, một bên sườn núi cao ngất, một bên nhìn xuống là vực sâu đến không dám nhìn lâu. Tôi đi cùng xe với cô Lan Bắc Cạn, vượt xong con đèo, cô mới mở lời trò chuyện:

- Anh biết không, đi khỏi con đèo Kéo Dọc hiểm trở này là đến Chợ Rã. Đây được xem như trung tâm của huyện Ba Bể, rồi vào khu vườn quốc gia Ba Bể. Các anh sẽ nghỉ lại đây đêm nay, mai vào hồ thăm chơi cho thoải. Hồ đẹp lắm mà anh.

Tôi thăm dò:

- Vậy ra còn phải đi nữa sao cô Lan?

- Vâng, còn 5 cây số nữa cơ!



Đường dẫn vào Ba Bể (Bắc Cạn. Ảnh: VVH)



Chiếc xe hai cầu rung rinh lật qua một khúc cua, tôi ngã người sang bên, mới biết cảm giác đường rừng chao qua, đây lại một lát đã mệt nhoài. Tiếc cho những ai có tật say xe!

Ngồi một mình tại nhà nghỉ, trời đã dần chiều, những tiếng ve vẫn râm ran trên góc rừng nguyên sinh rậm rịt. Thảng, theo gió những tiếng chim gù nhau trên cây Sa Mộc thẳng như chiếc đũa cắm bên sườn núi. Không thể thăm hồ giờ này được, lững thững trước sân nhà nghỉ nhìn lên những dãy núi cao, một màu xanh kỳ vĩ, đúng là một di sản thiên nhiên quý giá của cả nước. Vườn quốc gia Ba Bể có diện tích tự nhiên 23.340 ha kiến tạo địa tầng do sự bào mòn của dãy núi đá vôi Sông Gâm. Đây là hệ rừng nguyên sinh cổ của Việt Nam. *Tại đây có 417 loài thực vật được đánh dấu và “299 loài động vật có xương sống trong đó có nhiều loài quý hiếm như phượng hoàng đất, gà lôi, vooc... Toàn cảnh hồ như một bức tranh thủy mặc làm say lòng nhiều du khách. Lòng hồ là nơi cư trú của các loài cá quý hiếm mới phát hiện, trong số 50 loài cá có cá cóc Ba Bể, các chiên ở thác Đầu Đẳng, cá kình, các rầm xanh. Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ là nơi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen quý hiếm của động thực vật tại đây. Huyện Ba Bể là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao... Bắc Cạn hằng năm có những lễ hội mùa xuân tại hồ Ba Bể, lễ hội Lồng Tồng... rất vui và đông khách.*



Sáng tinh sương, hay đúng hơn là sương không muốn tan trên đầu ngọn cỏ, bìa rừng, ngưng đọng một màu âm âm như thu, ánh nắng được lọc qua đây mờ ảo. Đứng cạnh bờ hồ mới thấy hết được vẻ hoang sơ của mặt hồ buổi sáng, nước hồ xanh ngắt, mặt hồ lặng yên như đang ngủ. Thuyền chạy trên hồ có thể thoả thích ngắm nhìn những chú chim bói cá xanh sặc sỡ, những đàn sáo đen bay dáo dác khi nghe tiếng máy động cơ rè rè chập tới, hoặc có thể nhìn được từng đàn khỉ trèo ra tận mép nước đùa chơi. Rồi còn có cả bướm, cơ man nào là bướm, có đến 300 loài bướm bay dào dạt trên mặt nước ven hồ. Anh Khánh, người hướng dẫn chúng tôi hôm ấy còn giới thiệu thêm:

-Lên Ba Bể đi thuyền thăm thú mặt hồ đã hết cả thời gian, nếu không các anh còn phải đến một số điểm du lịch của tỉnh mới biết hết về Bắc Cạn chứ, nào là Thác Năng, Thác Dầu Đăng, Thác Rọm, Ao Tiên, một số đảo, Phya Khao, khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, động Nàng Tiên, động Puông... nữa.

Trước mắt tôi quả là có rất nhiều bướm, chúng bay lượn lờn vờn quanh những chiếc hoa màu trắng ngà như sữa. Bước theo, bước theo những con bướm màu đen tuyền rất đẹp, nhiều nhất vẫn là bướm trắng và loại màu tro, chúng chập chờn đến lạ. Có ai tinh nghịch nói với sau lưng : *anh Cẩm Lệ vác cần câu câu bướm hay sao mà xăm xăm ra đặng ấy.* Tôi nhả nha theo bướm, cả đoàn bay bổng lên



trời như những chiếc lá nhỏ xiu rung rinh trong nắng mặt hồ.



Hồ Ba Bể (Ảnh: VVH)

Những ngày ở Hà Nội mưa phùn gió bắc thì ở Ba Bể lại đón được nắng vàng rực rỡ. Khi nắng xuyên qua lớp sương mỏng vào hồ, một vẻ đẹp lung linh kỳ ảo phơi bày ra trước mắt. Là hiện thực! Không, còn hơn hiện thực nghĩa là phải siêu hiện thực mới đúng, bởi không có văn chương nào tả hết được vẻ đẹp của Ba Bể khi ánh mặt trời xuyên qua màn sương chạm xuống mặt hồ và cũng không có chàng họa sĩ nào có thể pha màu hay anh thợ ảnh bấm máy để lấy được sắc màu của Ba Bể những sáng đầy sương và những chiều hoàng hôn lên tím biếc như chiều nay chúng tôi đang đứng ven hồ. Gọi



rằng sương chứ thật ra là mây trời đấy chứ! Bạn đến đây một ngày có thể nhận ra tất cả những games màu lộng lẫy luôn biến hoá từng giây. Có thể nói không ngoa như thế. Tôi đứng sát mép hồ đón lấy một luồng ánh nắng xuyên mây rơi đến, vậy mà chỉ chớp mắt, ánh nắng lại chạy đến một khoảng cỏ xanh đầy bướm. Mới hay sự biến ảo ở đây rất nhẹ nhàng như không thật. Trên mặt hồ nước xanh ngắt lúc có màu rêu lạnh lẽo chìm sau bóng núi, nhưng thoát cái lại vàng rực rỡ của ánh sáng mặt trời. Những khách du ngoạn như chúng tôi hôm ấy rất mệt cho những bức hình kỳ ảo! Và thuyền vòng qua một khúc gấp lại nhìn thấy một màu trắng như mây. Quả là nước biếc non xanh Ba Bể đẹp không phải ngoa một chút nào!

Có điều lý thú rằng sau đợt thăm thú khu vườn quốc gia Ba Bể và thăm hồ, trên đường về Bắc Cạn, chúng tôi lạc nhau mới lạ! Cứ theo quy ước người sau phải nhìn được lưng người trước, vậy mà xe sau càng lúc càng lùi dần về phía núi xa xăm. Gọi xa xăm có vẻ lãng mạn phải không? Ừ, mà thật, xe sau không nhìn thấy xe trước và thế là mạnh ai



người ấy chạy, chạy mất hút cả giờ đồng hồ chứ có ít ỏi gì đâu. Cho đến khi anh tãi trên xe hai cầu dừng lại bảo đợi nhau thì cũng là lúc mỗi xe chạy về thị xã Bắc Cạn mỗi đường. Vậy là lạc nhau giữa núi rừng trùng điệp. Đường xa, có đến 82 km đường rừng chứ đâu phải gần. Ấy thế chú tài Cúc phải cho xe quay lại hồ Ba Bể xem sao. Chẳng có máy di động nào có sóng giữa núi rừng Tây Bắc đặc sương này cả. Hoạ hoàn...Bước xuống xe nhìn quanh, tôi thấy toàn là ngô - là bắp. Đợi không? Chợt nghe anh K. Bắc Cạn nói: *xe sau bị hỏng máy rồi*. Giữa đường rừng heo hút mà bỏ nhau sao? Đợi đã! Chưa phải mùa ngô già nên chưa thu hoạch được, bạn có thể nào tưởng tượng ra rằng, dừng xe bên lề đường hươ tay là chạm phải suối không? Mà có đấy! Suối chảy sát bên đường rì rào bất tận, những dòng nước trong leo lẻo đổ xuống ào ào. Chẳng ai lại bỏ đi cho được!



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HÀ NỘI



Một góc Hồ Tây (Ảnh: Trần Xuân Toàn)



22/6/2001

Từ thành phố Thái Nguyên về Hà Nội xa 81 km. Nếu như ở Lạng Sơn đường phẳng lìn, ở Cao Bằng nghiêng nghiêng một chút thì ở Thái Nguyên về Hà Nội đường lằng nhằng rộng thênh.

Ngoại thành Hà Nội trời mù, không mưa nhưng lạnh. Gió đồng bằng đập vào hơi thở anh em từ vùng cao về nghe man mác nước. Sông Hồng Hà vẫn êm ả như sáu năm trước tôi đã qua đây. Vùng ngoại thành từ Sóc Sơn, Đông Anh ruộng lúa rộng mênh mông. Về đây đã thấy người ngoại thành Hà Nội thu hoạch lúa xuân hè xong, không giống vùng cao chúng tôi vừa mới đi qua nay lúa mới ngã đòng, có nơi lúa mới chỉ ngã ngọn chuyển sang thì con gái, xanh mượt một màu xanh lúa nước.

Ngang qua đường lên Sơn Tây, lại nhớ "Đôi mắt người Sơn Tây" của Quang Dũng mà một thời học Sư phạm tại Quy Nhơn ôm đàn hát nghêu ngao



cùng với bạn bè trước khi lên với Tây Nguyên. Tôi
lắm nhảm:

*Em ở Thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì...
Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiều lưu lạc...*

Về đến ngoại thành Hà Nội có thể nghĩ được
rằng dọc theo hành trình của chúng tôi là đường núi
đèo hiểm trở, nhiều đoạn phải qua cua, ngoặt liên
tục.

Vào Hà Nội trời đã đang trưa, tôi cùng với
các bạn dạo quanh hồ Hoàn Kiếm. Trời nóng bức,
hâm hấp. Những tia nắng dội xuống mặt hồ loang
loáng. Vào đền Ngọc Sơn núp dưới gốc đa già, cành
lá sum suê, ngồi trên ghế đá lại nhớ nỗi lòng hoài cô
của Bà Huyện Thanh Quan:

*Tạo hoá gây chi cuộc hỉ trường
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ
Cánh đây, người đây luống đoạn trường.
(Thăng Long hoài cổ)*

Hà Nội xưa nay đã có nhiều tên gọi khác
nhau. Hồi Bắc thuộc gọi là Long Biên là Ly sở Giao



Châu thời bấy giờ. Năm 791, Triệu Xương, Thứ sử Tàu đặt lại tên mới là Đại La thành. Năm 867, Cao Biền cho tu sửa lại, nói rộng thêm ra. Năm 980 Hà Nội là quận Giao Chỉ. Năm 1010 vua Lý Thái Tổ đóng đô vùng Đại La đổi tên là Thăng Long thành, và xây một bờ tường chu vi 1.700 mét quanh thành. Trong thành có đắp ụ cao phòng ngự như ở phía bắc có Nùng Sơn, Tam Sơn. Ở phía tây có Khán Sơn. Ở phía đông có Thái Hoà.

Đời nhà Trần đóng đô ở Thăng Long và đã có lần bị quân Nguyên chiếm đóng trong 5 tháng sau đó mới lấy lại được thành.

Năm 1467, Thăng Long đổi tên là Đông Đô để không trùng với tên Tây Đô của nhà Hồ ở Thanh Hoá. Sau đây quân Minh sang chiếm đóng nước ta cho đến khi Lê Lợi khởi nghĩa đánh đuổi được giặc, đóng đô tại Đông Đô và đổi tên thành Đông Kinh.

Đến đời nhà Mạc, Đông Kinh đổi lại là Đông Đô. Đời vua Quang Trung, Hà Nội gọi là Bắc thành. Đời vua Gia Long kinh đô ở Phú Xuân (Huế) thì Hà Nội là Bắc thành Tổng trấn. Sau khi xây đắp thành theo kiến trúc Pháp, Hà Nội lại gọi là Thăng Long.

Năm 1831 Thăng Long đổi thành tỉnh lỵ Hà Nội. Ngày 1/10/1888 có chỉ dụ nhường Hà Nội cho Pháp làm thuộc địa.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công. Hà Nội chính thức là thủ đô của nước Việt Nam.



Hà Nội có nhiều thắng cảnh nổi tiếng; hồ thì có hồ Trúc Bạch, Tây Hồ, hồ Hoàn Kiếm; đền thì có đền Ngọc Sơn. Cổ kính có Văn miếu, Chùa một cột, Trấn Ba Đình...mỗi nơi có một vẻ đẹp riêng.

Về Hồ Tây, mang đậm nét văn hoá dân gian. Hồ Tây là hội tụ nhiều chủ đề văn hoá thông qua truyền thuyết, thần thoại, có loại thần thoại cổ như Lạc Long quân diệt hồ tinh. Chuyện rằng nơi đây có ngọn núi nhỏ, trong hang có con cáo trắng chín đuôi nhiều hại dân lành. Lạc Long quân cho phá núi diệt yêu, núi lở tạo thành hồ có tên là hồ Xác Cáo, sau này là Hồ Tây. Long Quân còn tạo ra dòng người Việt, bình định vùng châu thổ sông Hồng vào thời tiền sử.

Hồ Tây còn có tên là hồ Trâu vàng. Trâu vàng chạy húc vào đất làm sụp thành hồ sau này là làng Húc. Húc xong trâu chạy qua Văn Giang quây thành vũng lớn gọi là vũng Trâu Đầm. Trâu chạy ra bến sông phủ Lý Nhân tới sông Tô Lịch. Khi ấy Cao Biền cưỡi điều giấy thấy trâu chạy về phía Dâm Đàm (nay là Hồ Tây) rồi trâu biến đâu không thấy nữa. Nhân đó hồ có tên là Ngưu hồ hay còn gọi là hồ Trâu vàng (Kim ngưu hồ). Cho nên người xưa thờ trâu vàng nhằm cầu mong một cuộc sống yên ổn. Thế nên bên cạnh Hồ Tây có miếu thờ Trâu vàng. Miếu bị đổ sập trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ chỗ này có thể nghĩ rằng những người sáng tác ra biểu tượng Trâu vàng trong Seagames



22 (12/2003) xuất phát từ ý nghĩa mong sao cho cuộc sống được hoà bình hạnh phúc. Bởi Hồ Tây có sắc thái văn hoá riêng phong phú, đầy ý nghĩa của nó ảnh hưởng sâu đậm đến sinh hoạt tinh thần của Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung.

Chúng tôi tha thần giữa trưa dưới trời nắng nóng ở đền Ngọc Sơn, tại đây xem đèn, xem rùa hồ Hoàn Kiếm (Rùa dài 2,2 m rộng 1,2m), người ta làm tiêu bản bỏ vào lồng kính phục vụ khách thăm quan. Hồ Hoàn Kiếm, nơi đây Lê Lợi trả lại lưỡi gươm thần cho Kim Quy sau khi đã hoàn thành việc đánh tan quân xâm lược nhà Minh. Thế nhưng nhân dân còn bảo rằng lưỡi gươm thần còn giấu đâu đấy dưới lòng hồ, có lẽ là một ý thức cảnh giác chăng? Ấy thế nên hằng năm, rùa nhô mình lên mặt hồ tha thần vài giờ như báo hiệu thần Kim Quy vẫn còn ẩn khuất đâu đây luôn tìm cách giúp đỡ, chở che cho dân ta giữ nước và dựng nước.

Rời Hà Nội lên xứ Mường sương khói, đến ngã tư sông Đà trời mưa nặng hạt. Vào thị xã Hoà Bình trời đã bớt đổ mưa.



Tại đây một đêm giao lưu quả là ấn tượng trong suốt cuộc hành trình. Một đêm vui, nhiệt tình, lưu luyến và sôi động. Ở Hoà Bình có đến 70 % người Mường sinh sống nên có thể gọi là xứ Mường cũng chẳng sai. Gặp ba cô gái Mường: Nhiệt, Hằng và Bùi Lệ Thuý nhiệt tình hết muốn, lại xinh xắn nữa. Các cô giới thiệu xứ Mường về Hoà Bình, về Sông Đà về ... rất nhiều câu chuyện chung quanh nhà máy thủy điện Hoà Bình.

Thường thức món rượu cần nổi tiếng của xứ Mường. Rượu ngon mời khách quả là hay! Các làn điệu dân ca quan họ, hát lý, các làn điệu dân ca Mường được trình diễn điệu nghệ. Thường thức món thịt trâu nấu với lá lồm, dạng như dây leo. Rất ngon. Và cơm lam trong ống nứa non. Thơm.

Đêm, đứng trên một cây cầu nhìn lên toàn cảnh nhà máy thủy điện Hoà Bình đèn sáng lấp lánh từng vùng. Hồ Sông Đà dài và rộng, dài từ Sơn La, Mộc Châu xuống có đến 200 km nên nước không bao giờ cạn./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

HÒA BÌNH



Tại Thủy điện Hòa Bình, khối bê tông chôn chặt bức thư viết bằng Tiếng Việt và tiếng Nga, sẽ được mở vào ngày đầu tiên của năm 2100. (Ảnh: <https://vnexpress.net>)



17.6.2001

Rượu "Nước Cẩm" Hoà Bình, nơi xứ Mường, nơi ra đời trường ca "Đẻ đất đẻ nước" nổi tiếng là kho tàng văn hoá dân gian quý giá của cả dân tộc. Trời đã ngưng mưa từ đêm, chúng tôi thăm thủy điện Hoà Bình, hồ sông Đà vĩ đại, hoành tráng. Sông Đà dài 230 km, phát nguyên từ Sơn La, Mộc Châu. Một ngọn núi sừng sững đứng bên hồ thủy điện. Núi không tên nên lấy độ cao mà đặt tên cho núi. Núi 206!

Qua lời giới thiệu của thuyết minh viên, chúng tôi được biết công trình bắt đầu khởi công ngày 2 tháng 9 năm 1971. Ngày ấy mũi khoan đầu tiên đã cắm vào lòng đất. Năm 1976 bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng. Tháng 6 năm 1979 chính thức khởi công, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đặt viên đá đầu tiên ngăn dòng chảy hung dữ của sông Đà.

Sau 15 năm xây dựng đến 20/11/1994 xong 4 hầm. Để hoàn thành công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á này đã có 168 người hy sinh, trong đó



có 11 người Liên Xô (cũ). Người hy sinh đầu tiên quê ở Hà Tĩnh và người hy sinh cuối cùng sinh tại Nghệ An. Sau khi khánh thành Ban lãnh đạo thủy điện Sông Đà mời nhà báo- nhà văn Thép Mới soạn một bức thư gửi thế hệ mai sau. Bài văn được Bộ Chính trị duyệt xong đặt vào một ống thủy tinh niêm kín - chân không - sau đây, người ta chôn vào trong một khối bê tông nặng 7 tấn. Mặt trước khối bê tông có ghi dòng chữ: “*Công trình thủy điện Hoà Bình, thư gửi thế hệ mai sau*” bằng hai thứ tiếng Việt và Nga. Có hẹn ngày mở bức thư là ngày 1/1/2100, nghĩa là đến cuối thế kỉ thứ XXI. Long trọng nhất là ngày đặt bức thư vào trong ống thủy tinh và chôn vào khối bê tông có 30 nước trên thế giới đến tham dự và chứng kiến giờ phút thiêng liêng này. Thủy điện Hoà Bình chính là công trình thế kỉ.

Năm 1962 khi Bác Hồ về thăm Hoà Bình, lúc đi ngang qua dòng sông, Bác chỉ tay và nói: “Khi đất nước hoà bình thống nhất, ta phải chinh phục dòng sông hung hãn này”.

Và nay, theo lời Bác, dòng sông đã được chinh phục bằng công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Châu Á.

Toàn công trình thủy điện có 8 tổ máy, chúng tôi đã nhìn thấy được 5 tổ máy đang vận hành phát điện!

Đến Sông Đà, thủy điện Hoà Bình mới thấy hết sức lực con người và khả năng chinh phục tự



nhiên của trí tuệ Việt Nam là vô cùng to lớn. Bất nước làm ra điện phục vụ con người, phục vụ cho nhu cầu mưu sinh cuộc sống. Còn rất nhiều điều lý thú về Thủy điện Hoà Bình như chuyện thần thoại “*Sơn Tinh Thủy tinh*”, chuyện “*Thần núi Tản Viên*” song chúng tôi đến tìm hiểu thực tế chỉ vài giờ không thể nào ghi chép hết được những giai thoại thời hiện đại về công trình thế kỉ một cách đầy đủ được. Ấu đó cũng là điều đáng tiếc!

Tôi cảm hứng trước vẻ hùng vĩ của núi Tản, sông Đà bèn viết:

*Gởi lại chén rượu phương Nam
Ta đi cùng em
Về xứ Mường uống rượu cần
chénh choáng
Rung rinh ngọn sóng sông Đà*

*Đêm nay say rượu Bắc phương
Câu quan họ người ơi người ở
Chưa ai về hội còn chưa tan
Uống rượu cần nghe chuyện Sơn Tinh*

*Đêm sông Đà và ánh sao xanh
Lung linh những ngọn đèn đưng gác
Dòng sông chạy suốt đời không nghỉ
Điện lên đường thấp sáng bốn phương*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Về sông Đà nghe chuyện Tản Viên
Mây ngũ sắc vẫn vương đầu ngọn núi
Nghe sóng vỗ âm ào níu trời đất lại
Bâng khuâng nửa ở nửa về.*

Thủy điện Hòa Bình (Ảnh: VVH)





CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

PHẦN HAI

VÀO NAM



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

AN KHÊ



(Internet)



Ngày 7 tháng 8 năm 2003

Đêm nằm nghe tiếng trống, công chiêng âm vang từ lưng chừng núi vọng về thành phố mà lòng hao hức một điều gì đấy. Chắc là người Xơ Đăng cúng giàng. Các lễ hội, tập tục của các dân tộc ⁷ Tây Nguyên phong phú, đa dạng, trong đó văn hóa sử thi là đỉnh cao, sử thi Đam San của người Ê Đê, trường ca Kơ Ho của người K'ho... rồi văn hoá công chiêng (gong culture), văn hoá nhà rông. ⁸ Tây Nguyên với địa hình núi đồi trùng điệp nhưng lại đầy vẻ duyên dáng hữu tình như những chàng trai cô gái của xứ sở ba zan mà đã một lần đến là muốn

⁷ Có 44 dân tộc ở Tây Nguyên.

⁸ Chi dân tộc Sê đăng, Koho ở Kon Tum mới có nhà rông, hoặc người Cơ tu ở phía tây Quảng Nam, Đà Nẵng, giáp với Ngọc Linh mới có nhà rông và người Cơ tu gọi là nhà Gươl. Người Ê Đê ở ĐakLak có nhà dài.



quay trở lại tắm mình trong rực rỡ sắc màu lãng mạn của Tây Nguyên; muốn hoà mình vào lễ hội của các dân tộc Ê Đê, Ba Na, M'Nong; muốn trở lại Biển Hồ lai láng và huyền thoại. Đến chủng viện Thừa sai, nơi trưng bày hiện vật nghệ thuật của các đồng bào dân tộc Tây Nguyên, thăm nhà thờ gỗ lớn nhất miền sơn cước, kiến thiết toàn bằng gỗ cả chít chịu được nắng mưa của núi rừng đã đứng vững trên một trăm năm nay vẫn còn toát lên vẻ đẹp quyền rũ lạ lùng.



Hôm chúng tôi qua Kon Tum dòng sông Dakbla đã khô cạn, bình minh trên sông không lấp lánh ánh vàng nhưng còn hình dung ra được sắc nắng như vàng rải trên đồi đỏ xuống long lanh trong màn sương trắng.

Người Ê đê, Ba Na, Tày, Nùng, Kinh, Sê đăng, M'Nong sát cánh bên nhau dựng nên

buôn, bản thành mái ấm đẹp giàu, làm đẹp thêm giữa núi rừng bạt ngàn xanh thẳm của Tây Nguyên.



Có chừng đã sau hai mươi một năm rồi, tôi mới tìm được dịp về lại Tây Nguyên một chuyến. Con gió lạnh từ núi rừng An Khê tạt vào cửa sổ xe, tôi giật mình phóng tầm mắt ra ngoài, chiếc xe nhẹ nhàng trườn mình lên dốc. Xe lượn phải, mở ra một khoảng trời rộng lớn sau dãy núi Mang Giang. Có ai nói: Ừ! Tây Nguyên đây rồi. Bầu trời Tây Nguyên nặng nước, mùa này-tháng tám-chiều nào cũng có mưa rừng đỏ về, hạt mưa nhỏ giọt triền miên. Trước mắt một không gian của Trường Sơn xanh mượt một màu tươi trẻ. Lại có ai trong xe buột miệng:

- Chà, Tây Nguyên đẹp thế, quả là Tây Nguyên xanh mà!

Vâng, chúng tôi đang đi trên tấm ngực trần sơn cước, mong manh, rộng mở lãng mạn cả núi rừng. Gió tạt vào người hơi mát. Trên mặt bazan đất đỏ chạy một đường kẻ tạo nên đường diềm cho chân núi. Xuống khỏi đèo Mang Giang, chúng tôi rẽ phải xuyên rừng sáu mươi cây số đến ngã ba Trà Quỳnh.

Dọc theo đường đất đỏ Bazan, gặp những trẻ em Sê đang gùi trên lưng măng rừng nặng trĩu. Những bà mẹ còng lưng gùi nôi đòi trên vai bông rạt: *Ở đây chỉ có núi và mưa rừng/ Cỏ vẫn xanh một màu xanh bất tử/ Tôi về lại Tây Nguyên/ Sau hai mươi một năm/ Những tháng ngày lẫn lóc với rừng xanh, ...*

Về với Tây Nguyên cùng tôi bữa ấy, em lại công mặt trời trên ngực. Ngang qua tầm mắt tôi nhìn, những đứa trẻ lớn lên trên cao nguyên chập



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

chùng đồi núi, vẫn thế, vẫn từ nương rẫy về nhà như hai mươi một năm qua tôi đã qua đây là không biến đổi. Sông Dakbla chảy ngang Thị xã Kon Tum đã cạn dòng trong mùa hè khô kiệt. Nay mưa lại về, đã gần cuối mùa bắp ở KonTum rồi còn gì!

Ảnh minh họa



Tại Trà Quỳnh, trời mát dịu hẳn lên, tôi tỉnh người nhìn xa về núi phía tây. Sương khói lại về, hoàng hôn xuống từ đỉnh Trường Sơn lồng lộng.

Mấy người bạn cùng đi trên đường, thốt lên: Đêm Kon Tum, lại đi trên tám ngực trần sơn cước, mưa vỗ vào mái tóc xôn xao. Tôi nghe thấm ướt tràn về lạnh hai vai. Bầy anh em chúng

tôi: Nghĩa Khiêm Sang Hải Lan Huyền ghé vào một quán nước bên đường tìm chỗ trú mưa. Những trái bắp nướng bán dạo bên đường phở thơm lừng đất đỏ Kon Tum làm ấm lòng người khách lạ. Tôi nghe ngọt trên đầu lưỡi hương vị bazan. Đêm nay, ngày...tháng...năm 20... không phải say rượu Bắc



phương như có lần thưởng thức rượu Nước Cẩm Hòa Bình tại Sông Đà mà chắc say hương vị rượu cần của Sê Đăng, Raglai chẳng! Bước đi trong bóng đêm, dưới ánh đèn điện mờ ảo của Kon Tum ngang qua bùng binh, trời vẫn cứ mưa loang loáng xiên ngang. Em bảo: Đêm nay mới thật là đêm bập bùng rừng núi Tây Nguyên cho bỏ những ngày phố xá đông người, tìm về nơi đây để nghe lại tiếng sừng rên vang, tiến về Sài Gòn giải phóng trong ký ức Kon Tum. Tôi ừ!

Đi dưới trời mưa nhè nhẹ, Kon Tum im lặng ngọt ngào, không có “*Em Kon Tum má đỏ môi hồng/ Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông/ Nên tóc em ướt và mắt em ướt*” mà chỉ là một Kon Tum vạm vỡ, sạch trơn thơm mùi bazan núi rừng Trường Sơn mưa bụi. Một đêm nhớ mãi, hát bài tình ca với đồng đội trong quán nhỏ “*Khói Mây*” quyến rũ:

*Phố núi mù sương
Hạt mưa nín trời đất lại
Tôi nín tình tôi
Trên Tây Nguyên hai mươi năm
Công chiêng và điệu dăm hia⁹
Lay động núi rừng.*

Bữa nay đến Kom Tum, đi dưới làn mưa nhè nhẹ đầu mùa Tây Nguyên, chợt nhớ cái năm nào cũng đi trên đất đỏ bazan tại Ea Tiêu, Ea Ktur, Buôn

⁹ Dăm hia: điệu hát ru của người Ê-đê.



Ma Thuật, Theo ý bài văn có tại nhà tù Kon Tum,
tôi nghĩ:

*Nhất nhật tại tù
Thiên thu tại ngoại
Mỗi sáng có "ăn lót lòng"
Những dấu hằn to tím làn da
Người xếp hàng đầu phải nhận
Nào nhẹ nhàng êm ái gì đâu
Rời đi khổ sai
Dakpec, Dakpao đường xa vạn dặm
Chân trần phòng rộp bàn chân
Nhà phạt nào còn phương sống sót
Tủi lúc mình trần thân trụi
Mưa không tưới
Nắng không nóng
Cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê
Buồn khi tay trói chân cùm
Cơm pha trấu
Mắm lộn dòi
Ơn đế quốc đãi mình đã riết
Ăn uống tắm giặt chỉ một khe
Xia cũng nhằm vào chỗ đó
Ở Dakpao người chết nhiều
Tháng tư, tháng năm uống nước lóng bùn
Hăng hăng lên mũi
Hôi tanh mùi lá mục
Đêm. Cắm hờn lên tiếng giữa rừng xanh
Tiếng mõ, tiếng gọi nhau tàn canh*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Gác tay lên trán nghĩ suy
Dakpao, Dakpec quyết không đi
Bồi hồi
Vượt ngục
Tao đàn ngục thất câu thơ phú
Anh en bè bạn lòng trung nghĩa
Khí xông mắt vía phùng cai trị
Mới gọi là người biết tử sinh
Viết tại ngục Kon Tum
8.2003*

Đến bây giờ thời gian lùi xa có đến hơn hai mươi năm mới trở lại lần này, vẫn những bước chân xưa, vẫn thế!

*Ta đi trên tấm ngực trần sơn cước
Vạn núi vạn rừng
Hát cùng chim Tao vao, chim Phri
Mây trắng gió lửa ngược phía Ngocklinh
Đêm Tây nguyên năm không say giấc
Nghe vó ngựa trăm năm
Những hạt mưa vào mùa rả rích
Dội nhà tù lòng xót xa xưa
Dấu Tô đã qua những năm khổ
Tiếng cồng chiêng hội tụ buôn làng
Tày, Nùng, Kinh, Thái, Xê đang chân vẫn
khỏe*

*Chim Chuaih gọi người lên nương
Gặp người mẹ Xê Đăng dịu con thon thả
Dưới ánh tà dương về Buôn, về Cụt/*



*Thổi lửa com chiều
Và đã gặp người mẹ Ê Đê dịu con,
Chim hót
Thánh tốt điệu dăm hia động núi rừng
Giữa đại ngàn xanh mãi
Chiều ơi chiều, vỡ hạt mưa rung rung.*

Băng qua một xóm nhà, chợt nghe giọng hát của bà mẹ trẻ Ba Na nhà ai ru con thánh thót, xuyên ngang những giọt mưa: *Đừng khóc em nhé, thương em cưng của chị/ Nín đi em, mẹ đang xe chỉ dệt vải/*



Mẹ dệt cho chị em ta, mẹ muốn có ích cho gia đình/ Nín đi em, chúng ta có khăn áo mới/ Mẹ ơi em khóc, mẹ hãy cho em xinh xinh bú đi/ Mẹ thấy em nhìn, mẹ tưởng mẹ bông cho em bú/ Nín đi em, hãy ngủ đi em, em cưng/ Mẹ lo lắng, mẹ buồn vì em khóc nhiều/ Mẹ ơi em xinh xinh, em đã nín vì em yêu mẹ/ Nín nín, hãy ngủ đi em, em cưng, em thương của chị

10

¹⁰ Hát ru người Ba Na. Bài *Ru em*. Lời Ba Na: *Lung oh. Nễ nhâm ơ mã pomãi eng kodih/ Thễng thễng ơ oh mẽ oa tanh brai wai khăn/*



Ở ngã ba Đông Dương lúc trời đang trưa, ngày trước nơi đây những người đi kháng chiến bảo rằng: một tiếng gà rừng gáy đánh thức cả ba nước Đông Dương. Ngày này, chúng tôi đặt chân lên ngã ba biên giới. Đứng từ cửa khẩu nhìn sang bên Lào, rừng nguyên sinh dày rậm và xanh rờn, cỏ lau và cỏ tranh chen nhau mọc tua tủa, những chiếc lá tranh như những lưỡi gươm đưa lên trời. Rừng tiếp rừng. Đẹp thế.

Trời hanh nắng. Nắng tạt vào sườn đông Trường Sơn gây ấn tượng một bức tranh hoành tráng của thiên nhiên. Đây là biên giới Việt Nam-Campuchia-Lào, nơi trong sách vở, trong những trang văn học, trong những câu chuyện kể thời kháng chiến thường nhắc đến như một biểu tượng của tình đoàn kết, sự chiến đấu chống kẻ thù chung. Vậy là sau hai mươi một năm, bữa nay được dịp: *Về biên giới cùng em/ Đến ngã ba Đông Dương/ Nơi chia nhau ngọn gió/ Chia đều mỗi buồn vui/ Ở vùng xa biên giới/ Người Xê Đăng lặng lẽ/ Địu trên lưng măng rừng* ¹¹ *Đi về từ Ngock linh/ Chiều biên giới tây nam/ Em tròn hai con mắt/ Nơi chim rừng gọi*

Mề tanh ăn kơ ba mề wã poyua kơ ỳnh nham/ Thềng thềng eng bản đa khăn nao đei ao plâng/ Ở Mề oh nhâm mề dah tomân oh quăng quăng/ Mề năng oh hể ih nghi mề dah iok pîn ăn mâm/ Thềng thềng oh thềng tepdah tep eng oh eng/ Bơh mề tô đon mề xỏ ngon oh nhâm luxk/ Ở Mề oh quăng quăng oh hnhăng oh bắt kơ mề dĩ/ Thềng thềng, tep dah tep, oh mã pơ maixeng kơ dih. (St).

¹¹ Tháng 8 đã giữa mùa mưa ở Tây Nguyên.



*bạn/ Xôn xao cánh rừng hoa/ Làng Kon cheo ¹²
ngày ấy/ Bây giờ rộng thênh thênh.*

Nói văn hoá là nói *thiên nhiên thứ hai* do con người sáng tạo ra, trong đó bao gồm hai phần văn hoá bác học và Folklore. Các dân tộc anh em sống trên 3/4 diện tích cả nước, chủ yếu là trung du và miền núi, trải từ vùng núi Đông bắc, Tây bắc, dọc theo dãy Trường Sơn, kéo dài vào vùng đồng bằng Đồng Tháp Mười. Tây Nguyên hùng tráng và phong phú về văn hoá, liệu có thể tìm hiểu được bao điều trong một chuyến đi ngắn hạn.

Đông Nam Á là địa bàn cư trú của tộc người nói tiếng trong nhóm ngôn ngữ Môn Khmer, trong đó có Việt Nam. Cách đây 2000 đến 2500 năm (theo ước đoán của các nhà ngôn ngữ học, dân tộc học) các tộc người nói tiếng Malayo từ biển tràn vào mang theo ngữ hệ Indonesia và rồi từ đó Việt Nam ảnh hưởng ngữ hệ này, chủ yếu là dọc theo Trường Sơn và Nam bộ là nơi cư trú của nhiều tộc người theo ngữ hệ Môn Khmer và Malayo. Đến Tây Nguyên là đến với vùng đất, địa bàn cư trú lâu đời của các tộc người có ngữ hệ Môn Khmer và Malayo. Đây là ngữ hệ cổ xưa của Đông Nam Á. Các dân tộc Tây Nguyên còn lưu giữ gần như nguyên vẹn các sinh hoạt văn hoá cổ truyền của họ.

¹² Thị trấn Đắk Tô.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

BUÔN MẠ THUỘT



Bảo tàng Đắk Lắk



Ngày...tháng 8 năm 2003

Tờ nắng gay gắt, không một đám mây qua đây. Chúng tôi ăn cơm trưa phía trên trường Đại học Tây Nguyên một đoạn - đường lên Gia Nghĩa - một bữa cơm bụi Tây Nguyên - Ban Mê. Bụi mù trời. Buồn muôn thuở. Bánh mì thịt...là những "tên gọi" khác của Ban Mê Thuật mà trước 1975 người ta thường nhắc đến.

Buôn Ma Thuật,
nơi tôi đã sống
và làm việc tại
đây từ tháng
12/1976 —
7/1983.

*(Ảnh: Những người
bạn một thời cùng
làm việc tại Ea Tiêu,
Đắk Lắk)*





Có hơn hai mươi năm tôi mới có dịp quay về lại thành phố cao nguyên đất đỏ, nơi nhìn đâu cũng thấy màu của bazan là tường ngay đến màu trắng bọt ngàn của hoa caffe nở đầy cành, được trồng phủ kín trên các triền núi, ngọn đồi vào dịp Hai – Ba. Mùa ghi dấu ấn đến ai đó phải viết thành thơ: *Tháng Ba con ong đi lấy mật/ Mùa làm nương chẻ đất thơm ngô* là bắt đầu vào mùa mưa ở Tây Nguyên. Đắc Lăk cũng không ngoài vùng khí hậu đó đề đến tháng Năm, mùa mưa thật sự đã về.

Đến Buôn Ma Thuật, dạo một vòng trên những con đường nhựa đến các huyện Krông Pắc, Ea Hô, Ea H'leo, ngược về phía Ea Ktur, Ea Tiêu, vào huyện Krông Bông,...hay luồn sâu vào các lô caffe, các rẫy lúa, bắp,...nhìn lên trời từng đàn chim kơ tia¹³ hiền lành, lưng màu xanh như đọt bắp non, nghiêng cánh chao liệng mắt tìm kiếm từng trái bắp đang độ xanh thì con gái. Vậy là chúng đáp xuống và thế là được một bữa tiệc no nê. Những cây bắp, trái non già bị xé tung ra, mổ tách. Người nghệ sĩ nhìn chim kotia thấy đẹp, đẹp như nhạc sĩ Tô Hải ca lên trong *Đắc Rông mùa xuân về: Chim kotia bay tới nghiêng cánh chào Đắc Rông, polom*¹⁴/lang khoe sắc thắm, gió đưa hương đôi bờ,... thì anh nông dân ở Tây Nguyên lại không chào đón hay trông đợi trên đường bay của chúng nghiêng đôi

¹³ Miền xuôi gọi chim két.

¹⁴ Một loài hoa 5 cánh, màu trắng



cánh dụ dằng lượn ngắm kiếm tìm rồi liệng xuống đậu vào rẫy bắp của mình. Một đoàn kotia có thể dọn sạch rẫy bắp của họ trong một buổi.

Những năm tôi ở làng Trung, Buôn Ma Thuật, nhìn lên màu trời xanh gắt nắng, in hình những chú kotia bay về phía buôn Chiết, buôn Ea Tiêu, chúng cất lên tiếng ca kết... kết... là tín hiệu cho hay sắp đến mùa bắp Tây Nguyên rồi.



Chim Kơ tia (chim kết, internet)

Bữa nay lang thang về lại nơi trước kia, từ tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu, tôi đã bắt đầu cho những năm làm việc tại Ea Tiêu, rồi Ea Ktur sau những ngày hòa bình lập lại. Tại nơi tôi ở nhìn từng đàn kotia bay theo hình mũi tên ngang trời vào mùa nương rẫy, chấp chới trên nền trời xanh mát lúc hoàng hôn, mới hay chim kết đẹp theo cách hiền lành. Lại nhớ đến loài chim phri (cũng đọc là chim phí) mà tôi thỉnh thoảng nhìn thấy chúng những lần lên rẫy tria lúa, tria bắp hay những lần vào rừng chặt cây làm củi, làm giàn bầu bí, hoặc nhiều lần vào rừng Ea Ktur, Ea Tiêu, buôn Chiết,



buôn Jung, Ea Ka, Ea Súp... hay lần lao động công ích mười lăm ngày tại buôn Ea Knül cùng những năm sống và làm việc tại Đăk Lăk. Chim phri sống đơn thân, hoặc lẻ loi từng cặp không theo bầy đàn. Có điều lạ, những cánh rừng như cánh rừng trúc mà chúng tôi thường đi ngang qua vào rừng nhặt củi, hoặc nơi các em thiếu niên đến dã ngoại, picnic lại gặp đôi chim phri sinh sống ở đó. Màu sắc chim đẹp, chim mái trên lưng và đầu có màu xanh lá bắp non, bụng màu vàng nghệ như màu hạt dẻ, ức màu tím như màu tím hoa sim. Trên đôi cánh bạn nhận ra màu đen và màu vàng chen kẽ đan nhau tạo nên những đường diềm như hai hàng gỗ lợp nhà. Và càng ngạc nhiên hơn khi bạn quan sát trên thổ cẩm phụ nữ Ê Đê, bộ y phục của họ màu chủ đạo là đen điểm xuyết màu vàng tạo nên những đường ngang thoáng mà nhẹ. Đây chẳng phải những đường nét kỷ hà mà sự sắp xếp lớp lan trên y phục phụ nữ Ê Đê – mới trông như mái nhà lợp bằng gỗ cà chít – hay như những lớp vẩy tê tê đan xen đen – vàng xếp thành hàng như mái ngói. Có thể người Ê Đê cảm hứng từ màu sắc của chim Phri chẳng, đặc biệt là chim mái để tạo nên những biểu tượng đặc trưng Tây Nguyên trên y phục của họ. Màu xanh là màu của bình an và hi vọng, màu của màu trời. Chim trống có màu đỏ dịu chủ đạo, đan xen chút vàng. Màu đỏ thể hiện sức mạnh của cánh đực như chim phri trống vậy. Thế nên, bạn nhìn vào y phục của người đàn ông Ê Đê, một màu đỏ cách điệu nổi lên



biểu trưng cho sức mạnh, cho sự lan tỏa của năng lượng mặt trời.



Ảnh: Chim phiri (Hồ Xuân Diệu ở Buôn Ma Thuột cung cấp)

Trên y phục Ê đê, màu đen luôn là màu chủ đạo, bởi đây được biểu trưng là màu của đất – màu để ươm mầm cho sự sống. Bởi vì biểu trưng của đất nên hiểu đây là đất mẹ – nơi sinh tồn vạn vật và cũng là nơi hủy diệt muôn loài – về với đất mẹ là về với cội nguồn.

Màu đỏ là màu của mặt trời, ở đó tỏa ra một nguồn năng lượng vô tận nuôi sống muôn loài. Chính nhờ nguồn năng lượng mặt trời mà cây cỏ xanh tươi, sinh sôi phát triển, con người đủ sức mạnh để tồn tại, khai sinh.

Khu rừng nào chim định vị là nơi trú ngụ sinh tồn, nếu cảm nhận có động tĩnh hay nhìn thấy có người vào khu rừng nơi chúng đánh dấu “sở hữu”



đang sinh sống, chúng ngỡ ngác nhìn, hồi hộp, rồi cất cánh, rẽ một đường bay, biến mất vào rừng sâu. Dường như nơi yên tĩnh là nơi chúng thích tồn tại. Tôi chưa thấy tổ của chúng thế nào và thường lót tổ trên loại cây gì. Có điều chắc chắn rằng cánh rừng nào đẹp, vắng bóng chân người là nơi đôi phiri chọn làm nơi sinh sống. Một lần tôi đến Kon Tum, được nghe kể về loài chim phiri – một loài chim đẹp – xem là biểu tượng, tượng trưng của người Tây Nguyên mạnh mẽ, kiên cường bám rừng, bám đất, giữ yên buôn làng, làm cho Tây Nguyên luôn có màu xanh trù phú. Thế nên nói đến Tây Nguyên người ta thường nghĩ ngay rằng “*Tây Nguyên xanh*”. Đúng! Tây Nguyên luôn là màu xanh kỳ vĩ.

*Ta đi trên tấm ngực trần sơn cước
Vạn núi vạn rừng
Hát cùng chim tao vao, chim phiri
Mây trắng gió lùa ngược phía Ngock Linh*

*Đêm Tây nguyên nằm không say giấc
Nghe vó ngựa trăm năm mòn mỏi gót lưu đầy
Những hạt mưa giữa mùa rả rích
Đội nhà tù lòng xót xa xưa*

*Đãk Tô đã qua những năm khổ
Tiếng công chiêng hội tụ buôn làng*



Tày, Nùng, Kinh, Thái, Sê Đăng chân vẫn khỏe¹⁵
Chim chuaih gọi người lên nương

Gặp người mẹ Sê Đăng dịu con thon thả
Dưới ánh tà dương về buồn
Về cươt¹⁶
Thổi lửa cơm chiều

Và đã gặp người mẹ Ê Đê dịu con
Chim hót
Thánh thót điệu dăm hia¹⁷ động núi rừng
Giữa đại ngàn xanh mãi
Chiều ơi chiều vỡ hạt nắng rung rung.
(KonTum, 8/2003)

Lại còn một loài chim nữa, cũng ít gặp mỗi lúc vào rừng, đây là chim khảm khắc. Loài chim mỗi lần cất lên tiếng hót như một nốt trầm u buồn dội vào đêm vắng. Hơn một lần tôi cùng những người bạn tại Ea Tiêu, đứng từ một nhà dài buôn Chiết, nhìn về bạt ngàn caffè xanh rờn thuộc Nông trường Ea Tiêu vào một đêm thanh vắng, nghe được tiếng chim khảm khắc vọng về buồn, mới buồn xa vắng làm sao!

¹⁵ Đăk Tô có 5 anh em dân tộc cùng sinh sông: Tày, Nùng, Kinh, Thái, Sê Đăng (trong đó người Sê Đăng nhiều hơn).

¹⁶ Người Sê Đăng gọi là nhà rông, hay cươt hoặc nhà rung.

¹⁷ Điệu dăm hia một điệu hát ru con của người Ê Đê.



Nếu như vùng rừng núi miền Tây Quảng Nam, Đà Nẵng cặp chim tr'ing – bồ cánh – (hay là chim hồng hoàng đất?)



Ảnh: Cặp chim tr'ing (chim bồ cánh) (A: Ploong Plên)

người Cơ Tu xem đây là chim thiêng, biểu hiện cho sự tự do trong không gian rộng lớn, mang tín hiệu an lành, cao cả, thiêng liêng của yang pol từ trời xuống cho người Cơ Tu dưới trần gian; là sự kết nối giữa người với yang - ma thì chim phri là loài được cho là chim thiêng, là biểu

tượng cho tính thiêng của tộc người Ê Đê, của người Ba Na, Xê Đăng,...ở Tây Nguyên. Và vì thế, cánh rừng nơi chim phri hay chim tr'ing sinh sống người ở đó xem cánh rừng ấy là cánh rừng thiêng.

Đi về phía Gia Nghĩa, gặp chủ quán cơm, gần trường Đại học Tây Nguyên. Ông chủ là người mê lan rừng Tây Nguyên. Ông ta luận giải và kể chuyện lan rừng Việt Nam ở Tây Nguyên nhiều vô kể. Tôi tò mò chen vào:

- Lan nhiều thế, loại nào đẹp nhất hả anh?



Ông nhếch miệng cười, không buồn rầu, không vui, vẻ tư lự rành rọt:

- Lan rừng Việt Nam mang vẻ đẹp hoang dã mà kiêu sa. Tôi nói vậy, ra gán cho các loài hoa vẻ đẹp và tính nết cũng lãng mạn phải không! Nhưng mà thật đấy, nó mang vẻ kiêu sa như một cô con gái vừa đẹp vừa giàu. Là Nữ hoàng đấy ông anh à.

Rồi anh tiếp:

- Xe anh mang số 43 lên phải không?

Tôi bảo phải.

- Thế thì anh không rành lan rừng Buôn Mê bằng tôi đâu. Này nha, nó có nhiều họ, nhiều loài, chi, nhưng tựu trung có thể xem là "công chúa" trong các loài hoa. Đẹp thế nên nó quý hiếm. Chẳng thế, người chơi hoa Buôn Ma Thuật, Gia Lai, Kon Tum, cả ở Lâm Đồng - Đà Lạt, thi thoảng lên rừng sưu tầm về chơi hoặc đưa xuống chợ buôn bán. Lan rừng vì thế mà hiếm. Nó bỏ rừng về phổ hết trơn.

Đến mùa hoa là mỗi sáng dân sưu tầm lan rừng vác cưa đục, búa, dây chạt rạch lối trong sương mai vào rừng. Sương còn đọng trên những tán rừng, bảng lảng những làn khói mỏng. Một ngày bắt đầu ở Tây Nguyên như thế. Mà phải kể, người bản địa là lực lượng khai thác lan nhiều nhất, họ thuộc địa bàn, thông thạo đường đi và khu vực phân bố lan rừng nên việc lấy lan trên rừng đối với họ không khó. Họ đi nhiều ngày thu hái lan, do thế mà nguồn lan mất dần. Họ lại vào sâu trong rừng trèo lên sườn Ngock Linh, Thạch Nham, Đak Sao (ở Kon Tum)



Hoặc khu rừng Êa Súp, Êa H'Leo, Krông Bông (Đắk Lak) để lấy.

Anh chủ quán chỉ tay về phía sau nhà, tỉnh ráo, tiếp lời:

- Tôi kiếm được ở rừng Konplong mấy chục giò lan đấy.

Tôi ngạc nhiên hỏi anh:

- Khai thác à ?

-Ồ không! Tôi mà làm chi được trên rừng. Của mua đây ông anh ạ. Có cả mấy chục giò, này nha: Thủy tiên, Ngọc điểm, Đuôi cáo, Long tu...Dân buôn đi lấy, họ băng rừng cắt đường đi đến gần Quảng Ngãi ra Quảng Nam trên dãy Ngock Linh chứ ít chi. Quả là vất vả, đi cả tuần mới về nhà một chuyến. Đôi khi người ta lên tận vùng núi giáp Lào, có thể là cửa khẩu Bờ Y, nơi ngã ba Đông Dương nữa, để tìm. Đi như thế thích chứ nhưng mà nguy hiểm lắm anh!

Anh chủ quán bảo thêm:

- Lan có ba loại chính là thổ lan, thạch lan và phong lan. Thổ lan là lan đất, mọc ở những nơi ẩm, thích hợp hoặc bên bờ suối. Thạch lan là lan đá, mọc trong khe hay trên núi đã có rêu xanh. Còn Phong lan lại sống ký sinh trên cây cao, bóng cả khác. Người ta đi tìm chủ yếu là phong lan. Đây, anh thấy ! Người ta tìm thú vui dân dã mà. Có người tìm thú vui câu cá, có người chơi cây cảnh, đá cảnh, chim cảnh. Tôi lại mê lan rừng. Dân dã quá anh há!

Tôi ngạc nhiên:



- Hèn chi mà hôm qua, dọc theo Quốc lộ 14, tại Kon Tum tôi gặp cái chợ trời toàn là lan rừng, thấy người ta bày bán nhiều lắm.

- Ủ, đúng thế mà. Có Ngọc điểm, Giả hạc, Long tu, Kim điệp, Thủy tiên... đủ loại. Giá cả cũng dân dã như hoa vậy. Dễ thương thức!

Tôi nắm tay anh chuẩn bị tiếp tục cuộc hành trình. Lại nhìn thấy giỏ bơ chủ quán đặt cạnh hiên nhà để bán. Thấy tôi nhìn vào một trái bơ sấp to, đẹp nẩy mình tròn ưỡn, anh chủ quán nín tôi lại bằng giải thích về loại cây trái này. Chà!

- Đây là loại bơ được xem là đặc sản của Tây Nguyên đó anh. Có người nói rằng, người Pháp đã đem các giống bơ vào trồng tại Việt Nam vào những năm 1940, từ đó dần dần cây bơ lan tỏa đến nhiều địa phương, có cả miền núi non miền Trung và Đông Nam bộ nữa. Giống các loại bơ từ xứ sở Trung Mỹ và Mexico đó, Pháp mang sang đây trồng chớ có phải của Pháp đâu anh! Do thời tiết và mưa nắng tại vùng đất đỏ bazan này thích hợp nên cây bơ lên xanh tốt được. Trái bơ có tên là persea americana. Anh nghe kịp không khi tôi đọc gốc mericane, anh có thể nghĩ ngay đến vùng Trung Mỹ rồi. Nó là một loại cây hai lá mầm, thuộc họ lauraceae. Cây nó cao khoảng hai mươi mét, lá chen kẽ, mỗi lá dài 12 – 25 cm, hoa không hiện rõ có màu xanh-vàng, mỗi hoa lớn độ 5-10mm.

Làm sao cắt câu chuyện “bơ” tại đây để tiếp tục cuộc hành trình. Tôi nhướn người bước đi. Anh



chủ quán tiếp tục. Anh nắm trái bơ trên tay, nói thêm:

- Trái của cây bơ giống quả bầu nước, có loại tròn, loại dài, thon nhỏ phần đầu, dài 17-20 cm. Trái bơ dài 20 cm là loại hiếm anh ít gặp, còn phần lớn chừng như trái tôi nắm đây, độ 15 cm cũng được xem lớn lắm rồi đó anh. Trái nặng 100 g, đôi khi anh gặp trái nặng đến 1 kg. Vỏ mỏng, hơi cứng, màu xanh lục đậm, khi chín vỏ ngả sang màu đỏ pha chút đen, Nhưng có loại khi chín mềm, vỏ vẫn còn màu xanh. Đây là loại bơ sáp, thường thon nhỏ phần đầu. Bơ sáp ngon hơn trong các giống bơ. Nếu dùng làm thực phẩm giải khát, loại bơ sáp thường ưa chuộng hơn các loại khác. Khi chín, thịt mềm, màu vàng nhạt giống như chất bơ, vị ngọt.

Ngừng một lát, tôi tưởng anh cho tôi đi. Anh tiếp:

- Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi trồng bơ hai bên nhà để che chắn gió mưa, chớ đâu có nghĩ là lấy trái của nó mà dùng như bây giờ phổ biến vậy. Đến mùa bơ, trái rụng đầy hè không ai muốn lượm, có mua bán chỉ đâu.

Tôi nghe anh nói lại thắc mắc :

- Nếu vậy trồng loại cây khác che gió mưa có phải tốt hơn không, bởi giống bơ cành nhánh giòn, dễ bị gãy đổ ?

Anh lại chuyện trò:

- Người ta vẫn dùng nó để ăn đó chớ, có điều số người trước đây dùng bơ ít. Từ năm ngoái đến



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

nay bỗng dưng trái bơ có giá, người ta lại đổ ra trồng bơ. Dân buôn trái cây thu gòn bơ mang xuống đồng bằng bán, phần lớn là vào thành phố Hồ Chí Minh đó anh.

Tôi nắm tay anh cảm ơn hai ba lần để cắt ngang câu chuyện, chứ không thì... mọi người cùng đi bữa ấy nôn nao lắm. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường dưới cái nắng râm ran của mùa hạ Tây Nguyên.

*

Những người bạn tại Buôn Ma Thuột năm 1978 (A : TL)



Đang
dừng
chân ở
Buôn Ma
Thuột
một buổi
trưa mùa
hè, quả
tình chưa
thể tìm

hiều nhiều hơn về thành phố miền đất đỏ bazan này, chỉ biết qua các trang tư liệu về Tây Nguyên rằng đây là tên một buôn của đồng bào người Ê Đê còn gọi là Êđê Kpă. Buôn Ma Thuột dịch nghĩa tiếng Việt là buôn bố Thuột. Người Pháp đã đặt chân đến đây, họ phát âm tiếng địa phương thành tiếng Lào là Ban Mê Thuột. Đăk Lăk, nơi bắt nguồn của



những trang sử thi anh hùng ca bất diệt của rừng núi Tây Nguyên hùng vĩ, và cũng là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc ít người: Ê Đê, Ba Na, H'Re, M'ông, Sơ Đăng, Gia Rai... Người Ê Đê có những bài dân ca lay động lòng người:

Kìa nàng sơn nữ bên suối ngàn

Gội đầu thơm ca vui véo von

Kìa là em bé ngoan chăn bò

Thả diều theo tiếng sáo vi vu

Ngon lửa thui miếng ngon chín dòn

Rượu cần thơm chung quanh cháu con

*Cụ già châm điếu ngon trên sàn/ Kể chuyện
cao nguyên xưa véo von*¹⁸.

Năm 1976 – 1977, khi tôi học tại trường Cao đẳng Sư phạm Quy Nhơn, đọc trong tài liệu tại Thư viện, có chỗ một người Pháp tên là Henri Maitre, vào ngày 9.9.1905 viết: “*Trên các sườn đồi xanh ròn, chạy quanh, chính giữa có một con suối gọi tên là Ea Tam. Những căn nhà sàn đơn sơ được dựng lên bằng phen tre đan xinh đẹp, nóc lợp bằng rom rạ. Tất cả được bao bọc bởi những hàng rào có xen kẽ những con đường rất xinh đẹp. Trên các con suối là những chiếc cầu. Trên các ngọn núi bao quanh, các ngọn cây được cắt tỉa ngay ngắn. Trên sườn của ngọn núi phía Nam, tòa sứ và các dãy nhà chung quanh tiếp giáp phụ thuộc, nằm ngay giữa một khu vườn trồng ổi, xoài, tùng bách, cây cọ xanh non,*

¹⁸Xuân trên buồn (Dân ca Ê đê. St).



những bồn hoa có cả hoa anh đào của Nhật khoe sắc. Trên một bậc cao là sân chơi quần vợt rất quen thuộc dành cho người Anh. Hơi lùi về phía sau một chút, trên một tầng cấp khác, đằng sau một hàng rào bằng cây chuối, hoa sứ và hoa dân bụi. Tại tòa công sứ là một dinh thự xinh xắn, loại nhà sàn có sàn ván chắc chắn, vách tường làm bằng thân tre cán đẹp và đan bện, nóc nhà rộng, lợp bằng rơm rạ. Một ngôi nhà tương tự như nhà nghỉ mát duyên dáng của Thụy Sĩ.

Đối diện, trên sườn dốc của đồi phía Bắc là nhà của các quan chức bản xứ, doanh trại của lính tập. Phía trên một bậc nữa, về phía con đường làng cách chừng 500 – 700 mét về phía Tây là những cư xá của các thương gia người Pháp. Đi xuống phía con suối và con đường quốc lộ An Nam là các nhà tranh của các thông dịch viên, các tay nài (quản tượng), các vườn rau, khu nghỉ ngơi của bầy voi. Trên cao hơn nữa rất xa, phía sau của bìa rừng cỏ tranh rậm rạp là các ngôi nhà sàn của người bản xứ ở buôn Kram''.

Ai khi đến Đắk Lắk thường nghĩ đến Buôn Đôn, vùng đất này vẫn được coi là quê hương của những người thợ săn và thuần dưỡng voi rừng có một không hai ở vùng Đông Nam Châu Á. Và đây cũng là thủ phủ đầu tiên của Đắk Lắk nếu như thời thuộc Pháp, quân viễn chinh Pháp không dời tỉnh lỵ từ Bản Đôn xuống Buôn Ma Thuột. Săn voi là nghề lưu truyền trong dân gian người M'ông. Theo tộc



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

người M'ông thì voi là biểu tượng linh thiêng, tượng trưng cho sức mạnh của núi rừng, của buôn làng, của mỗi nóc nhà và còn biểu hiện cho sự giàu có của mỗi buôn, mỗi nhà. Khi ở rừng già voi rất hung dữ, nhưng dưới bàn tay thuần dưỡng của những thợ săn M'ông, voi dù hung dữ đến mấy cũng trở thành người bạn thân thiết của họ.

Nghĩ vậy, tưởng vậy là dễ, nhưng không phải chỉ dùng dây chạc bằng da trâu phơi sáu tháng nắng sáu tháng mưa để ghim tứ chi của chú voi rừng mà

*Dây da trâu phơi 6 tháng nắng
6 tháng mưa.*

thuần dưỡng được. Mà thuần dưỡng được không phải dễ. Người M'ông nói rằng chỉ săn bắt những chú voi rừng chừng năm, bảy tuổi thì mới có thể thuần dưỡng và thuần dưỡng nhanh hơn, chú voi đã trưởng thành thì không dễ. Do vậy mà họ chỉ săn bắt voi con năm, bảy tuổi là có thể.



Buôn là làng, bản; *Đôn* là đảo. Buôn Đôn là bản đảo nằm giữa con thác bảy nhánh. Từ hơn 100 năm trước, những người dân trên bản đã dời vào sinh sống trên bờ, định cư bên cạnh dòng thác. Đến bản Đôn được nghe người dân kể người có công



khai sinh ra buôn Đôn là anh hùng săn bắt voi rừng và thuần dưỡng voi không đâu có được là N'Thu K'Nul. Ông đã bắt được hơn 100 con voi rừng, trong đó có hai con voi trắng và ông đã tặng một con cho nhà vua Thái Lan năm 1861. Vua Thái Lan cảm kích tài nghệ, đã phong tặng ông danh hiệu Khunjunop, nghĩa là Vua săn voi. Trước khi yên nghỉ, Khunjunop đã chọn buôn Đôn làm nơi yên nghỉ, mặc dầu người Pháp đã làm nhà cho ông ở tại Buôn Ma Thuật trong khu Khunjunop. Người dân buôn Đôn đã xây mộ cho ông theo kiểu trúc nhà mồ M'ông chen xen họa tiết dân gian dân tộc Lào điển hình theo hình khối trang trí bằng các búp sen đặt bốn góc và trên đỉnh mộ.

Chúng tôi đến buôn Đôn vào những ngày hè cỡi voi thì thật là thú vị, thế nhưng buôn Trí mới là nơi cỡi voi lý thú nhất trong cuộc hành trình. Tại đây, buổi trưa còn có cơm lam giống nhiều dân tộc

Bánh voi



anh em khác, cả người Tày, Nùng ở vùng Cao Bắc Lạng cũng có loại cơm này. Hay đến Hòa Bình, thủ phủ của người Mường, ta vẫn gặp loại cơm lam



ngon miệng như ở Tây Nguyên. Hoặc đến miền Tây đất Quảng người Cơ Tu cũng có loại cơm lam thơm đặc trưng mùi ống giang, ống nứa này.

Đi thuyền độc mộc lại là một thú vị hơn nữa, coi và tham dự một lễ hội công chiêng, lễ hội đâm trâu của người Ê Đê, hoặc một lễ hội đua voi cùng những câu chuyện săn voi với đủ thứ các loại dây chạc dùng để kìm chế hai cặp chân voi to tướng và ghìm sức mạnh vẫy vùng của những chú voi rừng, ta mới thật sự ngưỡng mộ và bị chinh phục bởi tài nghệ của những người M'ông săn bắt voi rừng ở Tây Nguyên.

Vào một căn nhà của người M'ông, có hàng lô gùi, dây chạc bằng da trâu, bò, voi, ngựa, heo rừng, cả những dây bằng mây và các loại dây leo trên rừng nhiệt đới đang treo lủng lẳng bên phen vách ta mới có thể hình dung được để bắt một con voi rừng không phải là đơn giản chỉ nhảy lên lưng voi rồi giơ tay nài ra đóng những dấu búa xuống đầu nó mà trị được. Không dễ!

Hãy đến Bản Đôn một lần để biết!

A: Vò cây dùng làm áo thợ săn





Cùng với đó là những lễ hội theo mùa như lễ Bỏ mả, Tết com mới, Đâm trâu, Dựng cột, Tết giọt nước. Đặc biệt và vui nhộn hơn là lễ hội đua voi hằng năm. Một biểu hiện đặc trưng của Đắk Lắk. Là ngôi nhà dài từ 20 mét đến 30-35 mét của người Ê Đê là một đặc trưng văn hóa cùng với tiếng cồng chiêng trong các lễ hội đã tạo cho Tây Nguyên có một sắc thái văn hóa dân gian riêng, hấp dẫn đầy huyền thoại, tạo nên sức hút kỳ lạ khi đặt chân đến Đắk Lắk - Buôn Ma Thuật, nơi tôi có sáu năm sống và làm việc tại Ea Tiêu và Ea Ktur, Krông Păk./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

SÓC TRĂNG



Chùa Chén Kiếu



Sóc Trăng nổi bật nhất là chùa của người Khmer, có đến 141 cái chùa. Thế nên, đến Sóc Trăng mà không vào chùa Dơi, chùa Đất Sét, chùa Chén Kiểu thì thật là thiếu sót. Và chúng tôi đã vào viếng cảnh chùa.

Hằng năm, người Khmer tổ chức đón Tết cổ truyền với người Kinh, người Hoa và các dân tộc khác. Họ còn đón cái Tết cổ truyền của dân tộc Khmer cư trú trên đồng bằng sông Cửu Long, trong đó Sóc Trăng cũng là tỉnh có nhiều người Khmer sinh sống. Tiếng Campuchia gọi lễ hội Tết này là Chol Chnam Thmây, đây là phong tục Tết mang dấu ấn đậm nét của văn minh nông nghiệp lúa nước đồng thời cũng mang sắc thái của Phật giáo phái Tiểu Thừa. Cũng như người Kinh đón cái Tết cổ truyền của mình, người Khmer xem phong tục tết của họ hết sức thiêng liêng, cao cả. Trong phong tục Tết, họ tổ chức những sinh hoạt kéo dài chi phối một khoảng thời gian nhất định trong năm.

Tết năm mới của người Khmer theo Phật lịch là vào giữa tháng Tư Dương lịch, chọn ngày 13 tháng Tư Dương lịch là ngày đầu năm, nếu gặp phải năm nhuận lại chọn vào ngày Mười bốn tháng Tư.



Đây là thời gian nông nhàn trong năm sau vụ mùa, tiết trời khô ráo.

Thông thường lễ hội Tết kéo dài ba ngày, cách ba năm lại có một năm tổ chức đón Tết tới bốn ngày. Lễ hội thường được tổ chức theo mùa: Lễ cúng trăng, Lễ nhập hạ, Lễ ra hạ. Chùa là nơi tổ chức lễ hội, các sư rất quan trọng trong lễ hội và trong cuộc sống thường ngày các sư vẫn có một vai trò quan trọng. Thanh niên Khmer đến 18 tuổi phải vào chùa tu dưỡng toàn diện các mặt, chuẩn bị cho ngày xuất thế nhập đời sau hai năm tu dưỡng. Sau khi vào chùa hai năm, thanh niên mới được xem là người đã trưởng thành và khi ấy con gái Khmer mới chọn làm chồng. Đến lễ hội Tết, tất cả dân trong Phum, Sóc có nghĩa vụ đóng góp tiền của, lương thực để tổ chức lễ hội Tết. Trong lễ hội, người Khmer dù nghèo đến mấy cũng phải sắm lễ vật đến chùa cúng Phật và xem đây là nghĩa vụ. Trong hội Tết các lễ thường kéo dài suốt đêm và gắn với những truyền thuyết của đức Phật. Lại có khi có lễ diễn ra vài ba ngày kèm theo các sinh hoạt văn hoá, văn nghệ truyền thống của người Khmer. Chẳng hạn múa Răm Vông, nghệ thuật hát Dù Kê, hoặc nghệ thuật tuồng Ro Băm...và đồng thời có các trò chơi dân gian khác như kéo co, bắn bi sắt, đập nôi, chạy đua, nhảy bao bố... Trong sinh hoạt lễ hội, tất cả mọi người trẻ, già, trai, gái đều hát và múa theo tiếng nhạc có tiết tấu vui nhộn. Vì rằng xuất phát từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước cho nên người



Khmer vào lễ hội là những người nông dân. Ban ngày họ lam lũ ngoài đồng, đêm tham gia lễ hội, hoá thân thành những công chúa, hoàng tử trong các vở tuồng để phục vụ bà con.

Món ăn cổ truyền của ngày Tết Chol Chnam Thmây là bánh tét, các loại bánh ngọt và trái cây. Trong lễ hội Tết, nghi lễ được tiến hành theo thứ tự:

1. Lễ đón giao thừa được cúng tại mỗi nhà để đưa tiễn thần Têvôđa của năm cũ và rước thần Têvôđa mới vào nhà.

2. Ngày đầu năm vào giờ tốt nhất, nếu buổi sáng lúc 7 giờ, nếu buổi chiều lúc 5 giờ mọi người với y phục sang trọng, đẹp mang lễ vật lên chùa gần nhất làm lễ rước lịch Sankran mới, sau đó tiến hành lễ Phật. Buổi tối các trò chơi dân gian được tổ chức tại sân các chùa đến khuya.

3. Ngày thứ hai, mọi người lên chùa dự lễ dâng cơm sáng và cơm trưa cho các vị chức sắc sư sãi trong chùa gọi là lễ Wen Choong Ham. Trước khi ăn cơm, các vị sư tụng kinh và sau khi dùng cơm xong lại có lễ chúc phúc cho những người đến dâng cơm.

4. Buổi chiều là lễ Đắp núi cát gọi là lễ Puôn Phnon Khsach. Lễ này tiến hành theo truyền thuyết Phật giáo Tiểu Thừa, núi cát được đắp lên để cầu phúc, núi càng cao thì phúc càng lớn. Cát được mang đến sân chùa, mọi người cùng với sư sãi đắp thành những ngọn núi quay về chín hướng tượng trưng cho vũ trụ. Giữa là một hòn núi lớn tượng



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

trung cho trung tâm vũ trụ. Núi đắp xong làm lễ Quy y cho núi, sáng ngày hôm sau tiến hành lễ Xuất thế.

Núi Cát (st)



5. Ngày thứ 3 tiến hành lễ tắm cho sư rất trang trọng, sau khi dâng cơm sáng và cơm trưa cho các vị sư xong, mọi người đem nước có hương thơm của các loại hoa cùng hương, đèn đến làm lễ tắm cho tượng Phật thờ trong chùa. Sau đó là lễ tắm cho các vị sư cao tuổi trước. Sau tắm là lễ cầu siêu cho những người đã khuất. Xong lễ tắm tại chùa, mọi người trở về nhà và tắm cho tượng Phật được thờ tại gia đình mình. Ông, bà, cha, mẹ được mời ra tắm trước, con cháu tạ ơn, tạ lỗi trong năm cũ, chúc phúc, dâng lễ vật bày tỏ lòng hiếu thảo của mình đối với các bậc bề trên.



6. Tối, các hội, trò vui dân gian được tổ chức, kéo dài cho đến khuya.

Vào chùa Bửu Sơn Tự, cũng gọi chùa Đất Sét. Chùa nằm sâu trong một con hẻm, vào chùa phải qua một dãy hàng quán bán hàng tạp hoá mà nhiều nhất là hoa trái và hương nhang. Chùa không rộng, từ đường hẻm bước lên mấy bậc tam cấp là vào ngay chùa. Trong chùa đồ thờ đủ các loại, từ lu hương, chân đèn đều làm bằng đất sét, có ba cây đèn sáp to lớn khác thường... Một toà sen bằng đất sét có cả nghìn cánh sen hồng, trên mỗi cánh sen có một tượng Phật nho nhỏ như ngón tay. Do chùa làm toàn bằng đất sét nên gọi thế. Cụ già trông coi chùa bảo: Nơi đây là vùng đất sét nên nhà chùa dùng vật liệu tại chỗ để xây dựng nên chùa. Anh nghe đấy, tại Ninh Bình, người ta xây dựng rỗng rã trong ba mươi năm mới xong một nhà thờ bằng đá, thì ở đây có chùa Đất Sét. Trong chùa ần tượng nhất vẫn là đôi đèn cầy đang thấp cháy suốt nhiều năm liền. Cũng theo lời ông cụ trông chùa thì đôi đèn này được thấp cháy từ những năm bảy mươi của thế kỷ XX và dự kiến đến năm 20... thì tắt. Lúc đó người ta sẽ thấp tiếp đôi đèn thứ hai lên và nó sẽ cháy như thế đến 70 năm nữa. Hiện trong chùa đang có hai đôi đèn dự trữ đúc từ những năm 60 và sẽ tiếp tục đúc thêm một đôi nữa cho ngày sau. Vào Chùa Đất Sét, quả tình tính trang nghiêm của phong thái chùa chiến biến mất mà chỉ bằng bạc một phong thái dân dã hết sức thân thuộc, gần gũi. Đây là cái hay bắt gặp tại



chùa Đất Sét. Tôi đang dạo từng bước chậm chậm xem từng chi tiết nhỏ với háo hức rằng có phải là đất sét chẳng! Bỗng một người trong đoàn ghé tai nói nhỏ: Thật là kỳ công hết sức. Đúng là như thế, quả đã có rất nhiều công sức khi phải dùng đất sét để nặn thành những tượng Phật, lư hương, chân đèn,... nhiều thứ khác nữa, điều đó cho hay rằng người có ý tưởng dựng chùa với niềm tin thuần khiết.

Chùa Salôn (Mahatup), cũng gọi Chùa Dơi.

Chùa xây dựng năm 1569 đến nay hơn 430 năm rồi. Chùa có đến 18 đời Đại đức trụ trì. Đây là ngôi chùa của người Khmer, do thế kiến trúc hoàn toàn theo phong cách Khmer. Từ ngoài vào trong chùa chia làm ba khu, đầu tiên là khu dùng cho các sư ở, bên trái là khu chính, sâu vào bên trong là thư viện, nơi dành cho các sư đọc sách và là nơi lưu trữ kinh Phật. Có 120 quyển kinh viết bằng chữ Khmer. Vào nơi các sư ở, tôi ngạc nhiên vì hai bộ giường cổ, các be giường có chạm xà cừ sáng loáng, có vách phía trong cao lên như cái kiệu. Hỏi ra thì được các sư cho hay rằng nhà chùa đã đổi cho công tử Bạc Liêu bốn mươi gia lúa để có được hai giường này. Một giường mùa đông và một giường mùa hạ, theo mùa mà nằm cho thích hợp. Các sư nói như vậy. Hai cái giường quả là rất đẹp, chạm trổ những đường nét hoa văn dân dã, tinh xảo, nếu chia ra từng chi tiết thì dường như ra vẽ cầu kỳ như cách của dân gian ta thường gặp, nhưng không đến nỗi không làm



bắt mắt. Lại còn một bộ bàn ghế cổ cũng chạm trổ đẹp không kém hai cái giường, cũng là của công tử Bạc Liêu mà nhà chùa mua về. Chúng tôi đi thêm vào trong, nơi có chiếc ghe bằng gỗ úp xuống đặt trên một giàn chống đỡ, đây là một chiếc ghe Ngo. Chiếc ghe mang từ Campuchia về, nhìn kỹ, ghe được ghép bởi hai thân gỗ lớn. Một sư của chùa ngồi gần đây nói rằng: Ghe dài đến hai mươi bảy mét, lòng ghe có thể đủ cho năm mươi bốn người ngồi chèo lái. Ghe được bảo quản cẩn thận, hể đến mùa đua ghe Ngo trên sông nước đồng bằng, chỉ thanh niên trai tráng trong ấp, trong bum tham gia mà thôi chứ các sư không ai được bơi ghe cả.

Từ phía sau chùa nhìn lên những cây cổ thụ to cao, ta có thể trông thấy rất nhiều những con dơi hai chân bám chặt lấy cành, thả thân xuống treo lủng lẳng, hai cánh ôm lấy thân và đầu vào trong mê ngủ, mặc cho gió có rì rào đến mấy. Có thể đây là một hiện tượng hiếm gặp của vùng đồng bằng Nam bộ, bởi không đâu lại có dơi nhiều đến thế và mỗi con dơi, dang rộng bằng hai cánh tay người lớn. Cánh dơi khi sải ra có thể đo được một mét đến một mét rưỡi, da cánh mỏng màu nâu sậm. Thịt dơi và tiết dơi là đặc sản. Tuy dơi nhiều như thế nhưng không ai dám bắt hay bán dơi để bán lấy tiền, làm như thế có thể bị phạt, đó là cách để bảo vệ sự sống cho đàn dơi. Nhà chùa và chính quyền ở đây cứ ngong ngóng sợ rằng dơi có thể bay đi cư trú ở một nơi



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

khác, nếu chúng bị bắn phá, điều ấy xảy ra thì chùa Salôn không còn là chùa Dơi nữa.

Lại còn có trong chùa Dơi là một “cơ ngơi” của heo năm móng. Một anh bạn nhìn thấy một dãy chuồng nuôi heo và ba ngôi mộ xây bằng ciment hẵn hoi, có đặt tấm bia cho mỗi mộ. Em gái đi cùng tôi, chỉ tay, tôi thấy trên bia có ghi ngày tháng con heo chết. Chùa còn thấp hương tưởng niệm thờ cúng y như thờ người vậy. Heo năm móng là những con heo sinh ra đã thấy một chân có năm móng. Đây là chuyện khác thường. Gặp thế, người có heo mang đến cho nhà chùa. Đây là một tín ngưỡng dân gian của người Khmer Nam bộ. Chùa tổ chức nuôi heo năm móng như nuôi người, cho ăn uống tử tế, tắm rửa sạch sẽ, da dẻ đỏ au.

*Ảnh: Nghĩa
địa heo 5
móng
(internet)*





Lúc chúng tôi đến chùa, hiện có bảy con heo lớn và nhỏ.

Chuyện về heo năm móng, dân gian kể rằng: ‘Xưa kia có một ông cụ tên là Khiêm, ông thường đến chùa cúng dường, làm công quả. Một hôm ông thực hiện việc công quả xong, ông ngủ luôn tại trai phòng, ông nằm mộng thấy một người phụ nữ từ đâu đến gõ cửa chùa xin được quy y cõi Phật. Sáng ra cụ mở cửa phòng gặp một con heo nằm ngay trước cửa bước ra, đầu heo hướng về phía chùa. Heo phì phó nằm ngủ ngon lành. Cụ Khiêm đẩy đuổi heo đi chỗ khác, nhưng heo nhất định không di. Cụ nhìn xuống chân heo thấy một chân có năm móng. Heo cứ quanh quẩn sân chùa. Để phân biệt cụ đặt tên heo là Năm Hợi. Heo vẫn ở trong khuôn viên sân chùa. Heo hiền lành, trông ngoan hiền, các sư thầy thường ngày đưa thức ăn cho heo.

Một thời gian, heo rồi cũng già, đây là chuyện ‘sinh lão bệnh tử, tự cổ thường nhiên’. Vào một ngày tháng bảy năm 1996, heo Năm Hợi chết.

Một ngày có người phụ nữ đến chùa khóc sướt sùi thưa với các sư thầy tại chùa rằng, ‘Đêm qua người mẹ quá cố của con báo mộng cho hay rằng mẹ đã hóa kiếp biến thành heo đang sống ở chùa Mã Tộc. Con xin các sư thầy cho con được làm lễ cầu hồn để linh hồn mẹ con siêu thoát.



Nghe chuyện, sư trụ trì chùa đồng thuận để cho người phụ nữ kia đạt được ước nguyện. Lễ cầu siêu xong, người phụ nữ xây mộ cho heo Năm Hợi. Trên bia mộ lại vẽ hình con heo có một chân năm móng và ghi Năm Hợi.

Sau lần đó tiếng đồn gần xa, hễ nhà ai có heo năm móng mang đến gởi chùa nuôi giúp. Đến khi heo chết, nhà chùa báo tin gia chủ đến làm lễ an táng cho heo, chôn phía sau chùa, xây mộ yên mả đẹp cho heo.

Dần dần sau chùa có một nghĩa địa heo với bốn ngôi mộ.



Dơi sải cánh (có cá thể) dài 1,5 mét



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

LONG AN



Lúa nàng thơm Chợ Đào(Internet)



Ngày...tháng 8 năm 2003

Ca dao Cần Đước:
- Lâu lắm không về thăm Cần Đước
Ăn gạo nàng thơm cá bóng kèo.

- Gạo Cần Đước, nước Đồng Nai
Ai về xin nhớ cho ai theo cùng.

Lúa của huyện Cần Đước được trồng nhiều nhất tỉnh Long An, tại đây có lúa nàng thơm nổi tiếng khắp vùng. Xưa kia là đặc sản của vùng đất Gia Định. Đến chợ Đào ¹⁹ thuộc xã Mỹ Lệ huyện Cần Đước ta sẽ thấy những tấm pano, tấm biển quảng cáo cho loại gạo thơm, dẻo nức vùng: " *Gạo Nàng thơm tài nguyên chợ Đào*". Gạo nàng thơm có sắc trắng ngà, hạt to tròn trịa, giữa hạt có một phôi nhỏ màu đục hơn, dân trồng lúa nàng thơm gọi là "hột thị/ lựu", chính "hột thị/ lựu" và vỏ cám quanh hạt gạo là dấu hiệu đặc trưng của nàng thơm, và

¹⁹ Chợ nằm gần con kinh đào nên gọi thế.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

cũng chính hạt này mà gạo nàng thơm dẻo, có mùi vị thơm lừng như ta biết.

Truyền thuyết dân gian kể: *Cái tên gạo Nàng Thơm xuất phát từ một chuyện tình buồn giữa nàng Thơm và chàng trai nghèo khó trong thôn. Do môn đăng hộ đối nên hai người không đến được với nhau. Nàng Thơm đau buồn qua đời. Hay tin người yêu mất, chàng trai đến bên mộ khóc than rồi chết theo nàng. Chỗ họ chết mọc lên giống lúa mới, lúa cho gạo có mùi thơm, hạt gạo có màu trắng đục như màu nước mắt lúa đôi.*” (Theo Hoàng Nam).



Gạo nàng thơm Chợ Đào (internet)

Gạo nàng thơm ăn với cá bống kèo là ngon. Cá có mình thon dài như chiếc đũa tre, kho rim ăn với cơm nàng thơm thì tuyệt. Hoặc ăn với mắm còng là đặc sản: *Thương anh muốn tặng mắm còng/ Nhớ em anh xuống Phước Đông anh tìm. Anh Tấn*



ở Cần Đước kể: Người trước kể rằng thời Minh Mạng, gạo nàng thơm chợ Đào được mang tiến cung cho vua. Từ năm 1838, triều Huế quy định mỗi năm nộp 100 hộc lúa, lựa lấy loại bông thưa, thu hoạch chậm hơn lúa thường tại một số xã thuộc huyện Phước Lộc, nay là hai huyện Cần Đước và Cần Giuộc mang ra Huế.

Tôi hỏi anh Tấn: Gạo nàng thơm là giống ở ta hay lai từ đâu đến? Anh bảo: Không rõ anh ơi, nhưng chắc lai tạo từ các giống lúa bản địa, có lúa nàng quýt, lúa nhỏ, lúa đuôi trâu, ...sạ cấy lâu ngày tự nó lai thành giống nàng hương. Rồi anh cần trọng: Tôi nghĩ vậy đó anh!

Miền sông nước phương Nam có trữ lượng tôm cá vào bậc nhất nước, chỉ cần đưa một lần lưới xuống sông là có thể kéo lên một xuồng ba lá cá kèo. Cũng có khi người dân nơi đây ăn cá kèo của các chủ trại đáy, họ dùng đũa gấp con cá kèo bằng ngón tay bỏ vào miệng, vuốt một cái, trên đũa của họ chỉ còn cái đầu và bộ xương. Người dân nơi đây bảo rằng cá ngon theo từng khúc, khúc đuôi và bụng có vị ngon khác nhau, cứ ăn một kiểu như vậy cho xứng với xứ sở cá kèo.

Chúng tôi đến tận ruộng để xem cây lúa nàng thơm, trông cũng giống cây lúa chị em mà! Một “hai lúa” làm ruộng, chống cây sào, đứng tréo chân nghỉ tay, bảo rằng: Khi gạo nàng thơm ở đây nức mùi đi tứ xứ thì cũng lắm vấn đề lo cho hạt gạo như là thương hiệu, chất lượng, sản lượng, ...mạng lưới thu



mua, ...cả xuất khẩu khỏi địa phương nữa. Lắm thứ phải làm quanh hạt gạo năng thơm Chợ Đào - Mỹ Lệ đó anh.

Rồi anh tiếp: Gạo năng thơm, người dân Chợ Đào chỉ trồng trên 400 ha ruộng của ấp Mỹ Lệ thôi, ngoài Mỹ Lệ ra thì không làm sao trồng được, “hột thị” sẽ không xuất hiện trên hạt gạo. Thế là không còn là năng thơm nữa. Vì chất đất, nguồn nước ở Chợ Đào thích hợp với cây lúa năng thơm.

Tôi thắc mắc với anh: Gạo hiếm là vậy nhưng về tận miền Trung vẫn thấy có bán gạo năng thơm trong bao 10 kg. Anh Tấn đoán rằng: Chắc là gạo thơm thôi chứ không phải gạo năng thơm. Ở Cần Đước này người ta trồng giống năng thơm thật sang các xã khác, nhưng do bùn, đất, nước đã không còn là năng thơm nữa, tuy thế nó vẫn dẻo và thơm ngon, có điều mùi thơm, độ dẻo không phải là nguyên gốc. Vì lẽ đó mà họ bán được. Và lại người dùng gạo năng thơm ở Trung như các anh có biết hạt nào là năng thơm Chợ Đào đâu mà phân biệt được có hay không trên thị trường.

Rồi anh bảo:

- Dân bọn tui ở đây mà ăn gạo Đồng Tháp chứ có đâu năng thơm mà nấu. Bởi vì bốn trăm héc ta làm sao cung cấp vừa giống, vừa dùng làm quà cho đủ, lấy đâu mà nấu ăn bữa được. Muốn có gạo năng thơm biểu người quen trên tỉnh phải đặt trước khi lúa mới ngã đồng thì may ra có được, chớ không cũng hỏng.



Và thế là bữa ấy chúng tôi đã đi ngang qua Đồng Tháp Mười rồi. Đồng Tháp Mười nằm ở phía đông sông Vàm Cỏ Tây kéo dài đến tận bờ sông Vàm Cỏ Đông. Từ Đồng Tháp muốn giao lưu ra các miền đã có nhiều cửa để tiếp xúc: phía đông có châu thành Long An (Tân An), phía bắc là huyện Mộc Hoá và châu thành Soài Riêng, phía tây là huyện Hồng Ngự, phía nam là huyện Cao Lãnh, huyện Cái Bè và chợ Cai Lậy. Chiều ngang từ Hồng Ngự tới Long An là 120 km, chiều dọc từ Cao Lãnh tới Soài Riêng chừng 70 km. Diện tích Đồng Tháp mười khoảng 8.000 km².

Tại Cần Đước, chúng tôi biết thêm về một loại lúa sạ cách đây đã lâu được nhập vào ruộng đồng Nam Bộ.

Đi đầu là An Giang, trong đó An Biên là vùng trồng lúa nhiều nhất tỉnh, rồi huyện Kiến Phong của tỉnh Kiên Giang; Vĩnh Long; Phong Dinh thuộc thành phố Cần Thơ. Những vùng này trước đây hoàn toàn tùy thuộc vào mực nước lớn ròng của con sông Cửu Long. Vào mùa nước nổi, mực nước có lúc cao tới bốn mét, trong điều kiện đó không có giống lúa bản địa nào sống nổi. Chính vì thế mà trước đây người dân Nam bộ đành chịu bỏ hoang một vùng rộng lớn ruộng sạ và thế là cây tràm có dịp mọc lên thành rừng, gọi rừng tràm. Cách đây chừng một trăm năm người dân Nam Bộ chuyên canh tác một loại lúa gọi là “*lúa giáng*” sau khi nước nổi rút khỏi ruộng đồng. Nhưng lại có khó khăn do



loại lúa này tốn nhiều công sức và tiền bạc mà kết quả cho thấy rất bấp bênh thường hay mất mùa, mà đã gặp năm mất mùa thì mất nặng. Những năm mất mùa lúa người Nam bộ thường thay cơm bằng bắp.

Nhưng ngay sau đó không lâu, một nông dân “hai lúa” ở An Giang là cụ Phan Văn Vang đã tìm được một loại lúa nổi từ vùng Biển Hồ Tông Lê Sáp (Campuchia) mang về quê nhà trồng thử. Sau một mùa vụ cho thấy lúa có khả năng thích hợp với đồng bằng Nam Bộ và cho năng suất cao, từ đó vài ba năm sau, lúa phát tán đi khắp nơi ở đồng bằng Nam bộ. Người dân phấn khởi. Đặc điểm của lúa này là nở bụi nhanh, phát triển tốt, cứ nước lớn đến đâu,



cọng lúa dài theo đến đó vượt lên trên mặt nước. Trong 24 giờ có thể dài ra từ 4-6 cm có khi hơn thế tùy vào đất xấu hay tốt. Từ đó, người nông dân Nam bộ tiếp tục tìm kiếm thêm những loại lúa có khả năng



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

thích hợp với vùng từ Thái Lan, Campuchia mang về canh tác. Cây lúa phát triển tốt đến nay.

Các giống lúa ở đồng bằng Nam bộ trước 1975 được chia làm 2 loại: lúa lỡ mùa sạ ở những nơi ruộng cao, ngập từ 1 đến 2 mét nước và lúa sạ ở ruộng sâu, ngập từ 2 mét nước trở lên trong mùa nước nổi./.



PHÚ QUỐC





Ngày...tháng 8 năm 2003

Từ Rạch Giá, chiếc tàu chất lượng cao Super Đông đưa chúng tôi ra Phú Quốc. Tàu chạy như bay trên nước. Sau 2 giờ 40 phút vượt qua vùng biển Kiên Giang - Phú quốc 120 km. Huyện đảo Phú Quốc hiện ra xanh thắm một màu. Bốn bề là bể cả mênh mông, đứng ở đâu trên bên tàu An Thới cũng nhìn thấy nước xanh tươi mát, vẻ hoang sơ đâu đó ủa về trong tâm tưởng. Lên đảo một thảm rừng xanh um, bạt ngàn trùm lên như cái nón. Rừng Phú Quốc chiếm hết 70 % diện tích (chừng 50.000 ha) có trên một ngàn loài chim đang sinh sống. Hệ động thực vật cũng khác nhau. Giả dụ rằng từ trên máy bay nhìn xuống sẽ có một đường viền quanh đất đảo, trong đường viền ấy ta gặp những bãi biển rất đẹp như Bãi Vòng, Bãi Thom, Bãi Sao, gành thì có Gành Dầu...tạo cho đảo Phú Quốc có một sức hấp dẫn riêng. Cả ngàn năm rồi sóng vẫn vỗ bờ tha thiết, vào những hàng dương xanh mát ven bờ.



Phú Quốc xưa nay vẫn là một trong mười ba hòn đảo đẹp nhất thế giới. Chúng tôi đến đây có thể tắm biển, ngắm rừng xanh vời vợi. Vòng quanh đảo một lượt nhận ra Phú Quốc phát triển từ phía Nam, ngay tại Thị trấn Dương Đông và khu chợ, bến tàu thuyền An Thới, và cả khu Bắc cũng thế. Vào suối Đá Bàn, suối đẹp, quanh năm nước chảy rì rào, mọc lên giữa dòng chảy là những tảng đá phẳng phiu, có thể nằm trên đó mát lưng. Hai bên suối là sâm và các loại phong lan rừng đua nhau mọc chen chúc.

Huyện đảo Phú Quốc gồm 27 đảo lớn nhỏ, có diện tích tự nhiên gần 600 km². Rừng chiếm 2/3 diện tích đảo, trong đó có đến 14.000 ha rừng nguyên sinh, gỗ và động vật quý hiếm. Đảo Phú Quốc dài 50 km, rộng nhất 25 km, từ trên nhìn xuống như một chiếc lưỡi rìu hay lưỡi mác. Đảo mọc lên 99 ngọn đồi chen nhau nhấp nhô kéo từ Bắc xuống Nam. Từ An Thới vào trung tâm huyện lỵ, hai bên đường những cây cổ thụ to lớn có chừng vài người ôm mới hết, một số loài quý hiếm như gỗ trai, huỳnh, kim giao hay kỳ nam. Còn hệ động vật thì khỉ, heo rừng thì vô số kể. Lại có loài hiếm như cá sấu, cua đinh, chim hồng hoàng, khỉ trắng, có cả sói rừng thường hú về đêm nữa.

Ra Phú Quốc thấy được loài chó hiếm và được nghe kể về giống chó này:



Vùng Bầu, Phú Quốc

*Chó Phú Quốc
nhỏ, nhanh
nhẹn, mỗi khi ở
cũ, chúng
thường ra rừng
đào hang lột ô
ròi để chửi nhát
định không để ở
nhà, dù chủ*

*nuôi có chăm sóc từ tẻ đến mảy. Để xong, con đã đi
cứng được thì mẹ con lại dắt nhau về nhà quây quần
bên chủ. Hoặc có lúc loài chó này tự tổ chức một
cuộc đi săn trong rừng nguyên sinh để bắt heo rừng,
thỏ. Chúng tụm lại, cả đàn bao vây một con mồi,
con đầu đàn xông vào cắn cổ, cả đàn thừa đó xáp
vô lời chiến lợi phẩm về nhà. Hay chuyện về một
con “dệnh” quần nhau thí mạng cho đến chết với
một con trăn rừng cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng
để cứu chủ.*

Xuống biển, lần đầu tiên đặt chân lên cát bãi
Thơm, nơi chỉ cách Campuchia Chùa Tháp hơn hai
giờ đồng hồ tàu chạy. Tôi từ nhỏ đã sợ nước, nắm
tay em, bước xuống Bãi Thơm của Phú Quốc lần
đầu và chắc, cũng chỉ một lần và không bao giờ lặp
lại. Trên bãi biển, cảm giác lạ biết bao! Cũng là cát,
là bãi như cát, bãi của Đà Nẵng, vậy mà thật xao



xuyên nơi tôi! Bước trên cát được một đoạn, trời lại đổ mưa, ngầy ngất phóng tầm mắt nhìn xa về vùng vịnh Thái Lan, điệp trùng màu nước xanh lơ.

Người Phú Quốc trồng tiêu, làm nước mắm, nuôi trai lấy ngọc, làm hàng thủ công mỹ nghệ từ ngọc trai, đòi hỏi. Khí hậu Phú Quốc trong lành, biển xanh như ngọc, mát rượi, các bãi biển đẹp tuyệt vời gắn liền với những huyền thoại như bãi Khem, bãi Vòng, bãi Cạn, bãi Giếng Tiên, bãi Dương Đông, bãi Thơm... Ở bãi Dương Đông chúng tôi hòa vào gió biển, thưởng thức vẻ đẹp của bờ, hàng dừa, nhâm nha ly rượu vang sim. Rượu vang sim dễ uống, lại uống với gỏi cá, lẩu nấu với hải sản thì thật tuyệt. Rượu uống lâu say mà có say cũng không đến nỗi như say rượu gạo. Lại còn có thể tìm thấy đặc sản sò ở Phú Quốc, và ra xa bờ một chút câu cá, câu mực cả ngày vẫn không biết chán.

Mùa sim Phú Quốc chín từ tháng giêng đến cuối tháng tư Âm lịch. Khi chín, trái sim ngả sang màu tím, mọng nước. Trước đây, sim chín được nhà nông hái mang ra chợ Dương Đông, An Thới bán theo lon, rổ rá để ăn chơi trong lúc nhàn nhã. Nay thì sim trên huyện đảo được dùng để ủ rượu, người tứ phương tụ lại, nhâm nhi vài ly rượu thưởng thức mùi vị ngọt ngào cây trái vùng đảo và đặt cho nó một cái tên Tây là rượu Vín Sim. Chúng tôi Nghĩa Khiêm Sang Hải Lan Huyền đi chậm chậm trên bãi Dương Đông. Em gái trong đoàn hát nho nhỏ bài ca:



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

*Đẹp lắm em ơi chiều chân trời
Ta tìm chi trên đầu sóng xô xao
Đêm Phú Quốc nhẹ tênh mùi biển già
Trăng chênh vênh mặt bể xanh rờn
Gió Dương Đông ngược chiều bầu Vỹ
Ly nước dừa hạt muối mặn hơn
«Ra huyện đảo có em mà xa lạ
Tưởng gần nhau sóng đẩy xe thêm!»
Trong đôi mắt có ngàn lời tình tự
Em mặn mòi dịu ngọt thanh tân
Một sớm Kiên Giang, một chiều Phú Quốc Châm
chạm thôi, sợ ngày vui mất dưới chân hài.*



Đình Cậu, Phú Quốc



Tại di tích nhà tù Phú Quốc được nghe thuyết minh viên kể chuyện về nhà tù. Kể rằng: Nhà tù Phú Quốc, nhà giam Cây Dừa là khu 2 trong số 12 khu của nhà tù này, nơi đây quân Mỹ đã tiến hành tra tấn những người cách mạng bằng cách: đóng đinh vào đầu, vào xương sống, đục răng, tháo khớp... Canh nhà giam Cây Dừa là nhà của tên cai ngục khét tiếng tại Phú Quốc vẫn còn sống. Chúa ngục có mỗi tài chỉ cần dùng búa đục một cái là cả bộ răng của tù nhân rớt ra ngay, hoặc không rớt cũng lung lay hết cả hàm. Khô một khô vào mắt cá, khớp văng ra... Thế đấy! Rồi gì nữa? Lại cái chảo dùng để nấu dầu rưới lên người tù.

Mấy người ngoại quốc tới tham quan khi nghe thuyết minh đến đây, họ nhún vai, lè lưỡi nhìn chiếc chảo đặt trên giá ở nhà bảo tàng. Lại còn chiếc roi cá đuối đánh tù nhân nay cũng được lưu giữ cẩn thận.

Tại nhà tù Phú Quốc thường có những cuộc vượt ngục ngoạn mục mặc dầu những người giữ tù đã hết sức canh phòng cẩn mật. Đến đây chúng tôi được nghe hai cuộc vượt ngục tài tình của anh em tù trên đảo.

Cuộc vượt ngục đêm 12 tháng 5 năm 1971 ở phân khu 5A do 26 người tù tổ chức. Tất cả họ vượt ra bằng đường hầm tìm về căn cứ cách mạng của huyện đảo Phú Quốc. Tại đây tiếp tục hoạt động, chiến đấu mãi đến ngày 6 tháng 7 năm 1972, cơ sở tổ chức một chiếc ghe bí mật ra đón về chiến khu



Trung ương cục, một số tiếp tục ở lại trên đảo chiến đấu đến ngày giải phóng.

Cuộc vượt ngục ngày 31 tháng 8 năm 1971 do 40 anh em tù thuộc phân khu C 8. Hôm ấy gần 2 giờ chiều tính theo giờ miền Nam ngày 31 tháng 3 năm 1971, giám thị phân khu C 8 nhận 40 anh em ra ngoài khu làm lao dịch. Các anh thấy đây là thời cơ thuận lợi để tổ chức vượt ngục mà trước đây tổ chức cơ sở trong tù đã chỉ đạo và bàn kế hoạch. Cả một ngày lao động ngoài trại xong, ai cũng thấm mệt nhưng tinh thần vẫn quyết một phen vượt khỏi tù đầy về với cách mạng. Chừng 5 giờ chiều, có sáu lính áp tải tù chính trị lao dịch lên xe quân sự GMC bịt bịt kín bụng chở về lại khu giam giữ. Trên xe lúc ấy có 4 tên lính xách súng đứng gác chừng, còn có 2 lính trên ca bin, hai lính này chắc chỉ huy nên đeo súng ngắn ngòi hút thuốc quân tiếp vụ hiệu Ruby queen. Khi xe đang chạy đến dốc miếu Cô Sáu, theo hiệu lệnh, các tổ phân công trước bắt đầu hành sự. Chớp mắt, anh em đã dọn ngay 3 tên lính, đoạt 3 súng, xong chạy thẳng vào rừng. Nghe tiếng súng nổ, lính giữ trạm xá ở gần đấy bắn súng theo sau nhưng tất cả anh em không ai hề gì. Vẫn chạy về căn cứ kháng chiến trên đảo. Một lúc sau, mấy chiếc trực thăng bay ào đến bắn rốc két và nhả đại liên từ trên máy bay xuống cánh rừng có các chiến sĩ đang thần tốc chạy nhanh. May mắn là rừng đã che chở cho anh em luồn rừng, cắt đường, băng suối càng xa nơi giam giữ chừng nào càng tốt chừng ấy. Đêm



*xuống kín bụng, mò mẫm trong đêm tối, các anh dò
rừng tìm nguồn nước uống, tìm cây trái ăn qua bữa
gồm sim, bứa, lá cây chay... chờ thời cơ mới. Mãi
đến ngày thứ 3 thì đụng phải mìn, mìn nổ làm cho
một bạn tù quê ở Mỹ Hạnh, Long An hy sinh. Đến
lúc này thì rối bung cả lên nhưng thời may lại đến,
anh em du kích nghe tiếng nổ đi quan sát tình hình,
lại gặp anh em tù vượt ngục trở về. Tổ chức chôn
cất cho bạn đã hi sinh xong, du kích đưa anh em về
căn cứ. Cuộc vượt ngục thành công. Sau đấy, các
anh được du kích hướng dẫn tìm về căn cứ cách
mạng của huyện đảo Phú Quốc. Tại đây một số về
đất liền công tác tiếp, một số ở lại trên căn cứ đảo
chiến đấu cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải
phóng./.*



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

TRẦN VINH



Hàng cây bên ao Bà Om



Ngày...tháng 8 năm 2003

Đến Trà Vinh mà không thăm đền thờ Bác Hồ do nhân dân xã Long Đức lập ra để thờ Bác là thiếu sót.

Giữa lúc cuộc kháng chiến lên đến đỉnh quyết liệt nhất, ngày 3.9.1969 tin Chủ Tịch Hồ Chí Minh từ trần. Không riêng gì Long Đức, khắp miền Nam trong ngày đầu tháng 9 bàng hoàng sững sốt khi được tin này, nỗi buồn thương tiếc không trừ tâng lớp nào, kể cả đồng bào đang sống trong vùng chưa giải phóng.

Tối 10.9.1969, Ban chấp hành Thị xã Trà Vinh tổ chức truy điệu Bác tại ấp Vĩnh Hội, trong giờ phút thiêng liêng, mỗi người dân Long Đức quyết tâm biến đau thương thành sức mạnh để thực hiện cho bằng được những ước mơ và những điều căn dặn trong di chúc thiêng liêng của Người. Để tỏ lòng nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại, mỗi cán bộ chiến sĩ và người dân Long Đức đều có nguyện vọng thiết tha muốn lập bàn thờ Bác ở cơ quan, đơn vị hoặc nhà riêng của mình; có nhiều ý kiến đề nghị xây dựng một nơi trang nghiêm và xứng đáng để mọi người cùng chung thờ cúng Bác Hồ. Sự mong muốn chính đáng và những tình cảm vô cùng cao quý ngày càng



chín muôi đã trở thành sự thôi thúc mãnh liệt. Cuối năm 1969, Thị xã Trà Vinh ban hành nghị quyết xây dựng đền thờ Bác.

Việc xây dựng đền thờ Bác thể hiện tấm lòng của đồng bào Kinh-Khmer Long Đức đối với Bác, cũng vừa khẳng định một lời thề son sắc với Bác về quyết tâm chiến đấu cứu nước của nhân dân một xã vùng ven.

Có ý kiến chọn ấp Hoà Hữu để dễ bảo vệ, song lại có ý kiến khác cho rằng vùng sâu thì có một số thuận lợi nhưng lại không có nơi nào cao ráo để làm nơi thờ cúng Bác, như vậy thì đa số cán bộ, bà con không yên lòng. Bàn tính kỹ cuối cùng chọn ấp Vĩnh Hội-đây là ấp tranh chấp sát với địch, vị trí để xây dựng đền thờ là một khu giồng cát có lũy tre bao quanh, cách đồn giặc gần như là 300 mét (ấp Vĩnh Hội), cách đồn Giang Thát (ấp Vĩnh Hưng) là 800 mét, cách 1.500 mét đường chim bay là một căn cứ quân sự Mỹ (vàm Trà Vinh). Phía trước đền 700 mét là nhánh sông Cổ Chiên mà các loại giang thuyền tuần tiểu ngày đêm. Ác liệt là vậy, gian khó là vậy, nhưng nhân dân Long Đức trên dưới một lòng đó là yếu tố đầu tiên góp phần thắng lợi.

Ông Sáu Xúng chủ trì cuộc vận động, chỉ trong một tháng vận động, bà con Kinh-Khmer Long Đức đã góp được 3.000.000 đồng tiền ngân hàng cũ và các vật liệu xây dựng như: cimăng, tôn, gỗ... Em Hồ Văn Thuận ở ấp Vĩnh Hội dành tiền bán cá câu được của mình để ủng hộ. Ông Đình



Vĩnh Yên hiến cột. Chùa Phật ở Kinh Lớn hiến cây gỗ. Chùa Cao Đài (Vĩnh Yên) gởi 70 tấm tol và 50 bao cimăng. Ban chỉ đạo quyết định ngày 10.3.1970 khởi công xây dựng đền thờ.

Toàn bộ công việc xây dựng vào ban đêm, nhằm tránh phi cơ, phi pháo của kẻ thù. Khi chiều xuống, từng tốp người đũ các thành phần già, trẻ, lương, giáo Việt - Khmer từ các ấp Kinh Lớn, Long Đại, Rạch Bèo, Phú Hoà, Hoà Hữu, Huệ Sanh, Công Thiện Hùng kéo về Vĩnh Hội. Công việc lắp hồ bom, san nền, cưa cây, đục gỗ được tiến hành dưới ánh đèn đêm. Các má, các chị, các em gái chọn những tàu dừa đẹp nhất, những cọng lạt dẻo nhất chằm những tấm lá công phu nhất để lợp đền.

Nhiều đêm pháo giặc bắn liên hồi, ngọn đèn khí đá do ông Huỳnh Văn Thiện ở ấp Công Thiện Hùng đưa đến phục vụ bà con không đốt được. Mặc cho bom rền đạn rít, bà con tích cực làm việc. Gia đình bà Ba Nhẫn, gia đình bà Hai Phụng, ông Năm Nghĩa và biết bao gia đình khác ở Vĩnh Hội, Long Đại, Sa Bình...đã từng đêm chăm chút cho ngôi đền. Có má tuổi đã cao, sức đã yếu nhưng khi nghe con cháu đi làm đền thờ Bác cũng chống gậy lần mò trong đêm đến nhổ từng bụi cỏ, đập từng viên gạch vụn góp phần xây dựng đền thờ.

Quân địch ở Thị xã Trà Vinh biết được, tập trung bắn phá ác liệt ấp Vĩnh Hội. Tổ mộc xây dựng đền gồm các ông Dương Văn Quan, Lê Văn Quới, Trần Văn Ngoán ở ấp Long Đại, Huỳnh Văn Nù ở



ấp Công Thiện Hùng...phải dời về ấp Kinh Lớn. Một công việc tưởng như đơn giản nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ thì thật hiếm hoi, đó là bức chân dung của Bác để đặt trong ngôi đền. Hoạ sĩ Ba Phong - người được giao nhiệm vụ đó - giữa một căn chòi bên dòng sông Láng Thè ở ấp Kinh Lớn, đã nắn nét chắc lọc từng nét vẽ, quyết vẽ chân dung Bác coi như một tác phẩm đẹp nhất.

Khí thế dựng đền hết sức sôi nổi và khẩn trương để thực hiện ước mơ khánh thành đền thờ Bác vào ngày 19.5. Nhưng sáng sớm ngày 15.4.1970, địch đổ quân 4 mặt bằng tàu chiến và trực thăng vào ấp Vĩnh Hội, bắt đầu cho những cuộc càn quét liên tiếp mấy tháng ở đây.

Đền lại được tiếp tục xây dựng với nhịp độ khẩn trương hơn và lực lượng đông đảo hơn trước. Đến chiều ngày 31.1.1971 nhằm 30 Tết âm lịch, ngôi đền đã hoàn thành.

Đền thờ là niềm tự hào của nhân dân xã Long Đức, là chỗ dựa tinh thần của Thị xã Trà Vinh. Tết 1971, một cái Tết đầy ý nghĩa về tấm lòng của người dân Long Đức, người dân Trà Vinh đối với Bác. Đến mừng 3 Tết đã có hàng ngàn người kể cả đồng bào trong nội ô thị xã đủ các thành phần nhân sĩ trí thức, học sinh, chức sắc các tôn giáo đến dâng hương lên Bác, đi gần như công khai, binh lính trong đồn bảo nhau "chắc chắn mấy người đó đi vô đền cụ Hồ". Tuy biết vậy, nhưng anh em binh lính



vẫn để cho bà con tự do đi, không làm khó dễ chi hết".

Nhìn người lại ngẫm đến ta, ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nhân dân không quên góp tiền của, công sức để xây đền thờ Bác như ở Long Đức, Trà Vinh được do Đà Nẵng là nơi Mỹ thiết lập khu căn cứ quân sự liên hợp chà xát suốt đêm ngày. Tuy vậy, không xây được đền thờ Bác, thì nhân dân Đà Nẵng lại ghi công ơn Bác, thể hiện qua những buổi sinh hoạt văn nghệ và họ đã để lại trong lòng nhân dân Đà Nẵng những câu ca dao, dân ca về Bác rất phong phú, ấn tượng.

Câu ca dao, dân ca Đà Nẵng nói chung được xem như một tổng thể những giá trị tinh thần do con người Đà Nẵng sáng tạo nên và tồn tại trong chính cuộc sống của họ. Trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, người Đà Nẵng đã tạo nên một dòng văn nghệ dân gian phong phú, trong đó hình ảnh Bác Hồ chiếm một tỉ lệ không nhỏ. Và đây chính là sự kế thừa ca dao, dân ca truyền thống ngợi ca danh nhân lịch sử, bởi Bác là vị anh hùng giải phóng dân tộc đã trở thành nhân vật lịch sử vĩ đại, tồn tại trong đời sống tinh thần của người dân Đà Nẵng, từ đó tạo nên dấu ấn trong thi pháp của một dòng ca dao, dân ca Đà Nẵng.

Dân ta được sự ấm no

*Nhờ ơn Hồ Chủ Tịch đưa đến bến bờ
vinh quang*



Nhờ ơn Bác mà trong quan hệ nam nữ, quyền bình đẳng cũng được thiết lập:

*Nhờ ai sáng lập cán cân
Bác Hồ vĩ đại góp phần Đảng ta.
Sinh ra như thể một cha
Bình quyền bình đẳng giao hoà ý*

chung

Bác đã trở thành niềm tin và là cảm hứng sáng tạo của nhân dân:

*Lời cha sáng tỏ như gương
Lời cha vạch bảo bước đường vinh*

quang

Không làm lễ truy điệu Bác Hồ được do địch kèm kẹp nhưng người Đà Nẵng vẫn tri ân Bác, ghi nhớ trong lòng:

*Đọc lời cha hiệu triệu từng câu
Lời cha tha thiết làm sao
Hình cha con thấy biết bao dịu dàng
Cha yêu tất cả miền Nam
Về sau đi trước trên đường đấu tranh.*

Đây là những lời ca qua điệu hò, điệu ru truyền thống được lưu truyền, giữ lại, tiếp biến vào tương lai trong những làng quê, phố phường Đà Nẵng: Hoà Mỹ, Phú Lộc, Thanh Khê, Hà Thân,, Môn Quan, Hoà Hải, Hoà Quý, Vân Dương, Phong Lệ, Lai Châu, Đông Phước, Nghi An, Hố Quê...vào tận nội thành, len vào các chợ: Chợ Hộ, chợ Cồn, Chợ Mới,... Và ngay trên sông Hàn, tiếng hò khoan cất lên trên mỗi chuyến đò ngang nổi hai bờ đông -



tây phổ thi, toả vào đêm thiết tha, sâu lắng hình ảnh
Bác vọng vào lòng người Đà Nẵng.

Hình thành nên những cấu trúc ca dao - dân ca đặc trưng từ thực tiễn cách mạng, thực tiễn đấu tranh chống ngoại xâm là một cách ứng xử nghệ thuật mang dấu ấn phong cách và thi pháp riêng trong không gian vừa có các sắc thái của con người, vừa đất đai, ruộng đồng, bờ bãi. Những cuộc hát hò dân gian ấy diễn ra ngay tại quê hương Đà Nẵng, cho thấy hoàn cảnh xuất xứ và lưu diễn của những bài ca là phản ánh chân thực, sinh động về sự tiếp nối truyền thống ca dao - dân ca ngợi ca lãnh tụ, nhân vật lịch sử vĩ đại mà Bác Hồ là một người như thế. Không chỉ ở những cuộc hát hò mà đôi khi người Đà Nẵng cất vào tim mình, vào trí nhớ mình, vào hàm bí mật... và đọc cho nhau nghe trong lúc chiến đấu với quân thù:

Nhờ ơn Đảng, Bác dẫn đo

Lãnh đạo dân tộc, lái đò vinh quang

Ngày nay cờ đỏ sao vàng

Tung bay khắp nước hân hoan đón chào.

Thì đây là hình thức sử dụng ngôn ngữ, cách tư duy theo kiểu con người Đà Nẵng trong nghệ thuật dân gian và chính chỗ này là biểu hiện vượt qua cái cũ để vươn lên một tầm mới phát triển hơn, cảm nhận rộng hơn, bao quát, phong phú, sáng tạo hơn.

Dù thế nào thì thực tiễn cho thấy, kế thừa truyền thống cũ về ngợi ca nhân vật lịch sử, ở đây



thực tế là ghi nhớ công ơn của Bác Hồ mặc dầu không làm được đền thờ như ở xã Long Đức, Thị xã Trà Vinh nhưng trong ca dao dân ca Đà Nẵng có tầm rộng lớn, vĩ đại của Bác được phản ánh thông qua lăng kính thẩm mỹ dân gian của nhân dân.

Lại nữa thăm các chùa của người Khmer như thế nào. Trà Vinh có chùa Hang, chùa Âm là ví dụ.

Về Trà Vinh nghe câu:

Biển Ba động nước xanh, cát trắng

Ao Bà Om thắng cảnh miền Tây

Xin mời du khách về đây

Đến xem cho biết cảnh này thần tiên.

Ở Trà Vinh có thể đến những nơi: đền thờ Bác Hồ, biển Ba động, chùa Âm, ao Bà Om... Chúng tôi đến được đền thờ Bác Hồ, ao Bà Om, khu di tích văn hoá Khmer. Dạo một vòng quanh thị xã Trà Vinh nhìn thấy có trên 500 cây cổ thụ, gốc sù sì hai người ôm mới hết, đường phố rợp bóng mát.

Khu di tích chùa Âm và ao Bà Om thuộc ấp Tà Cù, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành đã được Bộ Văn hoá Thông tin công nhận di tích lịch sử quốc gia. Vào chùa Âm, ngôi chùa cổ nhất và tiêu biểu cho nền văn hoá Khmer, xây dựng vào năm 1779, nơi trưng bày văn hoá người Khmer, ta gặp tượng Yeak, Reahu, Krud và đầu thần 4 mặt Mahaprum trên các tháp quanh nền chính điện hoặc ở tháp Lăng ngọ. Đây là những nhân vật truyền thuyết của người Khmer...



Thần Yeak (St)

Yeak dân gian gọi là Chấn. Yeak, là loài ma quỷ được đức Phật giác ngộ cho làm thần hộ pháp (cả Bắc tông và Nam tông), Yeak giữ chùa, xua đuổi ma quỷ ra khỏi để nhờ đức Phật cải tà quy chánh. Yeak mà ta thường nghe các cụ gọi Dạ Xoa, trong văn cúng âm linh thường có nêu tên ngựa xoa. Ngựa xoa chính là Yeak trong quan niệm dân gian luôn là vị thần ác. Theo đó các đình, miếu, khu thờ tự âm linh thường nêu danh tính Ngựa Xoa để làm vừa lòng thần ác. Bởi vị thần Yeak luôn thể hiện hai mặt vừa thiện – vừa ác. Trong không gian chùa bảo vệ Phật, bởi được đức Phật giáo hóa thì hiền lành, nhưng trong không gian làng xóm, phum, sóc của dân gian, vị này được cho là thường xuyên ác độc. Khi Dạ Xoa ác thường ăn tươi nuốt sống người đi đường. Bữa hôm vào thăm một ngôi chùa, chúng tôi gặp vị thần mặt tròn, lông lên, răng nanh cong nhọn rồi ra hai bên mép, da màu xanh lục, mang áo giáp, cầm vũ khí có hình dạng cái chày. Vào chùa Ấng thấy có hai vị hộ pháp đứng hai bên bảo vệ chùa.



Trong khu di tích Khmer còn có hình tượng loài chim Krud. Đây là chim thần thường xuyên quan sát hành trạng của Yeak, mỗi khi Yeak hung ác, chín thần Krud sẽ chế ngự tính hung ác của Dạ Xoa,... Thần Krud có liên quan gì đến chim thần Gruda của người Chăm?

Còn có thần Reahu, thần có liên quan đến hiện tượng nhật thực nguyệt thực theo quan niệm người Khmer. Vị sư già kể chuyện liên quan đến nhật thực nguyệt thực và Reahu cho chúng tôi nghe. Chuyện rằng: *Xưa, gia đình nọ có ba anh em trai, ngày nào họ cũng dành phần cơm cho vị sư khát thực ngang qua nhà. Một bữa nọ phân công cho em út nấu cơm, nhưng do trời mưa mấy bữa nay nên củi ướt, không cháy. Vị sư khát thực ngang qua nhà mà cơm chưa chín. Hai người anh giận người em, la quát, dùng vá xúc cơm đánh vào đầu người em. Người em giận lắm, bỏ ra bờ sông phía ra sau nhà ngồi khóc. Người em nguyện rằng kiếp sau hóa thành người có sức mạnh phi thường để không bị ai đánh mình được. Hai người anh thấy vắng em, bèn ra sau nhà tìm, bất ngờ nghe được lời cầu nguyện của người em. Họ lo lắng, rồi họ cầu nguyện sao cho mình có sức mạnh hơn cả dòng nước dưới sông kia để em mình không làm gì được mình.*

Về sau, cả ba anh em được toại nguyện như lời cầu nguyện, người anh cả hóa kiếp thành mặt trời, người anh thứ hai hóa kiếp thành mặt trăng và người em út thành Reahu. Reahu có thân người cao



lớn, nhưng mặt mũi xấu xí, nhãn nhó, lại có sức mạnh không ai có thể địch nổi.

Do không bằng lòng với hai người anh trước kia dùng vá bới com đánh vào đầu mình, Reahu bắt mặt trời và mặt trăng nuốt vào bụng. Bấy giờ trời đất mờ đi hay tối om. Thấy thế, có vị thần cai quản vũ trụ bày cho mặt trăng và mặt trời hai bài thần chú là “Sô bờ rích mặt trời và Sô bờ rích mặt trăng”. Được như vậy, mỗi khi lâm nạn bị Reahu nuốt, chỉ cần đọc thần chú lên là Reahu phải nhả ra. Trời đất lại sáng trở lại... Từ chuyện kể trên, khi vào chùa của người Khmer, ta gặp vị thần Reahu đang nuốt nửa mặt trời.

*Biểu tượng thần Reahu
đang nuốt mặt trời (St)*

Vào
chùa còn gặp
những bức
hoạ trang trí
trên vách và
trên trần,
mang dáng vẻ
của văn hoá



Phật giáo và Bà la môn giáo, ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hoá Ấn Độ. Các bức hoạ phản ánh quá trình hình thành triết lý Phật giáo, dọc theo những câu chuyện thần kỳ trong kinh Phật được thể hiện ra



bằng những bức tranh màu sắc rực rỡ, đẹp và sinh động.

Đi ngang qua ao Bà Om (còn gọi là ao Vuông), diện tích 120.000 m². Mặt nước trong xanh lặng như tờ. Một hàng cây cổ thụ mọc quanh ao, có hai cây rễ dính liền tạo nên hai gốc đại thụ lớn, sần sùi. Đến đây chúng tôi được nghe kể về sự tích ao Bà Om. Sự rằng: ngày xưa dân lành không thể chịu nổi cảnh chiến tranh chết chóc, khổ đau, tàn khốc trong hoàng tộc, một số người Khmer bỏ đi lánh nạn. Họ cứ dọc theo sông Mê Kông mà đi, đi mãi đến một nơi (sau này là ao Bà Om) thuận lợi và định cư tại đây, làm nhà cư trú. Sau khi ổn định cuộc sống một số người muốn đổi mới phong tục, họ muốn đàn bà không phải dẫn cưới. Bên nữ không đồng tình, thế là hai bên nam, nữ phải tìm một lựa chọn để giải quyết, họ bèn tổ chức một cuộc thi tài ngộ nghĩnh. Bên nam, nữ chia thành hai nhóm để đào ao lấy nước, hẹn đến khi rạng sáng, ao nào sâu hơn, rộng hơn thì phải đổ thắng cuộc. Phái thua cuộc phải lo lễ cưới. Nhóm nam cậy có sức khỏe, lo gì ! Hạ hoi sẽ thắng mà ! Xem thường việc đào ao, bèn gác cuốc xẻng, nhậu say rồi đi ngủ, quên luôn. Còn nhóm nữ, tỏ ra lo lắng cứ cặm cù đào, chịu khó ra sức đào ao. Đến nửa đêm, bà Om, một người trong nhóm nữ nghĩ kế: thắp một đèn treo lên cây cao để lừa cánh đàn ông, sau đó họ cởi bỏ hết quần áo để đào ao cho mát . Nhóm nam thức giấc, vừa ngái ngủ nhìn ngọn đèn tường sao mai đã mọc, vừa



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

thấy nhóm nữ không ai mặc quần áo cả, bèn bỏ dở công việc đào ao, chịu thua nhóm nữ, chấp nhận phong tục mới đàn bà dẫn cưới.



Bên ao Bà Om (A: VVH)

Quanh ao mọc rất nhiều cây ngò om, vậy là người dân quanh đây gọi là ao Ngò Om hay ao Om. Ao và chùa Âm toạ lạc trên một khu đất rộng chừng bốn ha, hàng cây cổ thụ có đến trên trăm cây hơn trăm tuổi, trông toàn cảnh của ao như một cao nguyên ở giữa đồng bằng Nam bộ. Buổi sáng, khi mặt trời lấp ló sau hàng cây, sương chưa tan đầu ngọn cỏ mới thấy hết vẻ đẹp của ao Bà Om lung linh huyền diệu. Buổi chiều hoàng hôn về chen trên lá, bóng cây rung rung trên sóng nước, rồi đêm dần lên,



trắng lại về, thời điểm ấy, ao Bà Om mang vẻ đẹp kiêu sa của cô con gái dậy thì.

Chúng tôi đạp trên lá vàng rơi xào xạc một buổi trưa tháng tám (8.2003) như đạp vào cõi mộng mơ đã từng làm xao động trái tim của khách đường xa đến thăm vào một trưa hè.

Đứng từ ao Bà Om ta có thể nhìn quanh hoặc đi thăm vài phum người Khmer, hoặc có thể ghé đến thăm khu di tích văn hoá Óc - eo một thời rực rỡ bị lớp bụi thời gian phủ mờ nay vừa mới sơ tầm, góp nhặt trưng bày tại bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer Nam bộ.

Và thế là chúng tôi đã đi qua Trà Vinh, thăm một vài danh thắng trên vùng hạ lưu sông Me Kông - Sông Hậu - Cổ Chiên

Chúng tôi đã đi qua chín cửa Cửu Long giang mới thấy rằng con sông hùng vĩ và rộng mênh mông, bồi lắng phù sa cho dải đồng bằng Nam bộ, tưới tiêu cho các miệt vườn cây xanh trái ngọt của miền Tiền Giang, Hậu Giang.

Nhìn trên bản đồ, nơi phát nguyên từ Tây Tạng, chạy dài 4.200 km trước khi đổ ra biển Đông của Việt Nam. Vào Việt Nam sông có tên Cửu Long giang chứ thật ra nó có tên là Mékong. Trong quá trình xuôi ra bể cả, có đoạn chảy giữa đôi bờ núi cao, có khi băng qua những sườn núi tạo nên những thác, ghềnh, nước từ trên cao 15 mét đổ xuống ầm ầm như thác Kemmrát, thác Khône ở miền Thượng Lào. Nhiều đoạn sông không thể đi lại được, có



đoạn người ta phải dùng thuyền độc mộc may ra mới có thể len lỏi theo dòng. Từ Luang Prabang lòng sông đã mở rộng, tàu thuyền đi lại thuận lợi cho giao thông, trao đổi buôn bán bằng đường thủy nhất là đoạn sông từ Vạn Tượng đến Savannakhet. Ra khỏi địa phận Lào, dòng sông xuôi xuống vào lãnh thổ Campuchia. Từ Khône đến Kratie trở xuống, tàu bè đi lại dễ dàng. Thế rồi từ Biển hồ Tonglèsap sông đổ vào miền Châu Đốc của Việt Nam. Tại đây, dòng Cửu Long giang chia làm hai nhánh. Một nhánh rẽ về miền Hậu Giang lại chia làm bốn nhánh. Vào địa phận Việt Nam, dòng sông lững lờ không có thác, ghềnh. Nhiều nơi dòng sông mở ra rộng mênh mông như khi chảy qua địa phận Phong Dinh thuộc thành phố Cần Thơ rồi đổ ra biển Đông với chín cửa sông: cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên, cửa Cung Hầu, cửa Định An, cửa Ba Thắc, cửa Trần Đề. Có lẽ từ chín cửa sông mà người dân Nam bộ đặt tên cho con sông gắn bó với đồng bằng là Cửu Long giang.

Lưu vực của sông rộng 460.000 km², lưu lượng 4.000 m³ nước/s về mùa cạn, 100.000 m³ nước/s về mùa nước lũ, dòng Cửu Long đã tưới tiêu cho nhiều cánh đồng màu mỡ của Nam bộ: Bến Tre (Kiến Hòa), Long An (Tân An), Mỹ Tho (Định Tường), Gò Công. Miền Tiền Giang gồm: Vĩnh Long (Vĩnh Long, Sa Đét), Phong Dinh (Cần Thơ), An Giang, Châu Đốc, Sóc Trăng, Bạc Liêu (Ba



Xuyên). Miền Hậu Giang có Kiên Giang (gồm Hà Tiên, Rạch Giá).

Sông Cửu Long hằng năm nước sông dâng lên vào khoảng tháng 6 đến tháng 10. Người nông dân "Hai lúa" Nam bộ không trông trọt gì trong những tháng có nước lũ. Khi nước sông xuống cạn để lại một lớp phù sa phì nhiêu, nông dân không cần phải cho thêm phân bón.

Đã về xuôi, sông Cửu Long hợp với sông Đồng Nai cùng phụ lưu là sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ với 3.000 km sông đào, kinh rạch chằng chịt như mạng nhện ở vùng châu thổ đã giúp cho nông nghiệp phát triển, thương mại cũng theo đó được phát đạt nhờ vào mạng lưới giao thông bằng đường thủy chằng chịt.

Trên dòng Cửu Long giang đã từng nhấn chìm bao hy vọng của quân Pháp. Tàu "Hy Vọng" của Pháp đã bị Nguyễn Trung Trực đốt cháy giữa dòng. Và rồi quân Mỹ đến cũng không thể nào yên ổn được trên dòng sông hùng vĩ khi họ bị nhấn chìm nhiều tàu chiến, và cũng trên dòng sông này những người du kích Nam bộ đã lập nhiều chiến công hiển hách.

Và, dòng Cửu Long giang mãi mãi còn đọng lại ở lòng người dân miền Tiền Giang những mối tình sông nước, những điệu hò, câu hát của khách thương hồ vào những đêm trăng sáng khi trên mặt sông lấp loáng ánh nguyệt lồng trong nước.



Nghe đờn ca tài tử trên cù lao Long (VVH)

Và chúng tôi cũng đã qua đây, hơn một lần
ngồi nghe những điệu hò, đờn ca tài tử ở Tiền Giang
trong một quán nhỏ trên cù lao Long.

Đi qua miền sông nước Cửu Long
cũng đã hơn một lần chúng tôi
ngang qua miền Hậu Giang của
tỉnh Cần Thơ. Người từ phương
xa như chúng tôi đến đồng bằng châu thổ sông Cửu
Long thường cho rằng "đi về miền sông nước". Điều
kiện địa lý miền này cho chúng tôi cái nhìn như thế,
bởi tính rõ rệt của nó, càng dần vào nam, mạng lưới
sông ngòi càng chằng chịt mà đúng là sông ngòi là
mạng lưới giao thông của đồng bằng sông Cửu
Long. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có
mạng lưới sông ngòi nhiều nhất thì miền Hậu giang



là nơi có mạng lưới sông rạch dày nhất của đồng bằng Cửu Long giang. Khi chúng tôi ngang qua đây mới có thể biết được rằng nơi đây đã có một cuộc sống rất phong phú làm cho các con sông, kênh, rạch ở đây bỗng có hồn, bởi tất cả các sinh hoạt văn hóa của người dân ở đây đều xuất phát từ các dòng sông. Cứ lắng nghe nhịp điệu dịu dàng trải dài trong các câu hát trong những đêm đờn ca tài tử thì có thể cảm nhận được.

Phía nam sông Cửu Long từ vùng Hà Tiên, Rạch Giá (Kiên Giang) dài đến hết mũi Cà Mau, trước kia người dân nơi đây gọi là miệt Hậu Giang. Chúng tôi chẳng phải là kẻ lang bạt kỳ hồ ngang dọc để tìm hiểu một vùng rộng lớn của đồng bằng Cửu Long giang sông nước mà chỉ hiểu được một phần rất nhỏ và như thế chỉ là kẻ lãng du rong chơi miền sông nước Cửu Long trong những ngày hè bàn về mấy khúc sông của một kẻ phương xa. Nằm ở Cà Mau một đêm mưa mùa hạ nghe anh em ở Cà Mau kể rằng nếu căn cứ vào chỗ anh biết, từ Bạc Liêu xuống đến Cà Mau có tất cả bảy con sông, trong đó sông Cửa Lớn là một con sông lớn rộng chừng 500-600 thước và sâu có trên 10 thước. Từ cửa sông dần về thượng nguồn sẽ nhìn thấy các con kênh, rạch, mương nước do người dân đồng bằng đào nên lan tỏa vào trong các xóm ấp. Anh còn kể rằng để vợ vết cho được nguồn tôm cá xứ sở này, người Pháp đã cho đào rất nhiều con kênh, rạch như thế và nay vẫn còn ra đó. Dân hồi ấy sợ lắm, sợ theo kiểu dân



gian: "Đến đây xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu cũng phải sợ, con cá vùng cũng phải kinh" thế nên tụi Pháp bảo rằng *xáng la* xáng liếc gì đó không rõ nữa cứ đòi vào tận xóm ấp mà bắt con nít chở đi, cho nên hể mà nghe đến *xáng la* là dân sợ bỏ dĩa. Thực ra hồi ấy không có khoa học khoa hiếc gì trội nên mới thể chớ kỳ thật đó là mấy chiếc tàu chạy trên sông của tụi Pháp chớ có chi đâu. Vậy đó, nên về sau ông Nguyễn Trung Trực đốt chiếc tàu Hy Vọng để ợt.

Biết rằng dân nhiều nơi tập trung về đồng bằng Cửu Long giang sinh sống đông và rầm rộ nhất là sau khi thực dân Pháp chiếm được Sài Gòn - Gia Định. Tuy thế tình hình sinh sống của người dân nơi đây vẫn chưa thể ổn định lâu dài do cuộc truy lùng của thực dân Pháp rồi sau đây quân đội Mỹ đến, tàu to, súng lớn chạy qua chạy lại trên các dòng sông này cũng không hơn gì. Người dân bồng bế nhau chạy trốn để lại những đồng đồ nát, xóm ấp bị thiêu hủy do quân Pháp thời ấy đi từng nhà, đốt từng lều. Thời quân Mỹ đến cũng không hơn, chúng cũng đốt từng căn nhà, mái dứa của những người nông dân đồng bằng Cửu Long này. Từ đấy dân Sài Gòn-Gia Định mang đời lưu dân trên những chiếc ghe cui, ghe bầu, họ vượt sông Tiền, sông Hậu tiến vào miệt Hậu Giang. Cứ theo các con kênh con rạch của đồng bằng mà đi miết, nơi đâu có người ở, họ tạt vào trú ngụ làm quen, nhờ đỡ. Rồi cũng từ đó nơi đâu đồng cỏ bỏ không họ dừng chân xem phen, ngó nước,



thấy được lại ra công khai phá trồng cây lúa nước. Đất đồng nhiều nên không ai tranh ai mà mạnh ai nấy khai phá, có nhiều công được nhiều đất ruộng, cho nên lòng người ở đồng bằng sông Cửu Long cởi mở, điều này đã thành thói quen tạo nên nếp sống của dân ở đây. Người ở đồng càng vui và càng có lợi, có sự cộng hưởng nhau, nương tựa nhau trong quá trình phát triển khai phá đồng bằng, vì xa nơi chốn thị thành nên trộm cắp đâu có dễ bén mảng đến. Người đến cư trú đông xưa đuổi thú rừng đi nơi khác, không phá hại cây trồng. Nếu mà gieo một công ruộng, chớ vợ một mình giữa đồng thì chuột cắn đủ hết, còn nếu gieo mấy trăm công ruộng thì chuột cắn phá mỗi công một ít, vẫn hơn. Thế nên, những lưu dân từ các miền đến với đồng bằng Cửu Long giang đã hình thành được tinh thần cởi mở, chuộng khách, mến khách. Những người đến sinh sống sau được những người đến trước giúp đỡ về mọi mặt. Đây là một tính cách đặc trưng của người dân miền Hậu Giang từ thế kỷ thứ XX về trước. Trong mỗi nhà đều có bộ ván dùng tiếp khách, khách có thể ở ăn, được mời rượu mỗi ngày mà không so đo tính toán thiệt hơn, lại còn cho mượn dụng cụ, chỉ nơi đất còn bỏ hoang cho mà khai phá trồng lúa, rau màu.

Các anh ấy còn cho biết thêm rằng những lưu dân đến với sông nước Hậu Giang với khát vọng cháy bỏng là khai phá để có được một mảnh vườn, thửa ruộng tạo được một cơ ngơi ổn định lâu dài nơi



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

quê hương mới đến. Họ chọn những miếng đất nằm bên sông rạch để tiện xỏ phèn, chống úng, và để thuận lợi trong việc giao thông đi lại. Cho nên ngày nay có thể nhận thấy cư dân đồng bằng sông Cửu Long nói chung đều sống dọc theo các sông, rạch. Kênh, rạch là những tuyến giao thông quan trọng của đồng bằng./.





CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

PHAN THIẾT



Mũi Né – Phan Thiết (St)



Ngày...tháng 8 năm 2003

Đến Phan Thiết, trời ngã vào chiều, nắng không còn gay gắt lấp lánh trên đường phố. Vòng một tour quanh Thị xã nơi nổi tiếng làm nước mắm ngon không đâu sánh kịp, họa lắm chỉ có Phú Quốc mới có thể sánh ngang mà thôi chứ Đà Nẵng có nước mắm Nam Ô cũng chưa cạnh tranh nổi. Đường phố Phan Thiết còn hẹp và ngổn ngang đang trong quá trình xây dựng. Những khu du lịch khi đoàn chúng tôi đến có công trình còn đang thực hiện dang dở.

Anh M. ở Bình Thuận giới thiệu với chúng tôi khi đang trên đường ra thăm Mũi Né và Hòn Rơm về khu du lịch sinh thái núi Tà Cú. Đến Phan Thiết du khách bốn phương thường biết đến Mũi Né, Hòn Rơm, đôi khi họ còn quan tâm đến bãi cát Đồi Hồng và những hàng dừa dọc theo bờ biển, quanh năm nắng gió lồng lộng đất trời mà ít biết về khu du lịch núi Tà Cú. Ở đây cũng không kém phần hấp dẫn.



Đi trên xe, các anh ở Phan Thiết cho hay chắc đến tháng chín hay chậm hơn là sang năm 2004 khu du lịch sinh thái này mới thực sự mở cửa đón khách du lịch. Rồi anh nói luôn:

- Khu du lịch Tà Cú ở Thị trấn Thuận Nam, nằm trên quốc lộ 1A và cách Thị xã Phan Thiết chừng 28 - 30 cây số. Ở đây là một khu rộng lớn, xấp xỉ chừng 250.000 mét vuông. Khu du lịch vừa có rừng, có núi và có cả biển nữa. Tiếc là các anh Đà Nẵng vào thăm nhưng Tỉnh chúng tôi chưa hoàn thành xong nên không thể mời khách đến thăm quan được. Hẹn một dịp khác nha!

Tôi chen vào:

- Đến khi công trình hoàn thành xong, đặc điểm nào là nổi bật nhất?

- Là một quần thể sinh thái phong phú, lại có thêm hệ thống cáp treo như... như Bà Nà ngoài Đà Nẵng vậy. Này nhá, tuyến cáp dài có tới một ngàn rưỡi hay hơn gì đấy, tôi cũng không nhớ nữa nhưng chắc chắn là nó sẽ hiện đại nhá, không thua Tây Ninh, Bà Nà đâu. Độ cao từ mặt đất đến cáp là 500 mét. Anh nghĩ coi, mình đi trên đó mà nhìn xuống mặt đất chắc là mờ mắt à nha! Cao ghê vậy đó. Ở trên mình có dịp ngắm trời mây, ờ mà sờ được mây rồi còn gì, hoà cùng thiên nhiên, hương rừng, gió biển, tha hồ mà ngắm nhìn những cánh rừng và đồng lúa, không có gì thú vị hơn anh Cẩm Lệ nha. Vào khu du lịch này sẽ được mắt thấy tai nghe nào là ngọn hải đăng Kê Gà tồn tại có cả trăm năm nay rồi



đó hen. Rồi chùa này, tháp, tượng Phật, hang động nữa. Vào hang có tượng Phật nhập niết bàn, dài 49 mét, cao 11 mét, hình như lớn nhất Đông Nam Á thì phải. Vào đây còn có thể rửa mặt bằng những tia nước từ trong núi chảy ra, mát lịm này.

Ngang qua đoạn có lầu Ông Hoàng trên dãy núi kéo dài ra thành Mũi Né, giai thoại kể rằng: *Nơi đây trước kia thi sĩ Hàn Mặc Tử cùng với Mộng Cầm thường đáp thuyền từ trong Phan Thiết vượt biển ra Mũi Né, có khi ra tới Hòn Rơm dạo chơi, ghé lại lầu Ông Hoàng chuyện văn những khi Hàn Mặc Tử nghỉ dạy học cuối tuần.* Đó là thời kỳ hạnh phúc nhất của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Chính đó mà sau này có nhạc sĩ cảm hứng tình yêu trắc trở đã viết ca khúc về mối tình say đắm của Hàn Mặc Tử với Mộng Cầm: *Lầu Ông Hoàng đó thiết tha hai người nguyện ước có nhau...* và đến nay mà nói thì " *Tang thương còn lại mảnh trăng rơi*" như câu thơ trong bài *Ơi Phan Thiết, Phan Thiết* của Hàn Mặc Tử.

Ơi Phan Thiết, thật thú vị xiết bao!

Lại đi trên cát đồi Hồng, mịn bàn chân biết nhường nào. Bạn không thể nào hình dung được nếu phải mang cả giày dép băng ngang qua cả một đồi cát mênh mông. Những người trong đoàn đều phải nắm cả giày dép trên tay. Tôi lại không, quả là khó chịu khi cát lọt vào tận trong giày. Đi trên cát lại nghĩ rằng nếu chẳng có khí hậu gió mùa mang hơi nước từ biển vào thì chắc Phan Thiết sẽ có rất nhiều đồi Hồng như thế này và không chừng có nơi trở



thành hoang mạc cũng nên như mùa hè này người dân Bình Thuận thiếu nước ngọt để dùng phải quay sang đào giếng tìm lấy nguồn nước ngọt, vất vả biết bao. Mà phải đâu giếng nào cũng là nước ngọt! Tuy thế, thiên nhiên cũng hào phóng tặng cho loài người những tác phẩm kỳ diệu, đã có hàng trăm nhà nhiếp ảnh đến đây, băng vào bãi cát đồi Hồng chớp lấy khoảnh khắc đẹp nhất của cát sa hoàng khi hoàng hôn rắng đỏ trời chiều.

Chúng tôi đến Mũi Né, phía xa là Hòn Rơm ngả màu vàng nhẹ giữa chiều. Trời lại bắt đầu nặng nước, những đám mây tích chùng thấp bay ngang qua đầu. Biển thăm màu vô tư trước những cơn dông xé rách một khoảng trời Phan Thiết. Đứng trước biển lòng lại đan xen cái có - cái không.

Tôi nhẩm đọc mấy câu thơ:

Bước một mình thềm nghe tiếng sóng

Dạt dào Mũi Né hoàng hôn

Ta còn đâu sóng vỗ chiều Phan Thiết

Dấu chân ai trên cát đồi Hồng

Ta hỏi bể vì đâu biển mặn

Gió ngàn khơi ai kéo sợi tơ trời

Dã tràng ơi đừng dăng chân ở lại

Mây trên đầu vẫn vũ một cơn dông

Ta lại về đâu bể đâu

Lâu Ông Hoàng tình yêu người thi sĩ

“Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi”

*Biển băng khuâng không níu được chân
chiều.*



Ở Bình Thuận lại nghĩ về Ninh Thuận ở đây có gì? Chừng 2 tháng nữa thì lễ hội Ka Tê của người Chăm được tổ chức. Đây là lễ hội của người Chăm theo đạo Bà La Môn ở Ninh Thuận. Theo lịch người Chăm ngày mùng 1 tháng 7 Chăm, tức dao động từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 10 hằng năm của người Kinh, lễ hội Ka Tê tổ chức. Bây giờ không chỉ người Chăm mà còn có cả người Kinh, người Raglai, người Ê Đê ... cũng tham gia. Lễ diễn ra tại tháp Pô Klong Garai, tháp được xây dựng vào thế kỷ thứ XIII, đầu thế kỷ thứ XIV, nay tọa lạc tại phường Đô Vinh, Thị xã Phan Rang. Tháp thờ vị vua Pô Klong Garai (1151 - 1205). Vị vua này được người dân Chăm suy tôn là Thần Thủy lợi.

Trước lễ hội một ngày, tại các tháp Pô Nugar, tháp Pô Rômê ở thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, có hàng ngàn người thuộc dân tộc Chăm, Raglai đã tề tựu cùng nhau rước y phục của nữ thần Pô Nugar - mẹ Thủy tổ người Chăm- vị thần có công dạy người Chăm trồng bông, trồng lúa, kỹ thuật dệt vải và các bước phục lẫm trong phong tục của người Chăm./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

QUY NHƠN



Nơi thờ tự “Tây Sơn Tam Kiệt”



Ngày... tháng 8 năm 2003

*N*ơi tôi đã từng học Cao đẳng Sư
Phạm Khóa I, 1976-1977.

*Gió từ biển Quy Nhơn thổi lên
 mát rượi thành phố, tạt ngang
qua khu hội chợ. Ngồi với Nguyễn Văn Trừ trên lề
đường ngay quảng trường rộng lớn, thưởng thức
một ly sinh tố. Trừ bảo:*

*- Bạn đến Quy Nhơn thăm tôi! Mừng lắm!
Tôi nắm tay Trừ. Trừ vui vẻ:*

*- Đến Quy Nhơn phải nhậu hải sản, nói khác
là nhậu đặc sản mới thích.*

*- Đêm tối quá mà khuya rồi tìm đâu nữa, hôm
nay có hội chợ, ta vào khu triển lãm xem thôi. Quy
Nhơn của Trừ về đêm mát rượi. Tôi đề nghị vậy.*

Trừ ngân ngai, bỗng đọc câu ca dao:

Anh về Bình Định chi lâu

Để em ra đứng hàng dâu góc chùng

 Kỳ này là mùa nắng, trời đang chuẩn bị cho
mưa đầu mùa, sẽ có những món đặc sản tuyệt vời,
toàn là đặc sản biển thôi ông Cẩm Lệ nhá. Quy
Nhơn có đủ loại tôm cua, cá, ghẹ, ốc, hào... thế



nhưng ngon miệng hơn cả là cá nướng và gỏi cá. Nướng thì có loại cá mú, cá hồng... lai rai với bìa Bình Định xanh lùn thì tuyệt. Hoặc là hàu (sia) hấp, ghẹ um, hoặc luộc, mực ống mà xào với tỏi là hấp dẫn hết chê nha. Lại còn có gỏi cá mai, cá mai chỉ xuất hiện khi gió nam thổi mạnh. Hay là gỏi ốc. Đặc sản như thế là của nhà quê giá vừa phải nhưng lại khoái khẩu. Cá đuối đem hấp cuốn bánh tráng rau sống hay làm lẩu cá đuối rất ngon Cẩm Lệ nghe.

Chúng tôi nhâm nhi ly sinh tố, Trừ giới thiệu:

- Không có thời gian chứ mời anh về Tam Quan quê tôi thì thoả thích, tha hồ. Ta hẹn nhau mùa hè tới được không. Anh lại vào đây với tôi đi!

Tôi chưa hứa được, ậm ừ!

Trừ lại nhiệt tình:

- Này nhé, về quê tôi theo quốc lộ 1A đến đầm Trà Ô (Châu Trúc) ở huyện Phù Mỹ có món cá chình ngon lắm, có cả cá chình và cá chình mun, chình bông lại ngon hơn, ưa thích. Hay lên cửa Đê Ghi (biển Đê Ghi) là có chả cá.

Anh về qua ngõ Đê Ghi

Nghe mùi chả cá chân đi không đành

Loại chả này không phải cá Đê Ghi mà là cá thu có vị ngọt lợ. Rồi mắm thu nữa Cẩm Lệ nhá, thơm ngon nhưng lại phải gọi mắm cá thu Tam Quan quê tôi là “ông nội”. Nơi quê tôi là xứ dừa - dừa Tam Quan mà - thế nhưng lại có mắm cá thu sánh với Phan Thiết hay Nam Ô của anh ngoài Đà Nẵng vậy. Loại mắm này có đến trăm năm nay.



Thời Pháp, dân làm mắm quê tôi cho vào hũ sành
gắn sập bán khắp xứ Đông Dương chứ ít đâu.

Mắm cá thu chấm bánh tráng dừa Tam Quan
thì hợp khẩu vị, khách nhậu quên đường về luôn.
Bánh được tráng bằng nước cốt dừa và cơm dừa với
bột gạo, thêm mè hạt, hành, tiêu. Nướng bánh và ăn
thật béo, ngon. Tôi cắt ngang:

-Bánh to bằng cái nia, vừa vác vừa ăn phải
không!

Trừ cười:

-Quê tôi nó vậy mà phong phú dữ đấy, còn
thêm nào bánh tráng ở Hoài Nhơn, Phù Mỹ là bánh
tráng hủ tiếu làm bằng bột mì tinh lọc. Bánh đem
nướng lên, ăn xốp, giòn, hay lắm nghe.

Còn nếu ngược lên miền sơn cước, theo quốc
lộ 19 đến Phú Phong thuộc huyện Tây Sơn vùng
sông Côn. À! mà anh đọc tiểu thuyết Sông Côn của
Nguyễn Mộng Giác chưa? Rồi! Ừ, này anh, có mấy
món lạ miệng mà ngon. Chẳng hạn là gié bò. Đây là
món đặc trưng miền núi Phú Phong. Gié là ruột non
con bò nấu với lá giang rừng vừa đắng lại vừa chua.
Hay lắm nghe! Không có dịp nào mình thử coi.
Ngon phải biết!

Và rồi vùng núi này còn có món chim mía,
đây cũng là món đặc sản quê hương tam kiệt. Chim
mía xuất hiện nhiều vào những tháng đầu xuân, khi
mà mía bắt đầu trổ cò. Gọi là chim mía vậy, chứ có
cả chim chia vôi (chiền chiện), chim sẻ, chim sâu,
đội mữ (chào mào) ...đều gọi chung là chim mía.



Cẩm Lệ biết không:

- Đến chợ huyện xã Phước Lộc, Tuy Phước, quê hương cụ Đào Tấn đây, gặp nem chợ Huyện không nếm không xong. Trăm năm nay nổi tiếng khắp tỉnh, ngoài tỉnh nha, lên cả vùng Tây Nguyên nhấm nháp với rượu cần nữa nghe, Vào vùng Ninh Hoà, nem chua chợ Huyện ở Tuy Phước sánh ngang đặc sản Khánh Hoà chớ đừng có giỡn. Nem Thủ Đức có ngon cũng đến mùi vị như nem Huyện của tỉnh tôi thôi ông Cẩm Lệ à.



*Di tích Cây me tại khu quần thể
“Tây Sơn tam kiệt”.*

Trừ vỗ tay một cái, tiếp:

- À quên. Nem mà nhấm với rượu Bầu Đá thì sướng quên về luôn nha. Rượu này có nhiều ở xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn đó. Tuyệt chiêu, rượu nặng thụt lưỡi, nhưng ngon, phải không anh?

Tôi gật gù vì đường xa, đi nhiều rồi mà! Qua một chuyến đã nửa tháng hành trình, đã đi qua nhiều



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên

vùng đất, đã biết được ít nhiều điều mới lạ. Đêm nay ngồi với Trừ tại Quy Nhơn sau 28 năm, từ cái năm 1976 tôi vào học tại trường Cao đẳng sư phạm Quy Nhơn, Khóa I rồi lên Tây Nguyên làm việc tại Ea Tiêu rồi Ea Ktur, Đăk Lăk. Nay mới có dịp về thăm lại, tiếc rằng vì thời gian có ít nên không đến được Ghềnh Ráng, xem lại bãi đá trứng, dốc Mộng Cầm và mộ Hàn Mặc Tử, nơi một thời ghi dấu nhiều kỷ niệm riêng chung. Hồi đó tại Ghềnh Ráng tôi đã nói với cô bạn gái:

*Biết là không mong gì được nữa
Từ dạo ta trèo lên Ghềnh Ráng
Đá Trứng trôi đâu phải dốc Mộng Cầm*

*Anh chẳng bao giờ nói nữa đâu em
Tuổi trẻ anh đi cùng nỗi nhớ
Đời cứ nghèo riêng một nhánh hoa*

*Anh chưa nói với em điều gì
Dẫu có những điều suy nghĩ
Như mây bay trắng một vòm trời
qua vòm trán ước mơ.*

Viết tại Quy Nhơn, tháng 10/1976.

Không biết bây giờ bạn ấy thế nào rồi!
Đêm đã khuya, chia tay Trừ trong lòng lưu
luyến đã đan xen./.



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên



MỤC LỤC

PHẦN MỘT

RA BẮC

Huế	10
Quảng Trị	22
Quảng Bình	28
Hà Tĩnh	34
Hà Nam	55
Hải Dương	69
Hải Phòng	79
Bắc Giang	85
Quảng Ninh	98
Lạng Sơn	109
Cao Bằng	133
Bắc Cạn	154
Hà Nội	165
Hòa Bình	172



PHẦN HAI

VÀO NAM

An Khê	178
Buôn Ma Thuột	189
Sóc Trăng	209
Long An	220
Phú Quốc	228
Trà Vinh	237
Phan Thiết	259
Quy Nhơn	265



CẨM LỆ - Đi theo phía ngày lên